Vietnam Airlines
SẢI CÁNH VƯƠN CAO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

TẬN TÂM | CHỦ ĐỘNG | PHÁT TRIỂN
TẬN LỰC | BỨT PHÁ | VỮNG BỀN

Để tải bản mềm Báo cáo thường niên 2022 của Vietnam Airlines, vui lòng truy cập website https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/about-us/investor-relations/annual-reports hoặc quét QR code phía bên trái.

MỤC LỤC

I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC 6

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 12

A. Định hướng phát triển 12
B. Chiến lược phát triển 14
C. Mục tiêu phát triển bền vững 16
D. Các rủi ro khi thực hiện các mục tiêu của Vietnam Airlines 17

III. GIỚI THIỆU CHUNG 18

1. Thông tin khái quát 18
2. Ngành nghề kinh doanh chính 20
3. Quá trình hình thành và phát triển 22
4. Sơ đồ tổ chức 24
5. Cơ cấu cổ đông 34
6. Sự kiện tiêu biểu 36
7. Danh hiệu, giải thưởng 38

IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH 40

1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản 40
2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 44

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 46

1. Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines 46
2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc 48
3. Về hoạt động của Ban Giám đốc 49
4. Về định hướng hoạt động năm 2023 của Vietnam Airlines 50

VI. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022 52

1. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2022 52
2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực 53
   - *2.1 Mạng đường bay* 53
   - *2.2. Đội tàu bay* 58
   - *2.3. Thương mại* 60
   - *2.4. Dịch vụ* 69
   - *2.5. Kỹ thuật* 75
   - *2.6. Khai thác* 78
   - *2.7. An toàn – An ninh* 80
   - *2.8. Quản trị nguồn nhân lực* 84
   - *2.9. Truyền thông, phát triển thương hiệu* 89
   - *2.10. Chuyển đổi số/CNTT* 94
   - *2.11 Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên* 96
   - *2.12 Các chương trình hợp tác* 99

MỤC LỤC

3. Tình hình đầu tư 103
   3.1. Các dự án đầu tư tài sản năm 2022 103
   3.2. Đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp 104
4. Tình hình tài chính 109
   4.1. Các chỉ tiêu tài chính bắt buộc theo Thông tư 96/2020/TT-BTC 109
   4.2. Phân tích tình hình tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất 112
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai 117

VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 118

1. Các mục tiêu phát triển bền vững 118
2. Các chương trình thúc đẩy bình đẳng giới 122

VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY 124

1. Cấu trúc quản trị công ty 124
2. Thông tin và hoạt động của HĐQT 126
3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT và Ban Kiểm tra Kiểm toán 127
4. Báo cáo của Ban Kiểm soát 128
5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích 132
6. Hoạt động của Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty 133
7. Quan hệ Nhà đầu tư 133

IX. QUẢN TRỊ RỦI RO 134

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 138

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tải cung ứng luân chuyển)
ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)
BCTC	Báo cáo tài chính
BH	Block Hour (Giờ bay)
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
FSC	Full Service Carrier (Hãng hàng không truyền thống)
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
HKVN	Hàng không Việt Nam
Hợp nhất	Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết
IATA	Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
K6	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
KH	Kế hoạch
KSV	Kiểm soát viên
LCC	Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MTV	Một thành viên
OTP	On Time Performance (Chỉ số đúng giờ)
PA	CTCP Hàng không Pacific Airlines
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCTHK	Tổng công ty Hàng không
TH	Thực hiện
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
UBQLV	Ủy ban Quản lý Vốn
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VNA Group	Công ty mẹ và PA
VTHK	Vận tải hàng không
Công ty mẹ, hay Vietnam Airlines	Bao gồm Vietnam Airlines và Vasco

I. THÔNG ĐIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông ĐẶNG NGỌC HÒA
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê HỒNG HÀ
Tổng Giám đốc

Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, thị trường hàng không dần phục hồi, Tổng Công ty hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) đã nỗ lực vượt qua thời điểm khó khăn nhất và sẵn sàng bước vào giai đoạn mới với phương châm "Tận tâm tận lực - Chủ động bứt phá - Phát triển vững bền".

Kính thưa Quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines, chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc tới các Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã đồng hành và chia sẻ cùng chúng tôi trong năm vừa qua.

Năm 2022, ngành hàng không Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách. Thị trường quốc tế - vốn đem lại 50% doanh thu cho các hãng hàng không Việt Nam - phục hồi không như kỳ vọng. Thị trường nội địa tuy phục hồi tốt về sản lượng, nhưng các hãng hàng không cạnh tranh giá vé khốc liệt, gây sụt giảm doanh thu và hiệu quả. Ngoài ra, toàn ngành còn chịu tác động tiêu cực từ xung đột địa chính trị, giá nhiên liệu leo thang, lạm phát cao và tỷ giá biến động bất lợi.

Để phục hồi và phát triển trong bối cảnh khó khăn còn rất lớn, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Vietnam Airlines đã đoàn kết, linh hoạt, sáng tạo, chủ động phát huy nội lực, đẩy mạnh tái cơ cấu và tận dụng hiệu quả sự hỗ trợ từ bên ngoài. Nhờ đó, Vietnam Airlines đã vượt qua đỉnh điểm khó khăn và đạt được những kết quả khả quan hơn so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Sản lượng khách vận chuyển năm 2022 đạt 18,21 triệu khách, vượt 7,1% so với kế hoạch. Vận chuyển hàng hóa đạt 213.034 tấn. Doanh thu hợp nhất (bao gồm phần lãi/lỗ trong công ty liên kết) ghi nhận 71.775 tỷ đồng, vượt 19,8% kế hoạch, trong đó công ty mẹ đạt 50.214 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch. Đặc biệt, trong một số thời điểm, Vietnam Airlines đã cân đối được thu chi và có lãi.

Mức lỗ trước thuế hợp nhất và công ty mẹ giảm so với năm 2021 lần lượt là 2.020 tỷ đồng và 2.993 tỷ đồng. Vietnam Airlines nộp ngân sách nhà nước đạt 3.321 tỷ đồng, tăng 40,5% so với năm 2021. Vị thế dẫn đầu trong năm 2022 của Vietnam Airlines Group (gồm Vietnam Airlines, Pacific Airlines, và Vasco) được giữ vững với thị phần 41,3%, lớn nhất thị trường nội địa.

Công tác tái cơ cấu được thực hiện quyết liệt trên tất cả lĩnh vực, giúp giảm gánh nặng dòng tiền, bổ sung thu nhập và cải thiện hiệu quả kinh doanh trong năm 2022. Hãng đã tái cấu trúc các hợp đồng thuê tàu bay, tái cơ cấu chi phí đội tàu bay thông qua đàm phán giãn, hoãn các khoản thanh toán, giảm giá trực tiếp tiền thuê với đối tác cho thuê tàu bay; tái cấu trúc tài sản thông qua thanh lý tàu bay cũ, bán và thuê lại tàu bay, động cơ; triển khai quyết liệt các giải pháp cắt giảm, triệt để tiết kiệm chi phí; tái cơ cấu, thoái vốn tại một số công ty có vốn góp thông qua chuyển nhượng, bán một số danh mục đầu tư. Vietnam Airlines cũng chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp tái cơ cấu tài chính như tái cơ cấu nợ vay, sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay ngắn hạn.

Bên cạnh đó, Vietnam Airlines đã triển khai tái cấu trúc về mặt tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất và cải thiện thu nhập cho người lao động. Trong năm 2022, Vietnam Airlines đã giảm 03 đơn vị và 23 phòng. Trong cả giai đoạn ảnh hưởng của Covid-19 là từ năm 2020 đến nay, Vietnam Airlines đã tinh giản tổng cộng 4 cơ quan, đơn vị và 51 phòng.

Các giải pháp nêu trên đã giúp Vietnam Airlines cắt giảm tổng chi phí được xấp xỉ 7.200 tỷ đồng, trong đó riêng các giải pháp tự thân, đàm phán với đối tác là gần 4.300 tỷ đồng.

Kính thưa Quý cổ đông,

Những kết quả đạt được năm 2022 là minh chứng rõ nét cho thấy quyết tâm của Vietnam Airlines trong việc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hướng tới thực hiện thành công mục tiêu và chiến lược giai đoạn năm 2021-2030.

Nhằm nhanh chóng phục hồi và phát triển bứt phá trong những năm tới đây, Vietnam Airlines đã xác lập các phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2030 gồm: (1) Đảm bảo an toàn khai thác tuyệt đối (2) Đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo, thực hiện cơ cấu lại toàn diện và đồng bộ hoạt động sản xuất kinh doanh (3) Gia tăng năng lực cạnh tranh, kết hợp khai thác cả hai phân khúc truyền thống và giá rẻ, duy trì vị thế chủ đạo tại thị trường Việt Nam (4) Phát triển trên dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (5) Đảm bảo vai trò, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái (6) Mở rộng vai trò của Vietnam Airlines trong ngành hàng không thông qua việc tham gia xây dựng các chính sách không tải, tham gia quy hoạch, xây dựng hạ tầng sân bay và tăng cường hợp tác liên doanh quốc tế.

Mục tiêu tổng quát của Vietnam Airlines là trở thành tập đoàn hàng không có quy mô doanh thu thuộc nhóm đầu trong khu vực Đông Nam Á; là một trong 10 hãng hàng không được ưa thích nhất tại châu Á; chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là hãng hàng không công nghệ số và trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

Bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược nêu trên, căn cứ các dự báo về cơ hội, thách thức và kịch bản điều hành, Vietnam Airlines đã xây dựng các kế hoạch và giải pháp đồng bộ trên mọi lĩnh vực:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì an toàn khai thác tuyệt đối, đồng thời đẩy mạnh tối ưu hóa quy trình, nguồn lực, qua đó gia tăng hiệu suất sử dụng đội tàu bay, phi công và tiếp viên, đảm bảo tải cung ứng bám sát nhu cầu thị trường.

Nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, Vietnam Airlines không ngừng nâng cấp chất lượng dịch vụ. Trọng tâm của hãng là thiết kế sản phẩm dịch vụ theo hướng đa dạng hóa, cá nhân hóa, tạo ấn tượng với các thiết kế trải nghiệm xuất sắc. Song song,

Vietnam Airlines xây dựng văn hóa dịch vụ nâng tầm, tạo môi trường cho mỗi cán bộ, nhân viên là một Đại sứ dịch vụ có thể đem lại những trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.

Bên cạnh các kế hoạch nâng cao sản lượng và chất lượng dịch vụ, hãng tiếp tục thực hiện chặt chẽ các chương trình tiết kiệm và quản trị chi phí. Mục tiêu là giảm chi phí đơn vị so với 2019, với nguyên tắc là ở đâu có nhân tố tạo ra chi phí (cost driver) thì ở đó phải thực hiện công tác quản trị và tối ưu hóa chi phí.

Đối với lĩnh vực đầu tư, Vietnam Airlines tập trung chuẩn bị đầu tư dự án tàu bay thân hẹp và chuyển đổi cấu hình các tàu bay A321 để đáp ứng nhu cầu khai thác khi thị trường phục hồi. Hãng cũng triển khai chuẩn bị đầu tư tổ hợp công trình dịch vụ đồng bộ chuyên ngành hàng không tại Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành.

Trong công tác tái cơ cấu, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu, thoái vốn của Vietnam Airlines tại một số công ty có vốn góp song song với quá trình báo cáo xin phê duyệt chủ trương và xử lý tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế thoái vốn từ các cơ quan có thẩm quyền và tiếp tục tái cơ cấu tài sản, thanh lý tàu bay cũ, bán và cho thuê lại tàu bay, động cơ (SLB); tổ chức lại quy trình công việc, đẩy mạnh tổ chức lại bộ máy gọn nhẹ, sắp xếp lại phân công lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Vietnam Airlines tập trung triển khai để hoàn tất giai đoạn 1 công tác tái cơ cấu, chuyển nhượng vốn tại hãng hàng không Cambodia Angkor Air.

Để thực hiện tốt những định hướng nêu trên, Vietnam Airlines chú trọng đổi mới quản trị doanh nghiệp, ứng dụng mạnh mẽ hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, hướng tới trở thành hãng hàng không công nghệ số hàng đầu khu vực.

Các giải pháp công nghệ thông tin như nhận diện khuôn mặt, phần mềm kiểm soát chuyến bay, chuẩn hóa quy trình xếp chỗ…đang được nghiên cứu, áp dụng để tối ưu hóa chi phí, tối ưu hóa quy trình và tăng năng suất lao động. Vietnam Airlines đã và đang đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số và ứng dụng số quan trọng như Nền tảng dữ liệu khách hàng (CDP); nền tảng Omnichannel; nền tảng Trục tích hợp ứng dụng; nền tảng Thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu lớn; nền tảng Quản lý đối tác VNA E2E…

Không chỉ theo đuổi mục tiêu sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines tự hào phát huy vai trò Hãng hàng không Quốc gia, đảm bảo triển khai an toàn, trọng thị, chu đáo các chuyến bay chuyên cơ. Hãng sẽ tiếp tục đề xuất các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho ngành hàng không, du lịch; tăng cường phát động và tham gia các chương trình thúc đẩy du lịch và quảng bá văn hóa, điểm đến Việt Nam tới bạn bè thế giới. Đặc biệt, nhằm mang lại giá trị, lợi ích cho cộng đồng và xã hội, Vietnam Airlines sẽ phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện nhiều chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) quy mô lớn trong những năm tới.

Kính thưa Quý cổ đông,

Vietnam Airlines nêu cao phương châm **"Tận tâm tận lực - Chủ động bứt phá - Phát triển vững bền".** Dù chặng đường phía trước còn nhiều thử thách, chúng tôi tin tưởng với sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan quản lý; với kinh nghiệm, sự đoàn kết, nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và tập thể người lao động, cùng sự ủng hộ nhiệt thành của các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và bạn hàng, Vietnam Airlines sẽ hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, qua đó không ngừng sải cánh vươn cao và khẳng định vị thế dẫn đầu ngành hàng không Việt Nam./.

ĐIỂM NHẤN 2022

TỔNG LƯỢNG KHÁCH LUÂN CHUYỂN

22,7

TỶ KHÁCH.KM

(+291% YOY)

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

71.775

TỶ ĐỒNG

(+144% YOY)

TỔNG SỐ CHUYẾN BAY

141.000

(+133,5% YOY)

LOTUSMILES

4,6 TRIỆU

HỘI VIÊN

THỊ PHẦN NỘI ĐỊA

41,3%

THỊ PHẦN QUỐC TẾ

21,4%

HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN

20,8

TRIỆU KHÁCH

(+193% YOY)

HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

217.400

TẤN

(-2.2% YOY)

Toàn bộ số liệu theo VNA Group (VNA, VASCO và PA)

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

A. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

- Giữ vững vị thế của Vietnam Airlines là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam.
- Tập đoàn các hãng hàng không – VNA Group (Vietnam Airlines, Pacific Airlines, Vasco) giữ thị phần nội địa số 1 tại Việt Nam.
- Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại Việt Nam, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn.
- Cung cấp dịch vụ hàng không chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tạo dựng được môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả, nhiều cơ hội phát triển cho người lao động.

2. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động.
- Khách hàng là trung tâm. Vietnam Airlines thấu hiểu sự phát triển của tổ chức đi cùng với sự tin yêu của khách hàng.
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức.
- Không ngừng sáng tạo. Lấy sáng tạo là phương châm đổi mới. Chúng tôi luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn.
- Tập đoàn hàng không có trách nhiệm. Chúng tôi ý thức rằng sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội là nhân tố đầu vào then chốt để đưa ra quyết định trong mọi hoạt động SXKD của Vietnam Airlines.

VietnamAirlines
SKYTEAM

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

- Đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo.
- An toàn là nhiệm vụ tiên quyết, là cơ sở, tiền đề cho sự tồn tại và phát triển của Tổng công ty.
- Duy trì vị thế dẫn đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần và năng lực cạnh tranh, kết hợp khai thác cả hai phân khúc truyền thống và giá rẻ nhằm đạt mục tiêu kép về thị phần lẫn hiệu quả. Trong VNA Group, Vietnam Airlines đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt, đổi mới công tác quản trị điều hành kinh doanh vận tải hàng không trên cơ sở không ngừng nâng cấp chất lượng dịch vụ theo hướng hãng hàng không 5 sao, khai thác dải đối tượng từ truyền thống tới giá rẻ. Đồng thời, VNA Group cũng mở rộng quy mô khai thác mảng hàng không chi phí thấp (LCC) để phục vụ tối đa nhu cầu đa dạng của khách hàng. Thực hiện tái cơ cấu Pacific Airlines và Vasco trên cơ sở tinh giản bộ máy, sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung với Vietnam Airlines, tận dụng các lợi thế, thế mạnh của từng hãng, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh chung của VNA Group.
- Phát triển Tổng công ty trên cơ sở tạo bước đột phá lớn, dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. Tập trung triển khai nhanh, mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng. Tiếp tục đầu tư đổi mới phát triển đội tàu bay hiện đại tiên tiến.
- Các giải pháp, chính sách phát triển, mở rộng quy mô sản xuất hay nâng cao hiệu quả SXKD phải đảm bảo vai trò, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng; gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Mở rộng vai trò của Tổng công ty trong ngành hàng không thông qua việc tham gia tích cực vào việc xây dựng các chính sách không tải; tham gia quy hoạch, xây dựng hạ tầng sân bay, đảm bảo khả năng phát triển sân bay căn cứ với khu vực dành riêng cho Tổng công ty đi kèm với cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng và các dịch vụ phụ trợ khác; tăng cường hợp tác liên doanh quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, công nghệ quản lý, khoa học kỹ thuật; phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp với sự thay đổi của thói quen, hành vi của khách hàng.
- Thực hiện cơ cấu lại toàn diện và đồng bộ các doanh nghiệp thành viên để Tổng công ty có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ.

2. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Top 3 doanh nghiệp hàng không về quy mô doanh thu trong khu vực Đông Nam Á.
- Top 10 các hãng hàng không được yêu thích tại châu Á.
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.
- Thực hiện chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là hãng hàng không công nghệ số (Digital Airlines).
- Trở thành doanh nghiệp được yêu thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

C. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, Vietnam Airlines có trách nhiệm lên kế hoạch và triển khai các chương trình, mục tiêu phát triển bền vững để giảm thiểu các tác động đến môi trường và đồng thời gia tăng các mục tiêu kinh tế. Kế hoạch phát triển bền vững của Hãng có thể được triển khai thông qua các nội dung như giảm lượng khí thải carbon thông qua chương trình hiện đại hóa tàu bay, áp dụng các công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, tối ưu hóa lộ trình bay, giảm sử dụng nước và giảm lượng rác thải nhựa... Đồng thời, với nhu cầu ngày càng gia tăng về các lựa chọn du lịch bền vững, những doanh nghiệp gắn các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu kinh tế sẽ thu hút được nhiều khách hàng hơn và quan trọng là cải thiện được danh tiếng của hãng. Từ đó cải thiện sự trung thành của khách hàng và gia tăng lợi nhuận trong tương lai, góp phần gia tăng và duy trì lợi thế cạnh tranh trong ngành hàng không.

- Vietnam Airlines luôn nỗ lực bền bỉ, không ngừng khẳng định vị thế, uy tín của thương hiệu Vietnam Airlines trong lòng khách hàng Việt Nam và thế giới nhằm mang đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng cũng như góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Bên cạnh sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đặc biệt chú trọng góp phần cải thiện an sinh xã hội, chung tay phát triển đất nước thông qua các hoạt động cộng đồng.

- Về môi trường: Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cũng như việc triển khai thực hiện và kiểm soát, đánh giá hoạt động toàn bộ hệ thống. Ngoài ra, Vietnam Airlines không ngừng hiện đại hóa đội tàu bay với những dòng tàu bay mới, hiện đại, giảm thiểu tác hại cho môi trường, giảm khí thải, giảm tiếng ồn. Tổng công ty không chỉ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường mà còn không ngừng đầu tư, đổi mới phương tiện, trang thiết bị, công nghệ, đồng thời nghiên cứu, cải tiến áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật cũng như điều hành, khai thác nhằm giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ, giảm lượng khí CO_2 tác động xấu đến môi trường.

D. CÁC RỦI RO KHI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA VIETNAM AIRLINES

Giai đoạn 2021 – 2025 là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ. Trong đó, điển hình là sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phổ biến của công nghệ số và dữ liệu lớn (Big Data). Điều này dẫn đến thói quen tiêu dùng của các nhóm khách hàng thay đổi. Bên cạnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức về bảo vệ môi trường, các rủi ro về dịch bệnh, thiên tai cũng như những tồn tại, mâu thuẫn trong hệ thống pháp lý và sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt khi xu hướng bầu trời mở ngày càng phổ biến.

▪ Về môi trường

Ngành hàng không đóng góp 2% lượng khí thải CO_2 toàn cầu, và được đánh giá sẽ trở thành một trong những ngành ảnh hưởng lớn tới biến đổi khí hậu toàn cầu cùng với tốc độ phát triển nhanh chóng, trong khi đó, các ngành khác đang chuyển dịch sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch. Việc sử dụng các nguồn năng lượng mới là một giải pháp giúp các hãng hàng không giảm bớt tác động xấu tới môi trường và tạo ấn tượng tốt với khách hàng, trong xu hướng tiêu dùng xanh giảm carbon và tăng tái chế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến quyết định thuê mua, sử dụng đội tàu bay của các hãng hàng không.

Dịch bệnh, thảm họa môi trường là điều không thể dự báo trước. Đây cũng là rủi ro lớn đối với ngành hàng không. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu đi lại của người dân và hàng không là một trong những ngành đầu tiên phải hứng chịu hậu quả.

▪ Về cạnh tranh

Trong năm 2022, trên thị trường nội địa, vận tải hàng không đã phục hồi khá mạnh mẽ nhưng không bền vững, sức mua và khả năng chi trả của người dân chưa cao, trong khi các hãng hàng không cạnh tranh gay gắt làm cho mức giá vé bình quân thấp hơn năm 2019. Mặc dù sản lượng vận chuyển nội địa cao hơn mức trước đại dịch nhưng do các khoản chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là giá nhiên liệu và tỷ giá USD, nên các hãng hàng không trong nước đều rơi vào tình trạng thua lỗ trong kinh doanh vận tải hàng không.

Đối với mảng kinh doanh quốc tế, thị trường bắt đầu xuất hiện sự cạnh tranh khi các hãng hàng không nước ngoài với tốc độ hồi phục nhanh hơn đã tăng cường hoạt động khai thác, thể hiện qua tải cung ứng tổng thị trường tăng 2,5 lần so với 2021 và đạt hơn 45% so với năm 2019.

▪ Về dịch bệnh

Đại dịch COVID-19 được kiểm soát, nhiều quốc gia đã gỡ bỏ hầu hết rào cản về cách ly, kiểm dịch y tế, các đường bay quốc tế cũng theo đó được phục hồi. Tuy nhiên, nguy cơ xuất hiện các biến thể mới của COVID cũng như các dịch bệnh lây nhiễm luôn hiện hữu, tác động đến sự phục hồi và phát triển của ngành hàng không.

III. GIỚI THIỆU CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Vietnam Airlines JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (+84.24) 38 723 723 | Fax: (+84.24) 38 722 375
- Website: www.vietnamairlines.com
- Email: nhadautu@vietnamairlines.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/01/2022
- Vốn điều lệ: 22.143.941.740.000 đồng
- Mã cổ phiếu: HVN. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.214.394.174 cổ phần (tính đến 31/12/2022)

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh chính của Vietnam Airlines là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa, hành lý, bưu gửi.
- Các ngành nghề kinh doanh khác được quy định tại Điều 5 Điều lệ ngày 28/06/2022 của Tổng Công ty.

2.2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến ngày 31/12/2022, Vietnam Airlines có

Danh sách các đơn vị phụ thuộc tại Việt Nam

1. Chi nhánh TCT HKVN – CTCP Khu vực Việt Nam
2. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Tuy Hòa
3. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Chu Lai
4. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đồng Hới
5. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hải Phòng
6. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Vinh
7. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Điện Biên
8. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Buôn Ma Thuột
9. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nha Trang
10. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quy Nhơn
11. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đà Lạt
12. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Huế
13. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pleiku
14. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cần Thơ
15. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Phú Quốc
16. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Rạch Giá
17. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thanh Hóa
18. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP – Công ty Bay dịch vụ Hàng không
19. Chi nhánh TCT HKVN – CTCP – Trung tâm Huấn luyện bay
20. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hà Nội
21. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Côn Đảo
22. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cà Mau
23. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP – Trung tâm Bông Sen Vàng
24. Tạp chí Heritage
25. Đoàn bay 919
26. Đoàn tiếp viên
27. Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay

Danh sách các đơn vị phụ thuộc tại nước ngoài

1. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Anh
2. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Campuchia
3. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Siem Reap
4. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đài Loan
5. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Kaoshiung
6. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đức
7. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hàn Quốc
8. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Busan
9. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hongkong
10. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Lào
11. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Luang Prabang
12. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Liên Bang Nga
13. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Malaysia
14. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Mỹ
15. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Myanmar
16. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nhật Bản
17. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Osaka
18. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Fukuoka
19. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nayoga
20. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pháp
21. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Singapore
22. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thái Lan
23. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Úc
24. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Melbourne
25. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Trung Quốc
26. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thượng Hải
27. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quảng Châu
28. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thành Đô
29. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Indonesia
30. Văn phòng đại diện TCT HKVN Khu vực châu Âu/EU

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993

VIETNAM AIRLINES

Thành lập Hãng hàng không quốc gia Việt Nam

1995

Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành

2002

Vietnam Airlines

Giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và nâng cấp đội máy bay

2003

Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ

Tiếp nhận đưa vào khai thác tàu bay hiện đại Boeing B777 đầu tiên, khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay

BOEING 777

2006

IATA

Trở thành thành viên chính thức của IATA

2010

Chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu

Chính thức là thành viên thứ 10 của Liên minh Hàng không toàn cầu SkyTeam

SKYTEAM

2014

09/2014
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa VNA

11/2014
Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

2015

03/2015
Tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất thành lập CTCP

04/2015
Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/04/2015

07/2015
Trở thành hãng hàng không đầu tiên của Châu Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới

Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng và đăng ký chứng khoán

Vietnam Airlines

2016

4 STAR AIRLINE SKYTRAX

07/2016
Chính thức được công nhận là Hãng hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn của Skytrax

07/2016
Hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings INC (Nhật Bản), ký kết Hợp đồng bán cổ phần và Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với ANA Holdings INC.

2017

01/2017
Cổ phiếu Vietnam Airlines chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán HVN, giá trị vốn hóa nằm trong top đầu của thị trường

12/2017
Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên Bông Sen Vàng

LOTUSMILES

2018

AIRBUS A321 neo

11/2018
Đón tàu bay Airbus A321NEO đầu tiên

2019

05/2019
Cổ phiếu HVN chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 07/05/2019

08/2019
Đón tàu bay Boeing B787-10 đầu tiên

08/2019
Được Bộ Giao thông vận tải Mỹ cấp phép mở rộng hợp tác liên danh linh hoạt hai chiều với hãng hàng không Delta Air Lines

10/2019
Chào đón tàu bay thứ 100 trong đội tàu bay của Vietnam Airlines

2020

05/2020
Kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam

2021

Hãng hàng không Việt Nam duy nhất được Skytrax xếp hạng 5 sao về an toàn phòng chống dịch COVID-19

11/2021
Hãng hàng không Việt Nam đầu tiên và duy nhất khai thác đường bay thẳng thường lệ giữa Việt Nam – Hoa Kỳ

COVID-19 SAFETY RATING SKYTRAX

2022

6/2022
Hãng đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam đạt được chứng chỉ Khai thác tầm bay mở rộng (Extended Diversion Time Operations - EDTO) trên 180 phút cho loại tàu bay trang bị 02 động cơ

4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

4.1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Vietnam Airlines là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Vietnam Airlines gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc

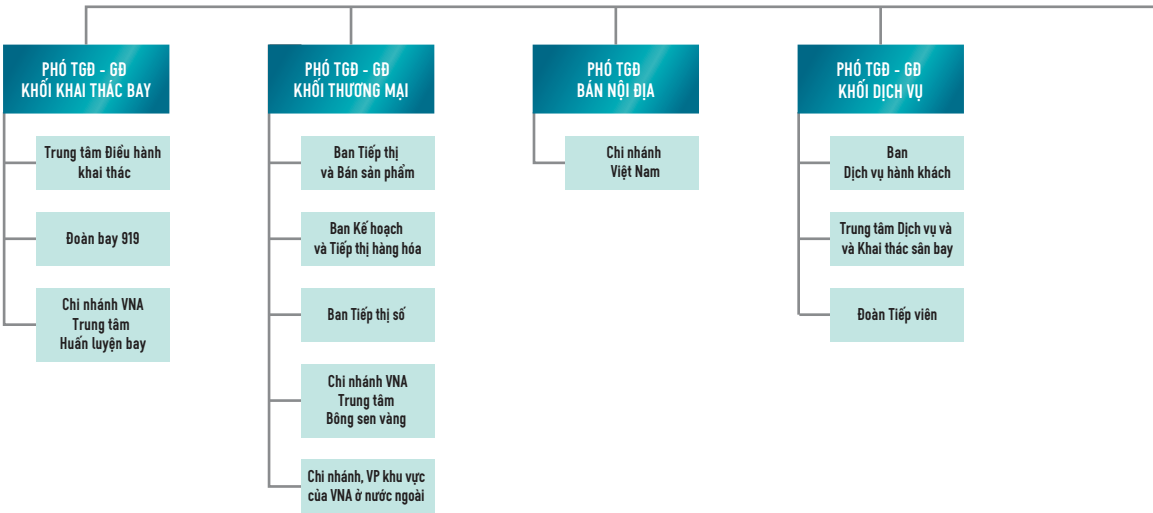

Những thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm 2022

Cùng với Vietnam Airlines, các doanh nghiệp thành viên đều đồng loạt thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức và lao động nhằm giảm bớt đầu mối xử lý công việc, tinh giản gọn nhẹ lực lượng lao động, phân công lại nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới trên nguyên tắc tối ưu hóa năng suất lao động. Một số công tác nổi bật:

- Hoàn thiện phương án tái cơ cấu tổ chức trong Đề án tổng thể tái cơ cấu Vietnam Airlines báo cáo Chính phủ, Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước;
- Hoàn thành tái cơ cấu các cơ quan, đơn vị Khối Thương mại, Khối Dịch vụ.

Sơ đồ tổ chức tính đến 31/12/2022

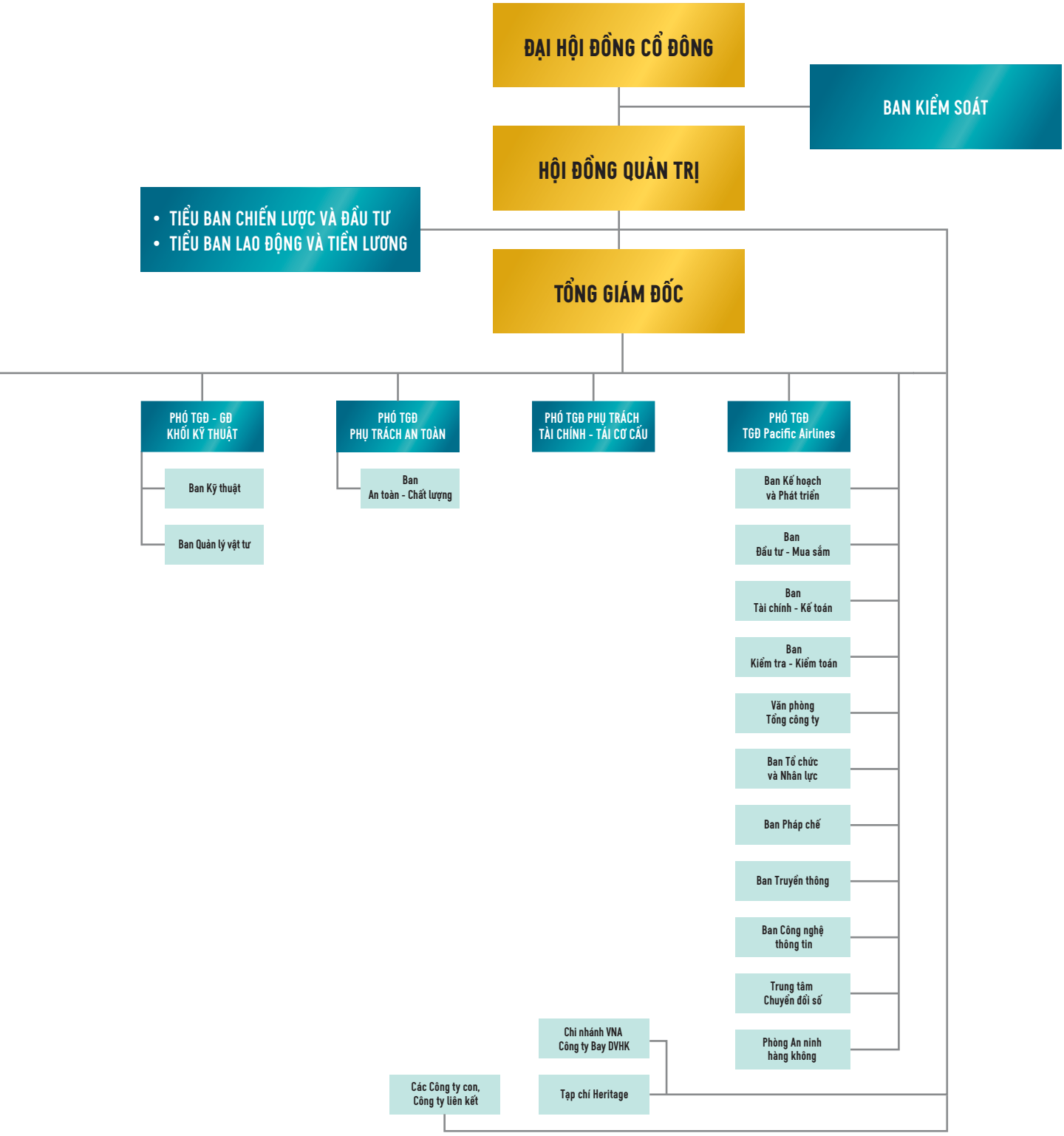

4.2. BAN LÃNH ĐẠO VIETNAM AIRLINES

Hội Đồng Quản Trị

Ông ĐẶNG NGỌC HÒA

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban chiến lược và đầu tư; Ủy viên Ban chấp hành VCCI khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Hàng không

Ông LÊ TRƯỜNG GIANG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Lao động và Tiền lương; Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS); Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn Đua thuyền Việt Nam khóa III nhiệm kỳ 2022 – 2027

Năm sinh: 1967

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông ĐINH VIỆT TÙNG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc SCIC; Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC; Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Licogi; Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo Minh

Năm sinh: 1974

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Ông LÊ HỒNG HÀ

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC); Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật

Ông TẠ MẠNH HÙNG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Hãng hàng không quốc gia Cambodia Angkor Air (K6)

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý

Ông TRƯƠNG VĂN PHƯỚC

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Các tổ chức khác: Thường trực Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ; Ủy viên Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Năm sinh: 1959

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng

Ông HIROYUKI KOMETANI

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Phó Chủ tịch điều hành, Giám đốc chiến lược và kiến tạo tương lai của ANA Holdings

Năm sinh: 1965

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2022

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế học

BAN GIÁM ĐỐC

Ông LÊ HỒNG HÀ

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC); Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật

Ông TRỊNH NGỌC THÀNH

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS); Thành viên Hội đồng tư vấn của IATA; Thành viên Hội đồng điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam

Năm sinh: 1964

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1988

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA); Ủy viên Ban chấp hành Hội vận động hiến mô, bộ phận cơ thể người Việt Nam nhiệm kỳ 2022 - 2027

Năm sinh: 1963

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông NGUYỄN HỒNG LĨNH

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt (VFT)

Năm sinh: 1962

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1984

Trình độ chuyên môn: Phi công

Ông NGUYỄN CHIẾN THẮNG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật hàng không

Ông TÔ NGỌC GIANG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Đoàn trưởng Đoàn bay 919; Phó Chủ tịch Hội hữu nghị và hợp tác Việt Nam – Pháp khóa VII nhiệm kỳ 2022 – 2027

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học/ Phi công

Ông ĐINH VĂN TUẤN

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Tổng Giám đốc CTCP Pacific Airlines (PA)

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển

Ông NGUYỄN THẾ BẢO

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam (VACS); Giám đốc Chi nhánh Việt Nam

Năm sinh: 1973

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Chính trị

Ông LÊ ĐỨC CẢNH

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)

Năm sinh: 1973

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1997

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông TRẦN THANH HIỀN

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Cho Thuê Máy Bay Việt Nam (VALC)

Năm sinh: 1963

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN THỊ THIÊN KIM

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông MAI HỮU THỌ

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1962

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1984

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp – SCIC; Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh

Năm sinh: 1979

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ - THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Ông NGUYỄN XUÂN THỦY

Chức vụ hiện tại: Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Các tổ chức khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)

Năm sinh: 1962

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

4.3. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư

Ông Đặng Ngọc Hòa, Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
Ông Lê Hồng Hà, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
Ông Tạ Mạnh Hùng, Thành viên HĐQT - Thành viên
Ông Lê Trường Giang, Thành viên HĐQT - Thành viên
Ông Lê Đức Cảnh, Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
Ông Trần Thanh Hiền, Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán - Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung, Trưởng ban Kế hoạch và Phát triển - Thành viên
Ông Đỗ Đông Hưng, Phó phòng Thư ký HĐQT - Thư ký

2 – Tiểu ban Nhân sự và tiền lương

Ông Lê Trường Giang, Thành viên HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
Ông Nguyễn Chiến Thắng, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
Ông Vũ Đình Thủy, Trưởng ban Tổ chức và Nhân lực - Thành viên
Ông Triệu Hải Đăng, Trưởng phòng, Ban Tổ chức và Nhân lực - Thư ký

4.4. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

(tính đến 31/12/2022)

Danh sách các công ty con

STT	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.093.117	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	800.000	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất - P.2 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000	100,00
5	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA)	PA	112 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081	98,84
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	261.669	55,13
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46-48 Hậu Giang - P.4 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	93.726	55,00
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long - P.4 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	VINAKO	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578	65,05
10	Công ty Cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491	60,17
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158	51,00
12	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Đào tạo phi công	66.000	51,52
13	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	AITS	412 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032	52,73
14	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Xuất Nhập Khẩu Lao động	10.000	51,00
15	Cty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	Tầng 5, Tòa nhà Đệ Nhất 53 Quang Trung, P. Nguyễn Du Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ liên quan đến phân phối hệ thống sabre và hệ thống cuộc gọi	5.200	51,69

Danh sách các công ty liên kết

STT	CÔNG TY LIÊN KẾT	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Tầng 6, 18 Lý Thường Kiệt Phường Phan Chu Trinh Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay	63.315.837 (USD)	32,48
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677 (triệu đồng)	36,11
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	31.113 (triệu đồng)	41,31
4	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	44.708 (triệu đồng)	30,41

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

5.1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

LOẠI CỔ PHẦN	Cổ phần phổ thông
MỆNH GIÁ	10.000 đồng/ cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH	2.214.394.174 cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	2.214.394.174 cổ phần

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I. TRONG NƯỚC	**2.081.021.981**	**49.740**	**93,98**
1. Cá nhân	146.769.261	49.665	6,63
2. Tổ chức	1.934.252.720	75	87,35
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	*1.222.368.291*	*1*	*55,20*
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	*689.488.080*	*1*	*31,14*
Khác	*22.369.349*	*73*	*1,16*
II. NƯỚC NGOÀI	**133.372.193**	**820**	**6,02**
1. Cá nhân	4.105.676	779	0,19
2. Tổ chức	129.266.517	41	5,84
ANA Holdings Inc.	*124.438.698*	*1*	*5,62*
Khác	*4.827.819*	*40*	*0,22*
TỔNG CỘNG	**2.214.394.174**	**50.560**	**100**

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/05/2022)

Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần):

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	1.222.368.291	55,20
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	689.488.080	31,14
3	ANA HOLDINGS INC.	124.438.698	5,62

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tại thời điểm 31/12/2022, chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu (CĐKT 410) là 22.143.941.740.000 đồng, không có thay đổi so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu cổ đông của Vietnam Airlines như sau:

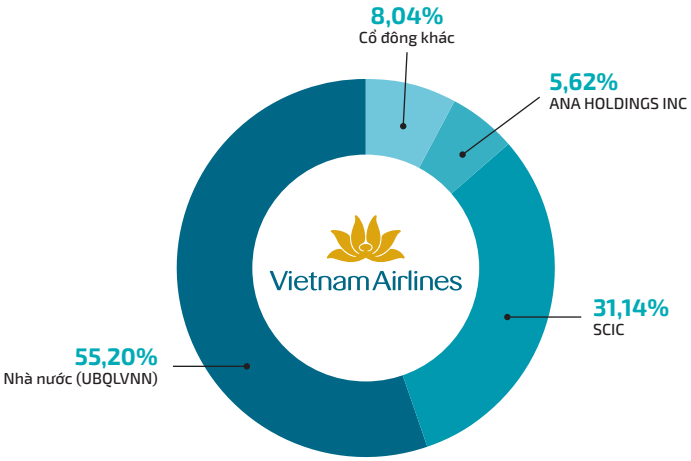

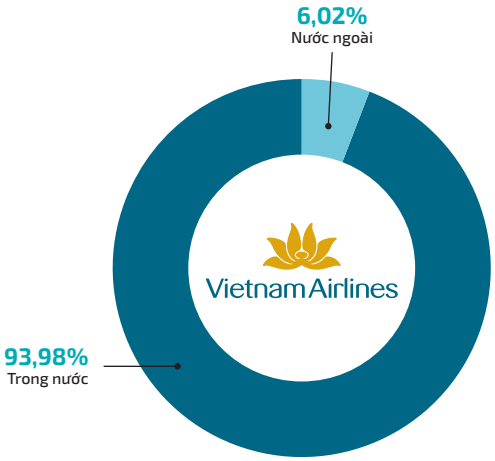

Dữ liệu thống kê

Mã cổ phiếu	HVN:HOSE
Ngành	Hàng không
Giá đóng cửa (30/12/2022)	13.900
Cao nhất 52 tuần	25.200
Thấp nhất 52 tuần	8.610
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng) tại ngày 31/12/2022	30.780
Số cổ phiếu lưu hành	2.214.394.174

Diễn biến giá cổ phiếu HVN

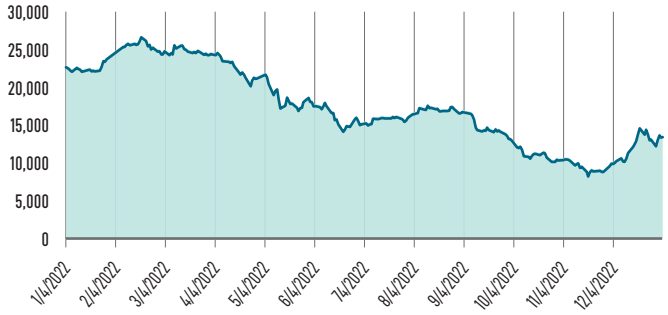

6. SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

Ra mắt thẻ quà tặng Vietnam Airlines Gift Card

1/2022

Vietnam Airlines, Saigontourist Group và Thiên Minh Group tham gia XTTM đầu tư, du lịch giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

5/2022

Ra mắt MV quảng cáo truyền thông "Nhanh lên nhé!"

7/2022

4/2022

Quảng cáo hình ảnh Vietnam Airlines tại các thị trường trọng điểm quốc tế ngay sau khi mở cửa trở lại du lịch quốc tế từ 15/3/2022.

6/2022

- Vietnam Airlines khai trương đường bay thẳng đến Ấn Độ
- Vietnam Airlines trở thành hãng bay đầu tiên của Việt Nam đạt khai thác tầm bay mở rộng trên 180 phút

9/2022

Vietnam Airlines nhận hai giải thường tại World Travel Awards 2022

11/2022

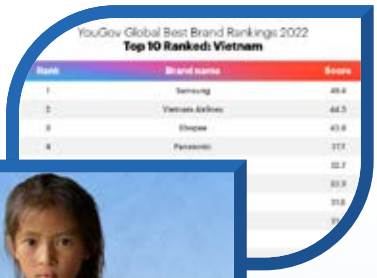

- Vietnam Airlines vào top 10 thương hiệu tốt nhất Việt Nam năm 2022
- Quyên góp dặm cho dự án nhân đạo của Tổ chức Operation Smile

8/2022

Vietnam Airlines ra mắt phim hướng dẫn an toàn bay "Âm vang đồng điệu"

10/2022

- Đánh dấu chặng đường 20 năm biểu tượng Bông Sen vàng sải cánh trên bầu trời
- Ra mắt Tuyên bố Văn hóa số Vietnam Airlines với biểu trưng Bông sen số cùng 7 thành tố
- Vietnam Airlines tổ chức Giải Bơi chải thuyền rồng Hà Nội mở rộng năm 2022 và Giải chạy Vietnam Airlines Run For Love 2022

12/2022

Ra mắt Chương trình Hội viên Triệu dặm

7. DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng Hãng hàng không hàng đầu châu Á
về hạng ghế Phổ thông
Thương hiệu hàng không hàng đầu châu Á
do World Travel Awards trao tặng

Hãng hàng không MICE tốt nhất châu Á
do World Mice Awards trao tặng

Xếp thứ 48 trong 100
hãng hàng không tốt nhất thế giới
do Skytrax trao tặng

Giải thưởng Thương hiệu quốc gia năm 2022
do Bộ Công thương Việt Nam trao tặng

Đứng thứ 1 trong Top 10
Thương hiệu được giới thiệu nhiều nhất năm 2022
do Yougov trao tặng

Top 10 Thương hiệu tốt nhất Việt Nam
do Yougov trao tặng

Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng năm 2022
do Hội Sở hữu trí tuệ trao tặng

Top 10 thương hiệu dẫn đầu
về trải nghiệm khách hàng
do KPMG trao tặng

Top 10 nhà tuyển dụng
hàng đầu Việt Nam
do Viet Research trao tặng

Giải Khuyến khích toàn quốc về thông tin đối ngoại
với video âm nhạc "Nhanh lên nhé", giải Nhì với phim hướng dẫn
an toàn bay "Âm vang đồng điệu"
do Ban Tuyên giáo Trung Ương trao tặng

IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1. CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC CƠ BẢN

1.1. SỐ LIỆU VIETNAM AIRLINES (VNA VÀ VASCO)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	2021	2022	2022/2021
Tổng số chuyến bay	Nghìn chuyến 1 chiều	146,2	95,8	53,2	124,1	233,3%
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	22,9	14,1	6,1	18,2	299,0%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	348	195,9	219,8	213,9	97,3%
Khách luân chuyển (RPK)	Tỷ khách,km	37,6	15,2	5,1	21,0	412,4%
Ghế luân chuyển (ASK)	Tỷ ghế,km	46,5	19,4	7,2	28,1	390,8%
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	80,9%	78,3%	71,6%	74,7%	+3,1
Thị phần	**%**	**29,1%**	**39,6%**	**40,5%**	**33,1%**	**-7,4**

** Ghi chú: 2019-2022 theo số liệu đã công bố trong BCTN các năm trước*

CHUYẾN BAY

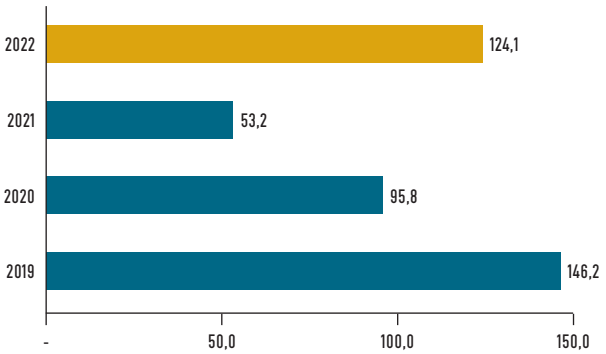

Nghìn chuyến 1 chiều

KHÁCH VẬN CHUYỂN

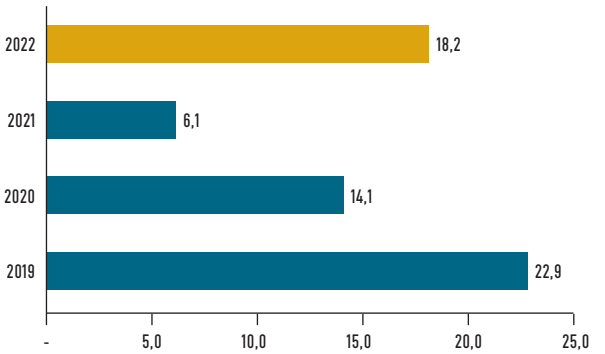

Triệu khách

HÀNG HÓA, BƯU KIỆN VẬN CHUYỂN

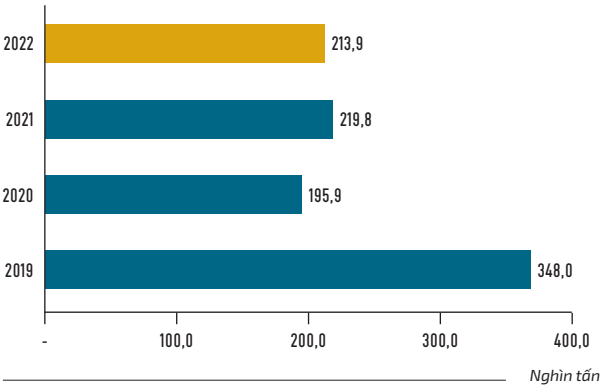

KHÁCH LUÂN CHUYỂN

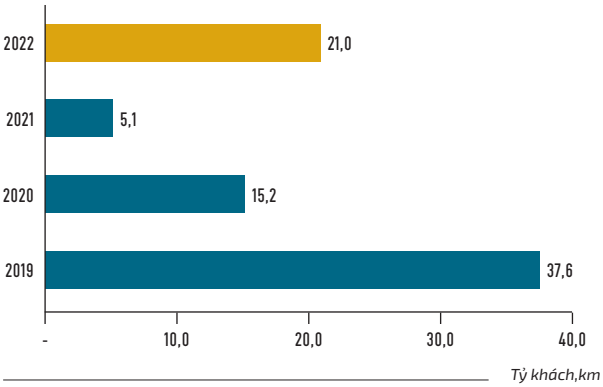

GHẾ LUÂN CHUYỂN

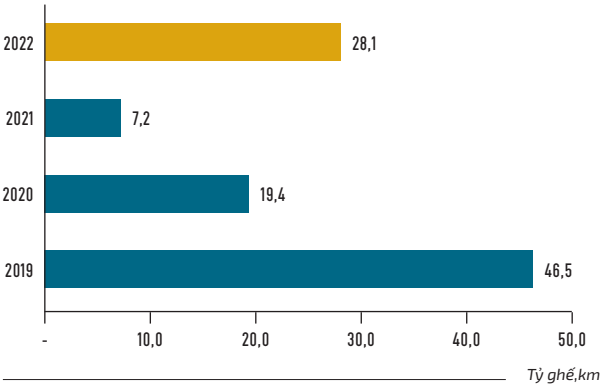

HỆ SỐ SỬ DỤNG GHẾ

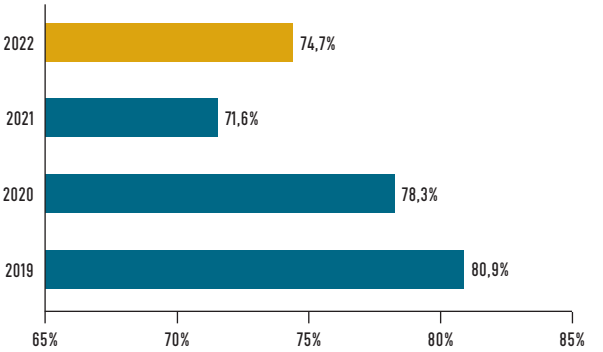

THỊ PHẦN

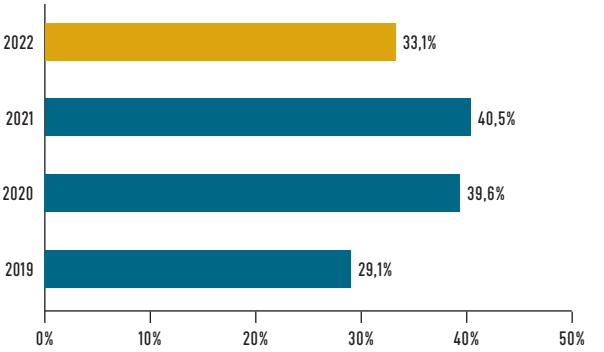

1.2. SỐ LIỆU VNA GROUP (VNA, VASCO VÀ PA)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020	2021	2022	2022/2021
Tổng số chuyến bay	Nghìn chuyến 1 chiều	186,0	110,8	60,4	141,0	233,5%
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	29,1	16,4	7,1	20,8	294,0%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	371,3	201,7	222,2	217,4	97,8%
Khách luân chuyển (RPK)	Tỷ khách,km	42,9	17,0	5,8	22,7	389,3%
Ghế luân chuyển (ASK)	Tỷ ghế,km	52,8	21,6	8,2	30,2	369,8%
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	81,2%	78,5%	71,4%	75,2%	+3,8
Thị phần	**%**	**37,0%**	**46,1%**	**46,5%**	**37,7%**	**-8,9**

CHUYẾN BAY

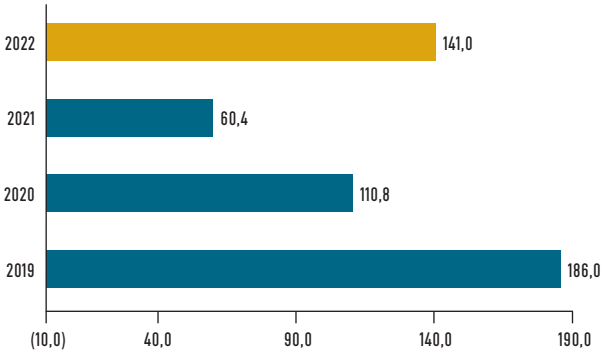

Nghìn chuyến 1 chiều

KHÁCH VẬN CHUYỂN

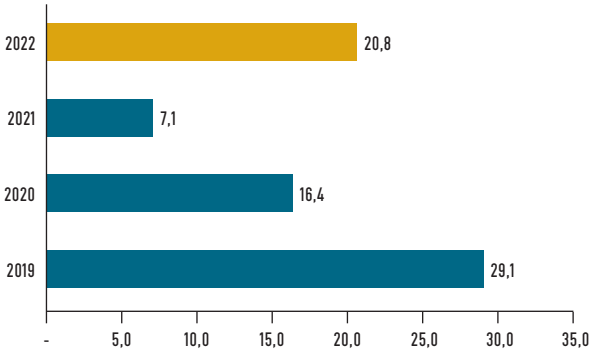

Triệu khách

HÀNG HÓA, BƯU KIỆN VẬN CHUYỂN

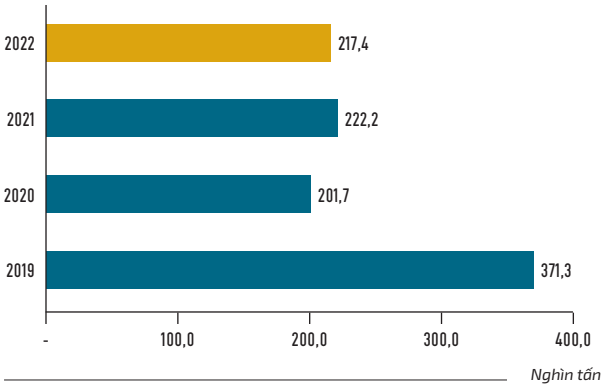

KHÁCH LUÂN CHUYỂN

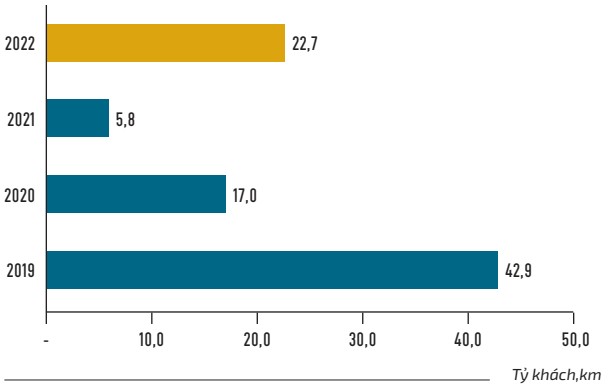

GHẾ LUÂN CHUYỂN

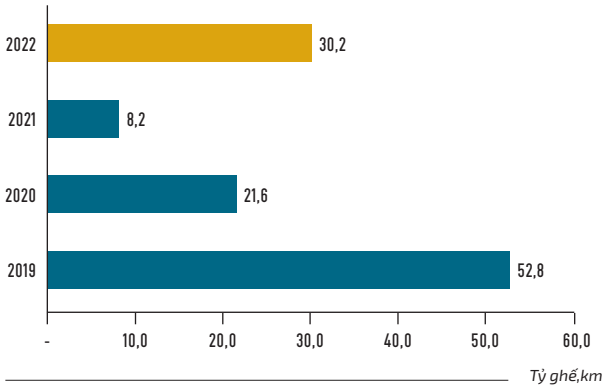

HỆ SỐ SỬ DỤNG GHẾ

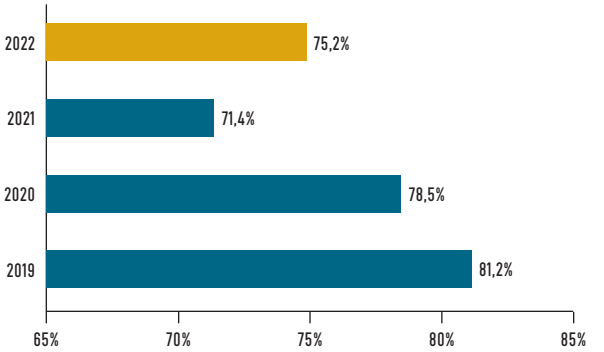

THỊ PHẦN

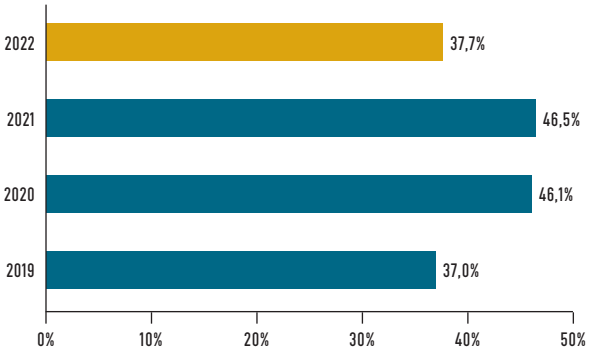

2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

2.1. CÔNG TY MẸ

TỔNG DOANH THU, TỔNG TÀI SẢN, LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN (CÔNG TY MẸ)

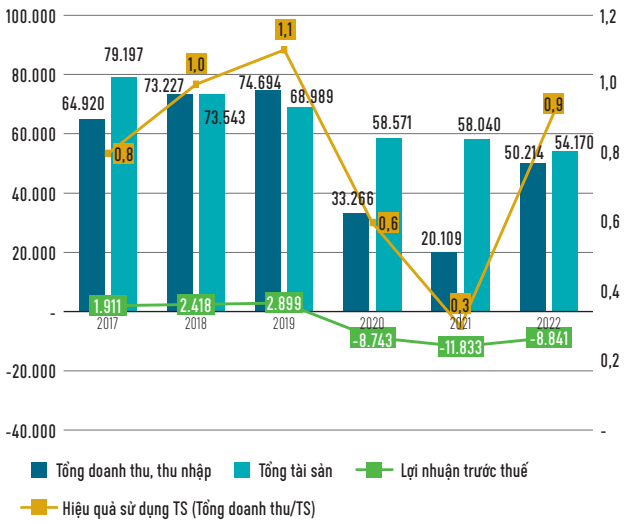

KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN

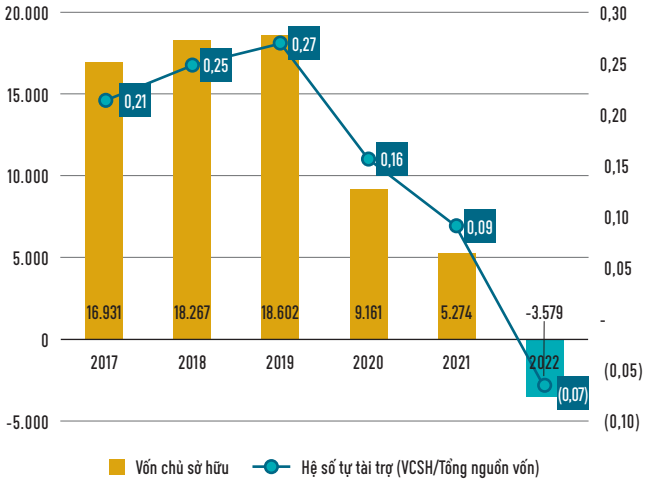

NỢ PHẢI TRẢ VÀ HỆ SỐ NỢ

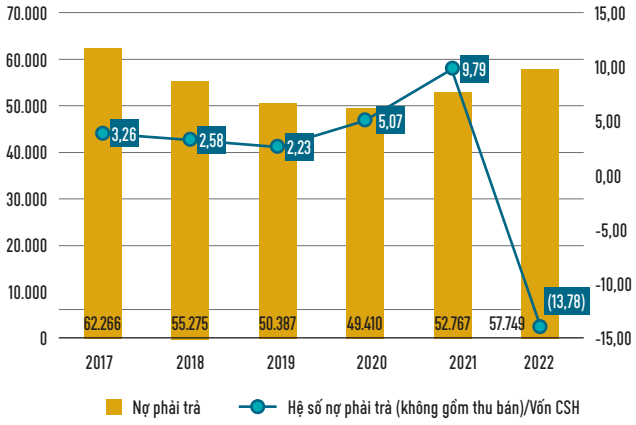

KHẢ NĂNG SINH LỜI

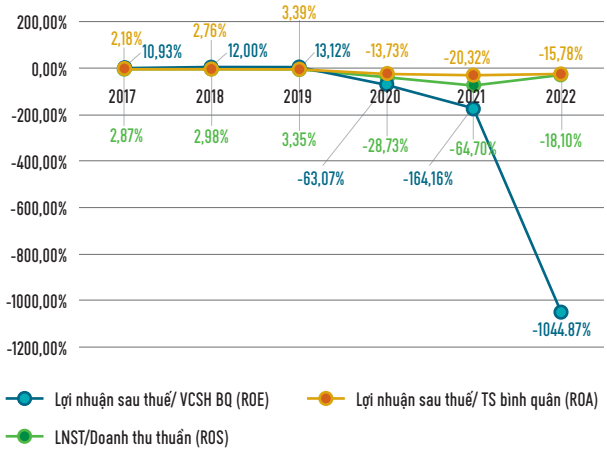

2.2. HỢP NHẤT

TỔNG DOANH THU, TỔNG TÀI SẢN, LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN (HỢP NHẤT)

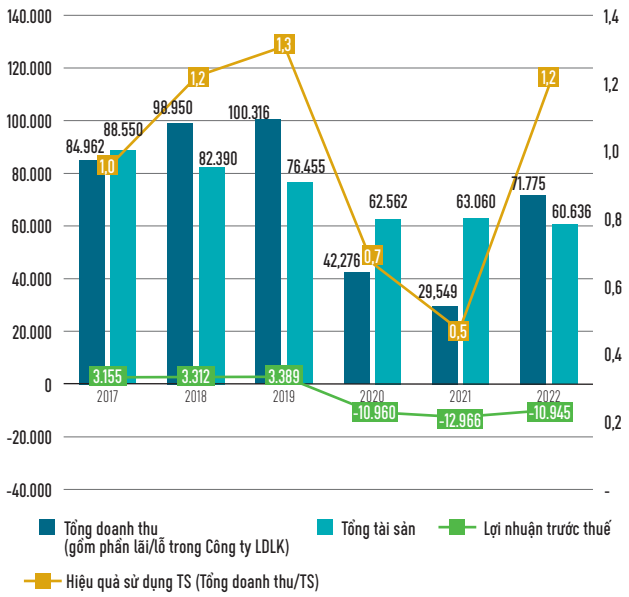

KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN

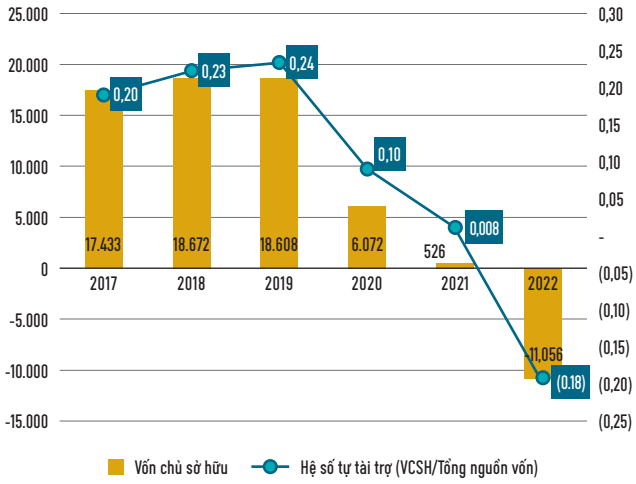

NỢ PHẢI TRẢ VÀ HỆ SỐ NỢ

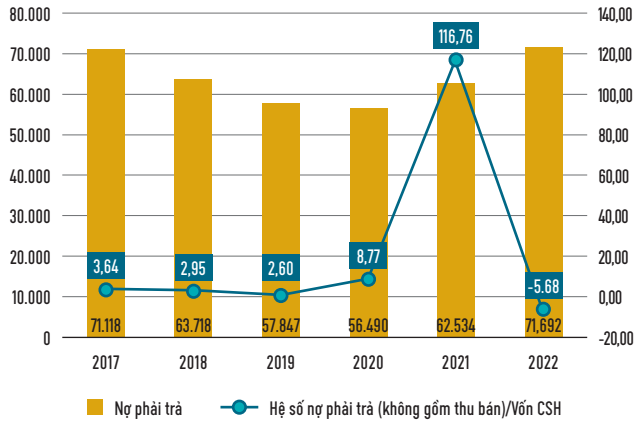

KHẢ NĂNG SINH LỜI

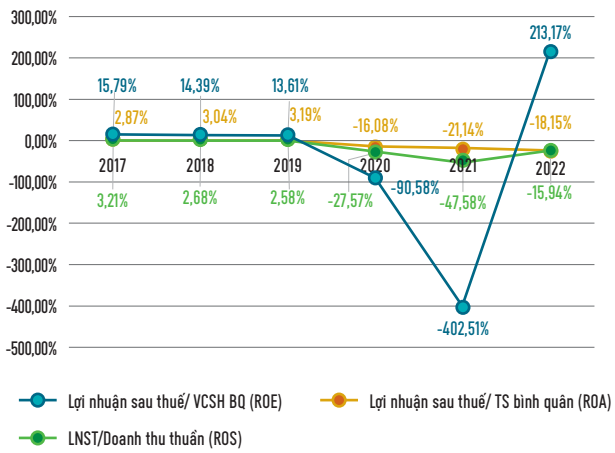

Ghi chú: ROE năm 2022 dương do VCSH âm và LNST âm.

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES

1.1. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- **Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022**
  Bám sát những nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT VNA đã chỉ đạo triển khai quyết liệt giải pháp kinh doanh ngay từ đầu năm hướng tới mục tiêu đảm bảo hoạt động liên tục, bền vững. Hoạt động SXKD của TCT trong năm 2022 đối mặt với nhiều khó khăn: thị trường quốc tế phục hồi chậm; tình trạng thừa tải và giá vé bình quân thấp tại thị trường nội địa; giá nhiên liệu tăng cao, mức giá vé trần nội địa chưa được điều chỉnh, các hãng HK chưa được phụ thu nhiên liệu trên các chặng bay nội địa, phụ thu xăng dầu trên mạng đường bay quốc tế mới chỉ bù đắp được một phần nhỏ chi phí so với chi phí nhiên liệu tăng cao; lãi suất, tỷ giá và nhiều yếu tố đầu vào khác cũng diễn biến bất lợi. Chính vì vậy, kết quả SXKD của TCT năm 2022 vẫn chưa thể cải thiện tương ứng với tốc độ tăng trưởng của sản lượng hành khách. Kết quả SXKD năm 2022 của công ty mẹ giảm lỗ so với năm 2021 và giảm lỗ so với KH; hợp nhất đã giảm lỗ so với KH đã báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2022.
- **Tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát**
  Tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS năm 2022 được thực hiện theo đúng phê duyệt của ĐHĐCĐ.
- **Về chủ trương bán 06 tàu ATR72 để thay thế bằng đội bay phản lực khu vực**
  Căn cứ phương án bán được HĐQT phê duyệt tại NQ 1551/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 29/10/2021, TCT đã triển khai bán 6 tàu ATR72-500 lần 1 trong 2021 nhưng không thành công. Do thị trường tàu bay chưa thuận lợi trong giai đoạn Covid và nhu cầu khai thác thay đổi trên cơ sở kế hoạch nâng cấp các sân bay VCS/DIN, TCT sẽ triển khai thủ tục bán lần 2 đối với các tàu bay này trong 2023 và 2024.
- **Về chủ trương bán 9 tàu A321 CEO**
  Trong năm 2023, TCT đã triển khai bán và thực hiện đấu giá thành công 3 tàu A321CEO (VN-A350/351/352). Hiện TCT đang đàm phán HĐ mua bán với đối tác trúng đấu giá (dự kiến hoàn thành bàn giao các tàu trong Q4/2023-Q1/2024).
  Đối với 2 tàu dự kiến chuyển đổi từ chở khách sang chở hàng để bán & thuê lại (VN-A353/354), TCT đã dừng thực hiện chuyển đổi trong bối cảnh thị trường hàng hóa có nhiều thay đổi sau Covid-19. Đến thời điểm hiện tại, TCT còn lại 6 tàu A321CEO sản xuất 2007-2008 và sẽ tiếp tục xem xét phương án bán / bán & thuê lại trong năm 2024 và các năm tiếp theo trên cơ sở đánh giá nhu cầu khai thác, tình hình thị trường và cân đối dòng tiền thực tế.
- **Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022**
  HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 895/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 4/8/2022 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói dịch vụ "Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP", ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- **Công tác tái cơ cấu và Đề án cơ cấu lại Vietnam Airlines giai đoạn 2021-2025**
  ĐHĐCĐ thường niên 2022 của VNA đã thông qua các định hướng lớn về công tác tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt nội dung chi tiết sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của các cơ quan nhà nước.
  Trong năm 2022, VNA tiếp tục chủ động, nỗ lực triển khai các giải pháp tái cơ cấu tự thân để từng bước phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hoàn thiện lại Đề án tổng thể và báo cáo UBQLV xin ý kiến các bộ ngành. Sau khi các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA trong Đề án tổng thể được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, HĐQT sẽ phê duyệt Đề án cơ cấu lại VNA giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

1.2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, HĐQT tập trung chỉ đạo các công việc trọng tâm của TCT bao gồm:

- **Tổ chức thành công 01 ĐHĐCĐ** để thông qua các nội dung theo thẩm quyền và quy định.
- **Về hoạt động SXKD:** TCT đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp để đảm bảo ổn định hoạt động khai thác và phòng chống dịch bệnh, các chỉ tiêu vận chuyển của TCT năm 2022 đều vượt so KH. Tuy nhiên, thị trường hàng không quốc tế chưa phục hồi, tình trạng thừa tải và doanh thu trung bình thấp tại thị trường nội địa, đặc biệt là ảnh hưởng của việc tăng giá nhiên liệu và sự mất giá các các đồng tiền so với USD dẫn tới kết quả SXKD năm 2022 vẫn chưa thể cải thiện tương ứng với tốc độ tăng trưởng của sản lượng.
- **Về giải ngân gói hỗ trợ thanh khoản của Nhà nước:** HĐQT đã chỉ đạo, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai các giải pháp của Nhà nước để tháo gỡ khó khăn cho TCT do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đặc biệt là gói hỗ trợ thanh khoản 12.000 tỷ đồng (bao gồm vay tái cấp vốn và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ). Tính đến tháng 10/2022, TCT đã hoàn thành giải ngân, sử dụng số tiền thu từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo phê duyệt của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và các Nghị quyết của HĐQT, qua đó hoàn thành sử dụng toàn bộ gói hỗ trợ thanh khoản theo đúng mục đích và phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhờ triển khai hiệu quả và kịp thời gói hỗ trợ này, TCT đã duy trì khả năng thanh toán và hoạt động liên tục, tạo niềm tin và hỗ trợ tích cực trong quá trình đàm phán giảm giá, giãn hoãn thanh toán đối với các chủ nợ và nhà cung cấp.
- **Về các giải pháp đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục như:** điều hành lịch bay, sản phẩm; triệt để tiết kiệm và cắt giảm chi phí; đàm phán với các chủ tàu và các nhà cung cấp để giảm chi phí, giãn, hoãn thanh toán; cơ cấu lại nợ vay, sử dụng linh hoạt các khoản vay ngắn hạn để bù đắp thiếu hụt dòng tiền. Với tình hình SXKD dần được cải thiện trong các tháng đầu năm và giai đoạn cao điểm Tết, đặc biệt trong giai đoạn cao điểm hè, dòng tiền của TCT đã được cải thiện đáng kể. TCT đã phần nào cân đối được dòng tiền để đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, hỗ trợ trả nợ quá hạn cho các đối tác theo cam kết, trả nợ các công ty thành viên, trả nợ ngân hàng và chi hoàn vé để đảm bảo uy tín với các đối tác, khách hàng, duy trì hoạt động cung ứng và SXKD thông suốt.
- **Về tái cơ cấu, tinh gọn lao động và bộ máy tổ chức:** HĐQT đã chỉ đạo việc rà soát, sắp xếp tinh giản bộ máy các cơ quan, đơn vị nhằm giảm bớt đầu mối xử lý công việc, tinh giản gọn nhẹ lực lượng lao động, phân công lại nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới trên nguyên tắc tối ưu hóa năng suất lao động.
- **Về Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCT do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (Đề án tổng thể):** TCT tiếp tục hoàn thiện, báo cáo lên UBQLV và các cấp có thẩm quyền xem xétgiải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách, đồng thời chủ động triển khai ngay một số giải pháp cấp bách theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.
- **Về dự án đầu tư tại cảng Hàng không quốc tế Long Thành:** TCT đã có văn bản báo cáo Bộ GTVT về hồ sơ đề xuất đầu tư, kiến nghị chấp thuận lựa chọn TCT là nhà đầu tư dự án "Tổ hợp công trình dịch vụ đồng bộ chuyên ngành hàng không của TCTHK tại Cảng HKQT Long Thành" và tiếp tục triển khai theo chỉ đạo.

2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền, tổ chức họp định kỳ để nghe báo cáo, đánh giá tình hình và chỉ đạo kịp thời các hoạt động SXKD của TCT. HĐQT đã thực hiện vai trò giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban Giám đốc thông qua việc tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban Giám đốc…

Ngoài ra, HĐQT cũng thực hiện giám sát hoạt động của từng đơn vị/ lĩnh vực chuyên môn của các CQ, ĐV thông qua các báo cáo của hệ thống kiểm toán nội bộ, các Kiểm soát viên của TCT tại các công ty thành viên, Báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc tại các phiên họp HĐQT và các báo cáo theo yêu cầu.

Hàng quý, Tổng giám đốc đều báo cáo HĐQT kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. HĐQT đánh giá công tác điều hành của Ban giám đốc như sau:

- Trong năm 2022, trong điều kiện có nhiều biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội, Ban giám đốc đã triển khai linh hoạt và có hiệu quả các giải pháp đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục. Đồng thời, Ban giám đốc đã chủ động triển khai các giải pháp để khắc phục các khó khăn; tiếp tục tận dụng sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, đẩy mạnh việc đàm phán với các nhà cho thuê tàu bay; thực hiện nhiều giải pháp nỗ lực tự thân để duy trì hoạt động liên tục của TCT.
- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, thực hiện quản lý điều hành hoạt động SXKD sát sao, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của TCT và các cổ đông.
- Ban giám đốc đã thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh các vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của TGĐ.
- Ban giám đốc cũng đã tổ chức làm việc thường xuyên với các CQ, ĐV để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD.
- Tổng Giám đốc của VNA cũng đồng thời là thành viên HĐQT, vì vậy việc thông tin giữa Ban Giám đốc và HĐQT rất chặt chẽ và thường xuyên. Theo đó, công tác giám sát kết quả hoạt động kinh doanh của Ban Giám đốc cũng được diễn ra liên tục, đảm bảo việc hỗ trợ và định hướng kịp thời từ HĐQT.

3. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2022, với phương châm hành động *"Chủ động thích ứng – Vững chắc niềm tin – Phục hồi phát triển"*, Ban Giám đốc đã linh hoạt, chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đưa Vietnam Airlines vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Trên cơ sở định hướng của HĐQT, Ban điều hành đã thường xuyên nắm bắt diễn biến thị trường, chỉ đạo xây dựng và triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Thực hiện tốt chế độ báo cáo về tình hình hoạt động SXKD trên các lĩnh vực và các mặt hoạt động, Bên cạnh việc phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo đã chú trọng trong việc dự báo, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo đã chú trọng trong việc dự báo, đánh giá tình hình thị trường giai đoạn tiếp theo để đưa ra các kịch bản điều hành, nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD.
- Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Vietnam Airlines và các văn bản quản lý nội bộ khác.
  Khi triển khai Nghị quyết HĐQT, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ cụ thể đến các cơ quan, đơn vị, trong đó có nêu rõ tiến độ/ thời hạn hoàn thành/ báo cáo, Các cơ quan đơn vị đã nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. VỀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA VIETNAM AIRLINES

Tổng công ty xác định các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 như sau:

ĐẢM BẢO AN TOÀN TUYỆT ĐỐI KHAI THÁC

Là nhiệm vụ tiên quyết, là cơ sở, tiền đề cho sự phục hồi và phát triển của Tổng công ty. Vì vậy, đây tiếp tục là công tác được chú trọng hàng đầu; trong đó việc giám sát, kiểm tra tình trạng kỹ thuật và quy trình đảm bảo an toàn, đặc biệt khi khai thác trở lại sau thời gian dài gián đoạn do dịch bệnh sẽ là trọng tâm của công tác an toàn năm 2023.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CHI PHÍ

Đẩy mạnh các chương trình tiết kiệm và quản trị chi phí. Phục hồi và nâng cao tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ trên cơ sở giảm thiểu phát sinh chi phí liên quan, giảm thiểu hao phí, thất thoát và các tiêu chuẩn dịch vụ không cần thiết. Đảm bảo hiệu quả SXKD bám sát hoặc tốt hơn kế hoạch 5 năm của Tổng công ty trong Đề án Tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty Hàng không do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 giai đoạn 2021 – 2025.

TÁI CƠ CẤU TOÀN DIỆN

Tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình SXKD, nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tiết giảm chi phí; thực hiện rà soát, đánh giá sự cần thiết của từng mục chi phí và đưa ra các phương án quản trị phù hợp. Đảm bảo nguồn lực phi công, tiếp viên, kỹ sư cho phương án sản lượng cao; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý; phấn đấu năng suất lao động thấp nhất bằng thực hiện 2019 làm tiền đề cho việc bổ sung quỹ lương, tăng thu nhập bình quân người lao động.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC

Tăng hiệu suất sử dụng nguồn lực đội tàu bay, phi công, tiếp viên. Đảm bảo giờ khai thác bình quân từ nửa sau năm 2023 đạt và vượt năm 2019.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bám sát chiến lược chuyển đổi số Tổng công ty giai đoạn 2022 – 2026. Theo đó, tiếp tục mục tiêu trở thành hãng hàng không số, phấn đấu năm 2023 đạt điểm Chuyển đổi số khoảng 2,5 – 3,0.

VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC VÀ THƯƠNG MẠI

Sẵn sàng các kịch bản bám sát tiến độ mở cửa, nới lỏng chính sách cách ly của các quốc gia, từ đó ưu tiên nguồn lực triển khai nhanh các phương án khai thác trở lại các đường bay quốc tế trên cơ sở cân đối hiệu quả chung của Tổng công ty. Chuẩn bị các phương án nguồn lực phù hợp, linh hoạt cho từng kịch bản, chủ động điều chỉnh theo các biến động của thị trường, đảm bảo sẵn sàng khi thị trường quốc tế phục hồi, đặc biệt là nguồn lực phi công, tiếp viên, tàu bay.

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC BÁN, TĂNG RASK

Phát triển kênh bán online phù hợp tập tính thị trường và xu hướng ngành (tăng tỷ lệ lên mức 21%). Tăng cường bán doanh thu bổ trợ, tăng tỷ trọng bán khách doanh thu cao nhằm tăng RASK toàn mạng so với năm 2019.

VI. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022

1. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2022

Giá nhiên liệu bình quân năm 2022 là 124,4 USD/thùng, cao hơn 14,1 USD/thùng so với kế hoạch (110,26 USD/thùng). Đây là một phần nguyên nhân tác động đến chi phí và hiệu quả SXKD của Tổng công ty.

Đồng USD tăng giá mạnh nhất so với các đồng tiền bản tệ trong gần 20 năm khi chỉ số DXY có thời điểm đạt mức 114, tăng 20% so với đầu năm. Tất cả các đồng tiền bản tệ đều mất giá mạnh so với thời điểm đầu năm làm tăng rủi ro tỷ giá của Vietnam Airlines.

GIÁ NHIÊN LIỆU - JET KEROSENE

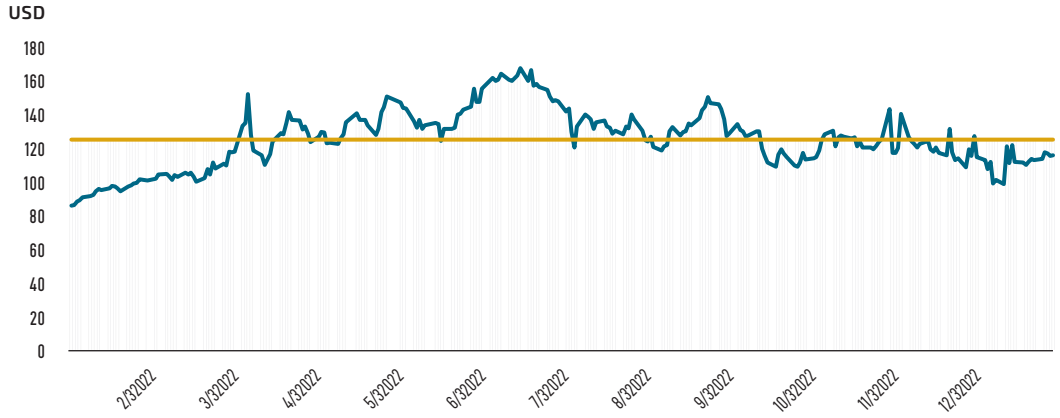

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ (%)

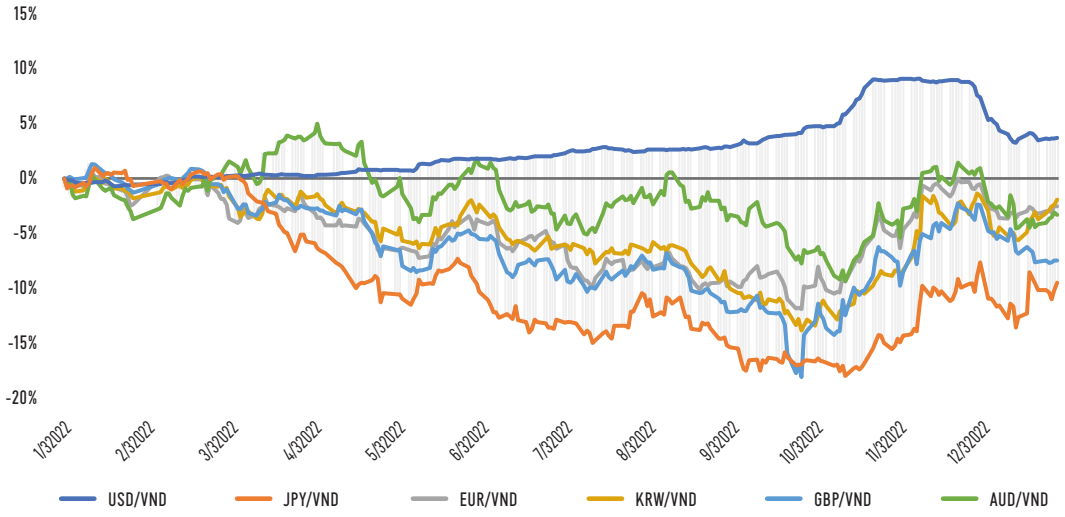

Đánh giá của các tổ chức lớn

Hiệp hội các hãng hàng không thế giới (IATA) đánh giá năm 2022 đã có nhiều diễn biến tích cực hơn cho ngành hàng không thế giới, với sản lượng khách luân chuyển tăng 64,4% so với năm 2021 và bằng 68,5% so với năm 2019. Lưu lượng vận chuyển quốc tế cả năm 2022 tăng trưởng 152,7% so với năm 2021, và bằng 62,2% so với năm 2019. Lưu lượng vận chuyển quốc nội tăng 10,9% so với năm 2021 và bằng 79,6% so với năm 2019.

Năm 2022, ngành hàng không thế giới ước tính lỗ khoảng 6,9 tỷ USD, cải thiện đáng kể so với khoản lỗ 42 tỷ USD và 138 tỷ USD lần lượt trong các năm 2021 và 2020.

Nội địa

Thị trường hàng không tại Việt Nam đã có sự phục hồi nhanh chóng, đặc biệt tại thị trường nội địa với mức phục hồi cao hơn mức trung bình của thế giới. Đến thời điểm hiện tại, các hãng hàng không đã khôi phục toàn bộ các đường bay nội địa và tăng tần suất trên nhiều đường bay để giải quyết vấn đề dư thừa tàu bay khi chưa khai thác được hết các đường bay quốc tế. Ước tính cả năm 2022, khách tổng thị thường nội địa đạt 43,1 triệu khách, tăng 196% so với cùng kỳ, tăng 15,6% so với năm 2019.

Quốc tế

Thị trường hàng không quốc tế bắt đầu phục hồi trên một số đường bay kể từ thời điểm mở cửa du lịch bằng đường hàng không (15/03/2022), Tính đến hết năm 2022, hầu hết các quốc gia đã nới lỏng các yêu cầu về xét nghiệm, cách ly y tế dẫn đến kết quả khai thác quốc tế đang dần được cải thiện. Tuy nhiên, việc cả năm 2022 Trung Quốc theo đuổi chính sách "zero-COVID" và xung đột chính trị giữa Nga – Ukraine, cũng như nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới là các tác nhân làm chậm quá trình phục hồi của thị trường. Ước tính cả năm 2022, khách tổng thị trường quốc tế đạt 11,1 triệu khách, tăng 21 lần so với cùng kỳ nhưng vẫn chỉ tương đương 27% năm 2019.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC

2.1. MẠNG ĐƯỜNG BAY

Năm 2022, diễn biến dịch bệnh trên thế giới cơ bản đã được kiểm soát, mặc dù vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro. Thị trường vận tải hàng không nội địa đã phục hồi khá mạnh mẽ và ổn định, tuy nhiên sức mua và khả năng chi trả của người dân chưa cao, trong khi các hãng hàng không cạnh tranh gay gắt làm cho mức giá vé bình quân thấp. Thị trường vận tải hàng không quốc tế mới chỉ được mở cửa trở lại chính thức từ 15/03 và phục hồi chậm do nhiều quốc gia vẫn chưa gỡ bỏ hoàn toàn các quy định về nhập cảnh, cách ly, và hành khách vẫn có tâm lý e ngại khi di chuyển. Thị trường lớn Trung Quốc vẫn đóng băng do chính sách "zero-COVID", ngay sau đó là xung đột chính trị giữa Nga – Ukraine cùng với nguy cơ tiềm ẩn suy thoái kinh tế Châu Âu. Các yếu tố này khiến cho thị trường quốc tế chưa thể phục hồi như kỳ vọng. Đến hết năm 2022, Vietnam Airlines có mạng đường bay quốc tế gồm 44 đường bay đến 25 điểm thuộc 16 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trên các đường bay nội địa, trong năm 2022 Vietnam Airlines tạm dừng khai thác 10 đường bay ngách có dung lượng khách thấp để đảm bảo hiệu quả khai thác. Đến cuối năm 2022, Vietnam Airlines chỉ tập trung khai thác 44 đường bay. Trong năm 2023, Vietnam Airlines sẽ nghiên cứu khai thác lại một số đường bay ngách trong giai đoạn cao điểm hè, từ VII/THD/HPH đi/đến PQC/DLI.

Bảng số liệu đường bay tổng hợp, nội địa, quốc tế (Trực tiếp khai thác)

NĂM 2022	ĐIỂM ĐẾN		MẠNG ĐƯỜNG BAY	
	TRONG NƯỚC	QUỐC TẾ	TRONG NƯỚC	QUỐC TẾ
Công ty mẹ	22	25	44	44
PA	14	2	15	3
Tổng cộng	**22**	**25**	**44**	**44**

Mạng đường bay quốc tế

Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác
Operated by Vietnam Airlines.

Chặng bay hợp tác liên danh với các hãng hàng không khác
Operated by codeshare partners

* *Các đường bay có thể thay đổi theo thực tế khai thác*
Routes are subject to actual schedule

NORTH AMERICA
SOUTH AMERICA
Atlantic Ocean
Pacific Ocean
from Frankfurt
from Frankfurt
from Frankfurt
Vancouver
Seatle
Portland
San Francisco
Los Angeles
Honolulu
Denver
Minneapolis
Chicago
Detroit
Saint Louis
Boston
New York
Philadelphia
Washington D.C.
Dallas Fort Worth
Atlanta
Austin
Houston
Miami

Mạng đường bay nội địa

Mạng đường bay châu Á

2.2. ĐỘI TÀU BAY

LOẠI MÁY BAY	TÍNH ĐẾN 31/12/2022			GHI CHÚ
	THUÊ	SỞ HỮU	TỔNG	
Tàu bay TurboProp	**0**	**6**	**6**	**Tàu bay sử dụng động cơ Turbin cánh quạt, 72 ghế**
ATR72-500	0	6	6	
Tàu bay thân hẹp	**30**	**36**	**66**	**(Từ 178-203 ghế)** Bao gồm 01 tàu bay cho K6 thuê khô
A321CEO	10	36	46	
A321NEO	20	0	20	
Tàu bay thân rộng	**22**	**7**	**29**	**(Từ 274-367 ghế)**
A350-900	14	0	14	
B787-9	4	7	11	
B787-10	4	0	4	
TỔNG	**52**	**49**	**101**	

Kế hoạch phát triển đội tàu bay giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030

LOẠI MÁY BAY	2021	2022	2023	2024	2025	2030
Thân rộng	29	29	29	27-33	29-34	34-37
Thân hẹp	71	67	61	62-67	64-72	71-86
ATR - Regional Jet	7	6	5	4-5	4-5	4-6
TỔNG SỐ	**107**	**102**	**95**	**93-105**	**97-111**	**109-129**

Ghi chú:
- *Số lượng tàu bay 2021 – 2022 theo số thực tế hiện nay*
- *Số lượng tàu bay 2023 – 2025, tầm nhìn tới 2030 theo số liệu đã báo cáo các cấp có thẩm quyền.*

Kế hoạch phát triển đội tàu bay giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030

VNA Group định hướng sử dụng đội tàu bay chở khách công nghệ mới, đơn giản về chủng loại. Đội tàu bay sẽ có 03 dòng tàu bay chính theo tiêu chuẩn chung của quốc tế:

ĐỘI TÀU BAY THÂN RỘNG

Các tàu bay thân rộng sẽ tiếp tục khai thác các đường bay Mỹ, Châu Âu, Úc, Đông Bắc Á và đưa vào khai thác các tần suất mới tại Châu Âu, Đông Bắc Á.

ĐỘI TÀU BAY THÂN HẸP

Khai thác các thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp tập trung chủ yếu mạng bay dưới 5 giờ bay. Đội tàu này sẽ được chia theo nhóm tàu bay tương đương A321 và tương đương A320, trong đó Vietnam Airlines sử dụng tàu A321 có khoang thương gia, PA sử dụng tàu A321 và A320 cấu hình tối đa số ghế.

ĐỘI TÀU BAY PHẢN LỰC KHU VỰC

Khai thác đến các sân bay địa phương và sân bay hạn chế thay thế ATR, các đường bay có dung lượng thị trường nhỏ, phối hợp sản phẩm với dòng tàu bay thân hẹp trên các đường bay dung lượng chưa đủ lớn cần tần suất để cạnh tranh, khai thác các đường bay mới và tới các sân bay mới (Sa Pa, Nà Sản, Lai Châu...).

Do hiện nay trên thế giới, một số loại tàu bay mặc dù có số ghế tối đa tương tự như tàu bay phản lực khu vực nhưng tầm bay lại tương tự tàu bay thân hẹp nên trong tương lai có thể nghiên cứu hoặc sử dụng 2 dòng tàu bay riêng biệt hoặc sử dụng dòng tàu bay đáp ứng cả mạng bay của đội thân hẹp và đội phản lực khu vực.

2.3. THƯƠNG MẠI

a. Vận chuyển hành khách

Công ty mẹ

Trong bối cảnh dịch bệnh trên thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, dự báo hoạt động kinh doanh vận tải hàng không nói chung sẽ cần thêm nhiều thời gian để phục hồi hoàn toàn về mức trước khi có đại dịch COVID.

Trong bối cảnh đó, Tổng công ty luôn điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến phục hồi của thị trường trên tinh thần đảm bảo an toàn tuyệt đối về phòng chống dịch bệnh và cân đối hiệu quả khai thác. Đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty đã khôi phục lại toàn bộ mạng bay nội địa so với thời điểm trước dịch, và khai thác trở lại 70% số đường bay quốc tế. Nhờ vào việc bám sát thị trường để điều chỉnh sản phẩm và cung ứng tải hợp lý, các chỉ tiêu vận chuyển của Tổng công ty trong năm 2022 đều vượt kế hoạch.

CHỈ TIÊU	2021	2022	% 2022/2021
TỔNG SỐ CHUYẾN BAY *(CHUYẾN 1 CHIỀU)*	53.226,0	124.128,0	133,2%
Nội địa	45.225,0	104.945,0	132,1%
Quốc tế (*)	8.001,0	19.183,0	139,8%
HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN *(TRIỆU KHÁCH)*	6,1	18,2	197,7%
Nội địa	6,0	15,8	161,0%
Quốc tế (*)	0,1	2,5	2781,0%

TỔNG SỐ CHUYẾN BAY

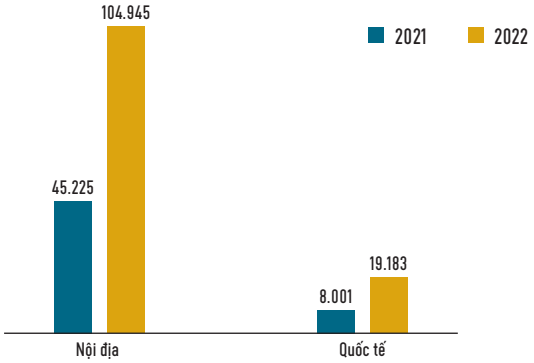

Chuyến 1 chiều

HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN

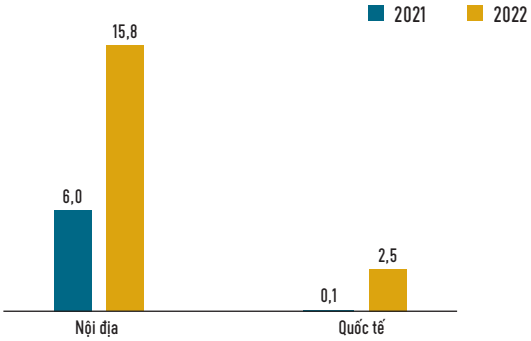

Triệu khách

TT	CHỈ TIÊU	ASK (tỷ ghế.km)			RPK (tỷ khách.km)			Load Factor (%)		
		2021	2022	% chênh lệch	2021	2022	% chênh lệch	2021	2022	% chênh lệch
1	Châu Âu	0,3	2,9	912,2%	0,2	2,4	1274,3%	61,0%	82,8%	21,8%
2	Châu Úc	0,2	2,0	821,6%	0,0	1,6	3619,4%	19,0%	76,8%	57,7%
3	Đông Bắc Á	0,3	4,9	1878,3%	0,1	3,1	2006,8%	58,1%	61,9%	3,8%
4	Đông Nam Á	0,0	1,2	6783,2%	0,0	0,9	17431,0%	28,4%	72,4%	44,0%
5	Đông Dương	0,0	0,1	3516,2%	0,0	0,1	7393,5%	30,9%	64,0%	33,1%
6	Nam Á	0,0	0,1	4117,6%	0,0	0,1		0,0%	52,0%	52,0%
7	Bắc Mỹ	0,1	1,5	2315,6%	0,0	0,9		34,4%	57,3%	22,9%
8	Việt Nam	6,3	15,2	140,9%	4,7	12,1	155,0%	75,0%	79,3%	4,4%
	Tổng	**7,2**	**28,1**	**291,3%**	**5,1**	**21,0**	**308,6%**	**71,6%**	**74,7%**	**3,2%**

ASK

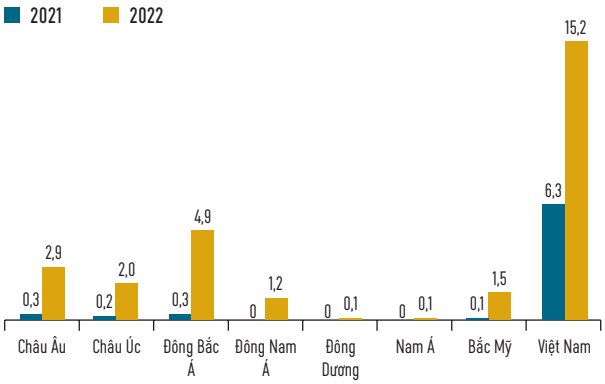

Tỷ ghế.Km

RPK

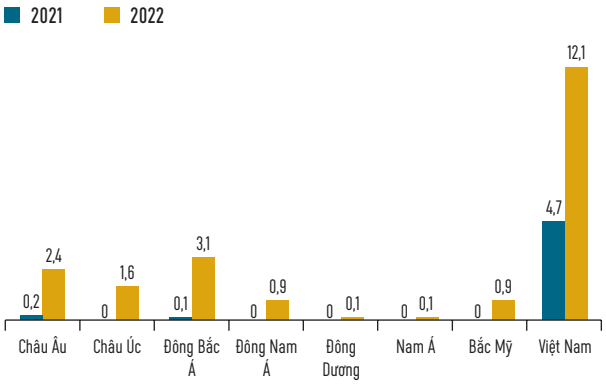

Tỷ khách.Km

LOAD FACTOR (%)

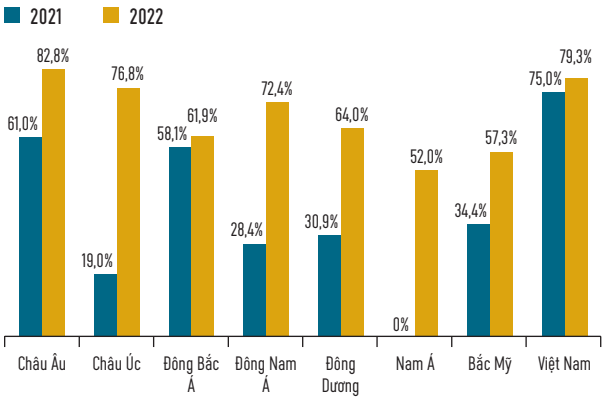

VNA Group

CHỈ SỐ	QUỐC TẾ			NỘI ĐỊA			TỔNG		
	2021	2022	SO SÁNH 2022/2021	2021	2022	SO SÁNH 2022/2021	2021	2022	SO SÁNH 2022/2021
Hành khách	0,1	2,6	2703,81%	7,0	18,2	161,22%	7,1	20,8	194,03%
RPK	0,4	9,0	2094,00%	5,4	13,7	152,11%	5,8	22,7	289,27%
ASK	0,9	13,1	1331,34%	7,2	17,1	136,59%	8,2	30,2	270,20%
Ghế suất	45,4%	69,2%	23,8	74,8%	79,7%	4,9	71,6%	75,2%	3,6
Thị phần (*)	17,0%	21,4%	4,4	48,0%	41,3%	-6,7	46,5%	37,7%	-8,9

(Đơn vị tính: Hành khách: triệu khách; RPK: tỷ khách.km; ASK: tỷ ghế.km; Ghế suất: %; Thị phần: %)
(*): Bao gồm thuê chuyến

HÀNH KHÁCH

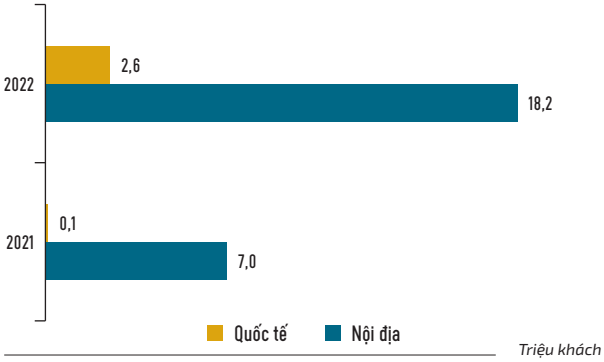

RPK

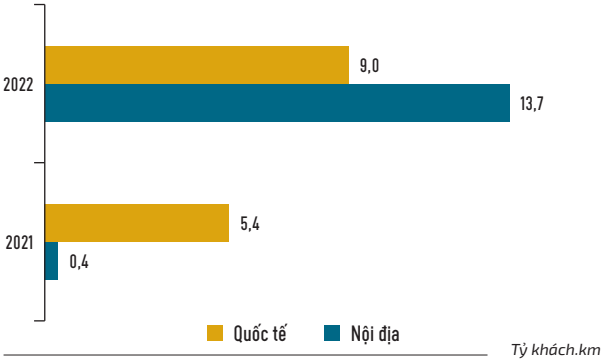

ASK

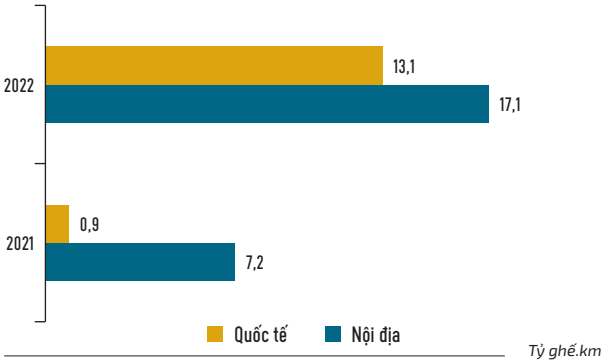

GHẾ SUẤT

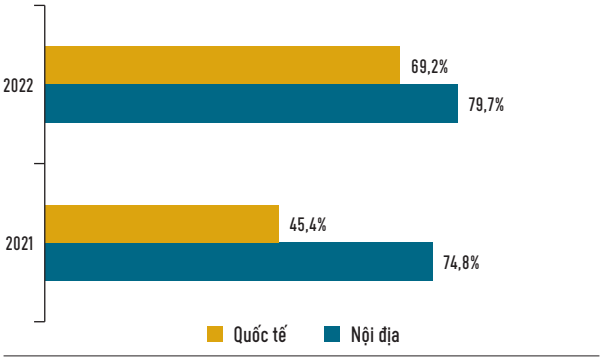

THỊ PHẦN

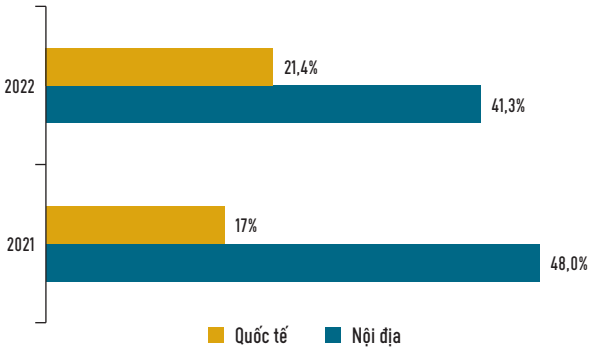

b. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Vietnam Airlines

Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2022

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2021	2022	SO SÁNH 2022/2021
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	**Tấn**	**219.477**	**213.034**	**97%**
▪ Nội địa	Tấn	126.083	125.841	100%
▪ Quốc tế	Tấn	93.394	87.193	93%
▪ Thuê chuyến	Tấn			

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa Salesforce)

HÀNG HÓA, BƯU KIỆN VẬN CHUYỂN

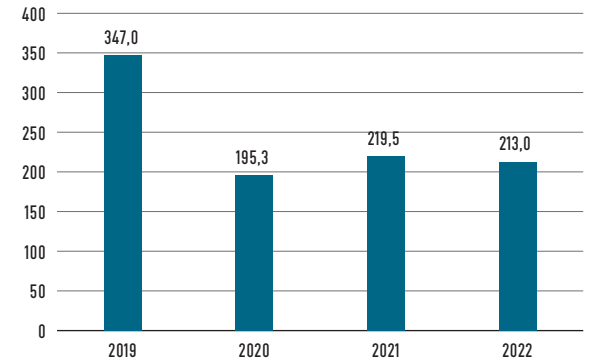

Nghìn tấn

Đánh giá, phân tích kết quả khai thác theo thị trường

CHỈ TIÊU	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2021	2022	% chênh lệch	2021	2022	% chênh lệch	2021	2022	% chênh lệch
Châu Âu	265.346	242.964	92%	295.331	267.400	86%	90%	91%	1%
Châu Úc	63.266	86.839	137%	69.681	111.420	155%	91%	78%	-13%
Đông Bắc Á	190.826	195.308	102%	209.717	268.386	124%	91%	73%	-18%
Đông Nam Á	15.276	13.341	87%	18.908	20.440	106%	81%	65%	-16%
Nam Á	9.913	4.643	47%	12.262	8.197	62%	81%	57%	-24%
Đông Dương	35	48	2.049%	35	376	2.211%	100%	13%	-87%
Trung Đông	8.737	1.550	10%	9.709	2.802	19%	90%	55%	-35%
Châu Mỹ	3.404	32.856	965%	3.745	41.549	982%	91%	79%	-12%
Việt nam	98.137	89.160	91%	166.155	301.136	181%	59%	30%	-29%
Tổng	**654.940**	**666.710**	**102%**	**785.542**	**1.021.706**	**126%**	**83%**	**65%**	**-18%**

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa Salesforce)

RFTK

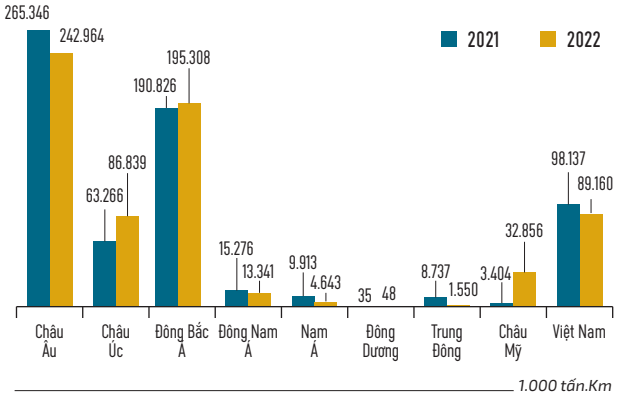

LOAD FACTOR (%)

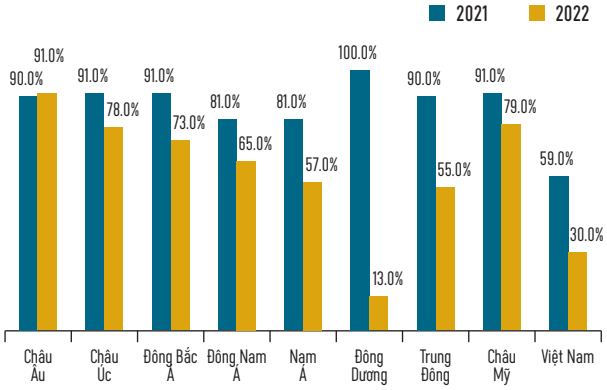

AFTK

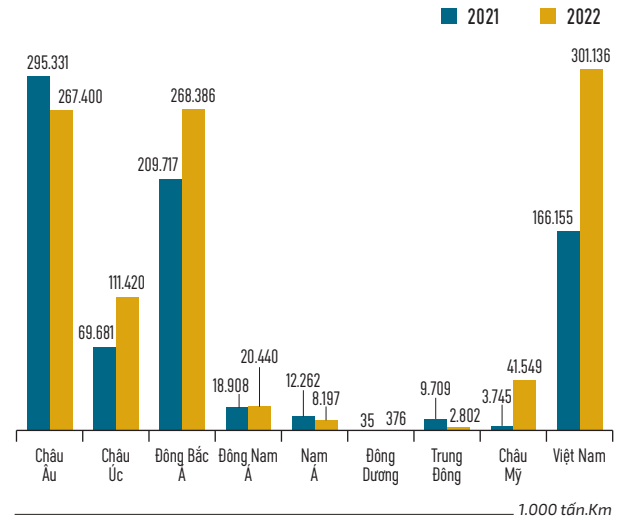

Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2022 bằng 92% so với 2021 (quốc tế bằng 93%, nội địa bằng 91%).

Giai đoạn đầu năm 2022, trong thời gian dịch bệnh COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, các chuyến bay chở khách chưa khôi phục hoàn toàn tần suất, Vietnam Airlines vẫn tiếp tục tăng cường dùng tàu bay chở khách để chuyên chở hàng hóa, tối ưu hóa nguồn lực sẵn có và đóng góp một phần doanh thu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hãng trong giai đoạn đầy khó khăn này. Vietnam Airlines đã triển khai được 3.760 chuyến bay chuyên chở hàng hóa bằng máy bay Boeing B787, Airbus A350, A321 từ hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đi Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Thái Lan và Úc... Các chuyến bay chở hàng được khách hàng mua nguyên chuyến bay với doanh thu cam kết cho Vietnam Airlines và hệ số sử dụng tải luôn đạt mức 95% - 100%.

Những chuyến bay chở hàng là nỗ lực của Hãng hàng không Quốc gia nhằm góp phần đảm bảo thông thương, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là xuất/nhập khẩu hàng hóa. Các chuyến bay chở hàng giảm dần khi chuyến bay chở khách phục hồi, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa.
Với nỗ lực bán của Vietnam Airlines, việc khai thác hàng hóa toàn mạng bay của Vietnam Airlines năm 2022 đạt kết quả như sau: Sản lượng hàng hóa bưu kiện luân chuyển đạt 667 triệu tấn.km, bằng 102% so với 2021, trong đó quốc tế 578 triệu tấn.km, bằng 104% so với 2021, nội địa 89 triệu tấn.km bằng 91% so với 2021.

VASCO

Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2022

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2021	2022	SO SÁNH 2022/2021
Nội địa	Tấn	371	842	227%

(Nguồn: VASCO cung cấp)

Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2021	2022	% chênh lệch	2021	2022	% chênh lệch	2021	2022	% chênh lệch
Việt Nam	85	193	227%	238	764	321%	36%	25%	-10%
Tổng	**85**	**193**	**227%**	**238**	**764**	**321%**	**36%**	**25%**	**-10%**

(Nguồn: VASCO cung cấp)

Công ty mẹ (VNA và VASCO)

Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

CHỈ TIÊU VNA & VASCO	ĐƠN VỊ TÍNH	2021	2022	SO SÁNH 2022/2021
Sản lượng vận chuyển	Tấn	219.848	213.876	97%
AFTK	1000 tấn.km	778.947	1.022.470	130%
RFTK	1000 tấn.km	655.025	666.903	102%
Thị phần	%	16,5%	17,3%	0,8%

CHỈ TIÊU VNA & VASCO

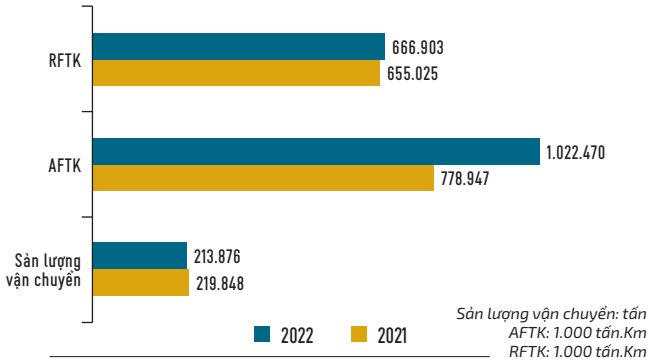

Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

CHỈ TIÊU	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2021	2022	So sánh 2022/2021	2021	2022	So sánh 2022/2021	2021	2022	So sánh 2022/2021
Châu Âu	265.346	242.964	92%	295.331	267.400	91%	90%	91%	1%
Châu Úc	63.266	86.839	137%	69.681	111.420	160%	91%	78%	-13%
Đông Bắc Á	190.826	195.308	102%	209.717	268.386	128%	91%	73%	-18%
Đông Nam Á	15.276	13.341	87%	18.908	20.440	108%	81%	65%	-16%
Nam Á	9.913	4.643	47%	12.262	8.197	67%	81%	57%	-24%
Đông Dương	35	48	137%	35	376	1074%	100%	13%	-87%
Trung Đông	8.737	1.550	18%	9.709	2.802	29%	90%	55%	-35%
Châu Mỹ	3.404	32.856	965%	3.745	41.549	1109%	91%	79%	-12%
Việt Nam	98.222	89.353	91%	166.393	301.900	181%	59%	30%	-29%
Tổng	**655.025**	**666.903**	**92%**	**785.781**	**1.022.470**	**130%**	**83%**	**65%**	**-18%**

RFTK

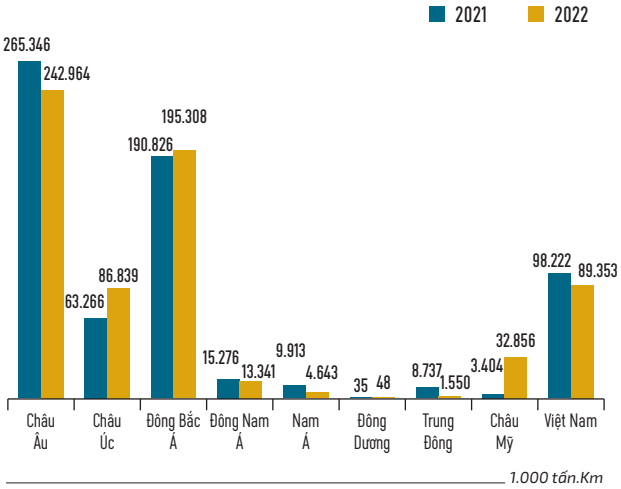

AFTK

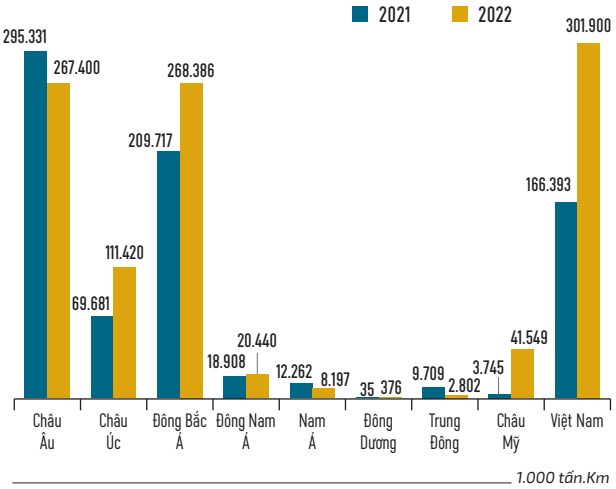

LOAD FACTOR (%)

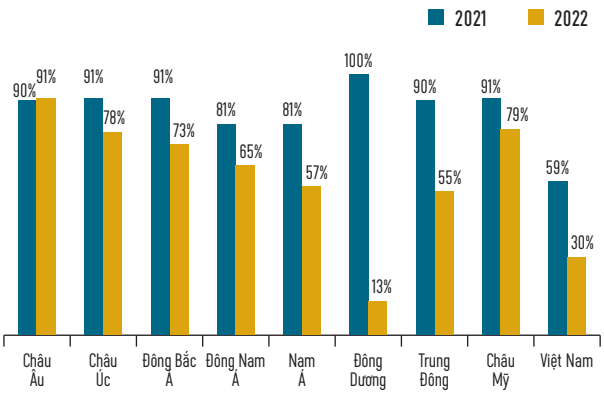

c. Chương trình khách hàng thường xuyên (Lotusmiles)

Thông tin hội viên

Năm 2022, tổng số hội viên đạt gần 4.6 triệu, trong đó hội viên phát triển mới là 800.000, tăng gần 22% so với 2021. Để đạt được kết quả như trên, Chương trình đã triển khai nhiều giải pháp phát triển hội viên trên các kênh và đối tác.

Doanh thu chương trình

Tổng doanh thu Chương trình Bông Sen Vàng đạt 273,91 tỷ đồng, bằng 82,7% so với kế hoạch. Lý do doanh thu chưa đạt kế hoạch đến từ các nguyên nhân sau:

- Các chuyến bay quốc tế tần suất khai thác chưa nhiều, nhiều nước vẫn tiếp tục hạn chế nhập cảnh nên đã làm giảm phần lớn doanh thu cộng dặm từ các đối tác hàng không.
- Nhu cầu chi tiêu bằng thẻ tín dụng giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh, trong khi lĩnh vực doanh thu hợp tác ngân hàng lại chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 80%).
- Chính sách Ưu đãi gia hạn dặm thưởng để lấy thưởng và gia hạn hạng thẻ Hội viên hết hạn trong năm 2022 (01 năm cho hội viên tại thị trường Việt Nam và 02 năm cho hội viên tại thị trường nước ngoài) đã ảnh hưởng đến doanh thu bán dặm thưởng, thẻ và dặm/chặng xét hạng. Tuy nhiên Trung tâm Bông Sen Vàng đánh giá chính sách này là cần thiết để giữ tiêu chuẩn cho khách hàng trong bối cảnh các chuyến bay quốc tế chưa khôi phục và các chuyến bay nội địa vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID. Chính sách này cũng được hội viên đánh giá cao và duy trì được sự gắn bó của những khách hàng quan trọng với Vietnam Airlines, góp phần đạt giải thưởng Loyalty Award.

Trải nghiệm khách hàng

Chương trình đã nâng cấp hệ thống để giúp hội viên dễ dàng và thuận tiện trong việc gia nhập và tra cứu thông tin tài khoản. Cụ thể:

- **Ra mắt tấm thẻ Quyền năng "Triệu Dặm (Million Miler)"** dành cho Hội viên Triệu dặm – Hội viên cao cấp nhất của Chương trình Bông Sen Vàng.

- **Ra mắt chương tình Dặm từ thiện:** Chương trình "Quyên góp dặm" là cầu nối, gắn kết hội viên chung tay với các dự án Vietnam Airlines về trách nhiệm xã hội thông qua việc quyên góp Dặm trực tuyến.
- **Đăng nhập tài khoản dễ dàng, thân thiện hơn:** Ngoài số thẻ, giờ đây hội viên có thể đăng nhập tài khoản bằng email hoặc số điện thoại di động. Ngoài mật khẩu, hội viên có thể cài đặt đăng nhập bằng vân tay hoặc nhận diện khuôn mặt.
- **Rút ngắn thời gian cộng dặm:** Hệ thống sẽ nhận diện và tự động cộng dặm sau khi máy bay hạ cánh.
- **Nâng cấp chức năng Miles Calculator trên website:** Tra cứu số dặm sẽ được cộng, số dặm đổi lấy các phần thưởng hàng không dễ dàng và dễ hiểu.

Mở rộng hệ sinh thái

Để tăng tính hấp dẫn cho Chương trình Bông Sen Vàng, Trung tâm Bông Sen Vàng đã mở rộng hệ sinh thái tích lũy dặm, đổi thưởng đa dạng. Cụ thể như sau:

- Chương trình "Mua vé online, nhân hai dặm thưởng" nhằm khuyến khích hội viên mua vé trên Website và App của Vietnam Airlines.
- Triển khai chương trình FridaySmiles. Theo đó, hội viên được hưởng nhiều ưu đãi khi giao dịch vào các ngày thứ sáu hàng tuần.
- Tăng thêm ưu đãi cộng dặm cho tài khoản gia đình.
- Chương trình khuyến khích hội viên mua dặm/chặng bay xét hạng để nâng hạng thẻ.
- Bổ sung chính sách cộng dặm cho hội viên là cán bộ công nhân viên của Vietnam Airlines.
- Chương trình cũng đã mở rộng, tăng nhiều tính năng ưu đãi cho các dòng thẻ thanh toán đồng thương hiệu.
- Nâng cấp tính năng đổi quà trên nền tảng Lotusmall. Hội viên có thể dùng điểm và dặm để đổi những phần thưởng yêu thích.
- Chương trình Bông Sen Vàng mở rộng hệ sinh thái từ các đối tác khách sạn, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe...

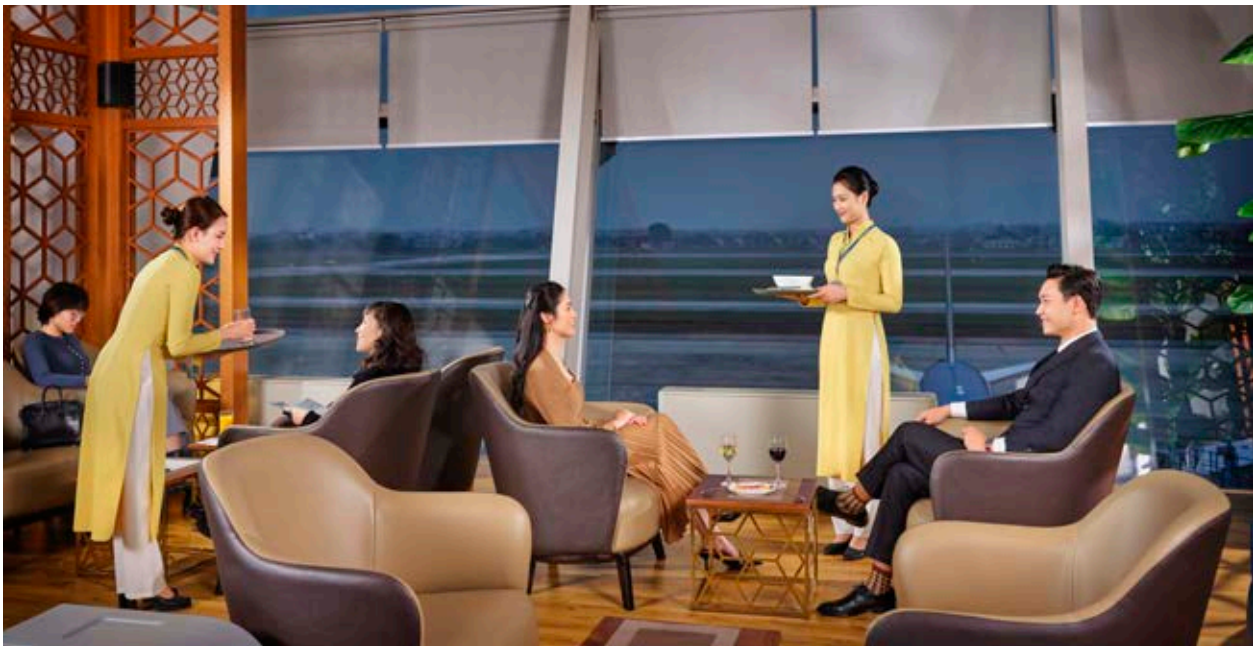

2.4. DỊCH VỤ

Năm 2022, dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam đã được kiểm soát, mạng bay nội địa của Vietnam Airlines đã được phục hồi trên tất cả các đường bay, tuy nhiên nhiều đường bay quốc tế chưa hồi phục do chính sách quản lý, kiểm soát dịch COVID khác nhau của mỗi quốc gia. Thích ứng nhanh chóng với việc thay đổi, khối Dịch vụ đã có những triển khai kịp thời, chuyển mục tiêu từ phòng chống dịch đến việc điều chỉnh, khôi phục các tiêu chuẩn dịch vụ để phù hợp với nhu cầu khách hàng theo từng giai đoạn. Cùng với nỗ lực to lớn chung của Tổng công ty, Vietnam Airlines đã giành nhiều giải thưởng danh giá như "Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về hạng ghế Phổ thông" (Asia's Leading Airline – Economy Class) và "Thương hiệu hàng không hàng đầu Châu Á" (Asia's Leading Airline Brand) năm 2022 do World Travel Awards (WTA) trao tặng; Đại diện duy nhất trong nhóm các hãng hàng không lớn tại Châu Á giành được giải thưởng "Hãng hàng không MICE tốt nhất Châu Á năm 2022" (Asia's Best MICE Airline 2022), danh hiệu được trao tặng cho các hãng hàng không cung cấp dịch vụ ấn tượng và đáng tiền cho các chuyến du lịch nhóm do hành khách bình chọn; Vị trí số 1 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam – Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức. Bên cạnh đó, chỉ số Thiện cảm khách hàng (NPS) và chỉ số Hài lòng khách hàng tổng thể (CSI) của Vietnam Airlines trong năm 2022 cũng được cải thiện liên tục (CSI nội địa đạt 4,15 điểm, vượt mục tiêu 0,05 điểm và tăng 0,02 điểm so với cùng kỳ 2021, CSI quốc tế năm 2022 đạt 3,96 điểm, vượt mục tiêu 0,31 điểm); Số lượng thư khen tăng mạnh (từ mức xấp xỉ 100 thư/tháng của năm 2019 lên mức hơn 700 thư/tháng trong năm 2022).

Khẳng định tầm nhìn sứ mệnh của Tổng công ty với giá trị cốt lõi đối với sự tồn tại của Vietnam Airlines: Lấy con người là trung tâm, hướng tới Dịch vụ khách hàng 5 sao. Trong năm 2022, khối Dịch vụ tiếp tục triển khai chương trình Nâng tầm Dịch vụ và lan tỏa những hành động, ý tưởng sáng tạo đến cán bộ công nhân viên của toàn thể các cơ quan đơn vị của Tổng công ty, giúp chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines ngày càng được khách hàng đánh giá cao.

Các chỉ tiêu thể hiện mức độ hài lòng / phản hồi của khách hàng (CSI, NPS) và so sánh với bình quân ngành

Chỉ số thiện cảm khách hàng NPS (Net Promoter Score) nội địa năm 2022 đạt 45 điểm, thấp hơn 6 điểm so với cùng kỳ 2021 và chưa đạt mục tiêu (51 điểm). NPS bắt đầu giảm từ tháng 3/2022 do sản lượng các chuyến bay tăng cao khi thị trường hồi phục, nhân lực thiếu hụt do ảnh hưởng của COVID-19, OTP thấp. NPS của các chuyến bay bất thường thấp hơn nhiều so với các chuyến bay bình thường. Tuy nhiên, NPS nội địa tăng trở lại từ tháng 9 và đạt 48 điểm vào tháng 11/2022 (thấp hơn mục tiêu 3 điểm), thể hiện sự tin tưởng, yêu thích và tiếp tục sử dụng dịch vụ của khách hàng đối với Vietnam Airlines. NPS quốc tế năm 2022 đạt 25 điểm, vượt mục tiêu 2 điểm.

NPS: 45 (-6 YOY)

BIỂU ĐỒ CHỈ SỐ THIỆN CẢM KHÁCH HÀNG NỘI ĐỊA (NPS)

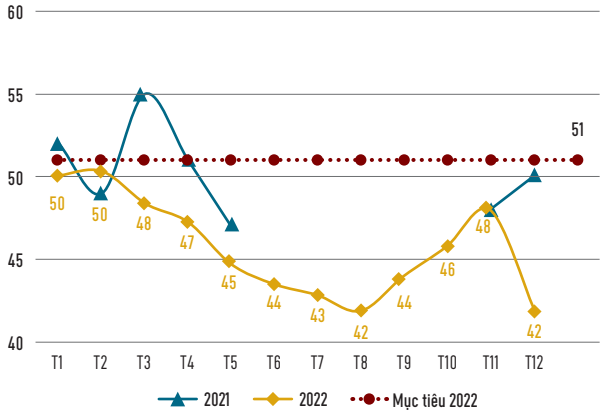

(Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của VNA)

BIỂU ĐỒ CHỈ SỐ THIỆN CẢM KHÁCH HÀNG QUỐC TẾ (NPS)

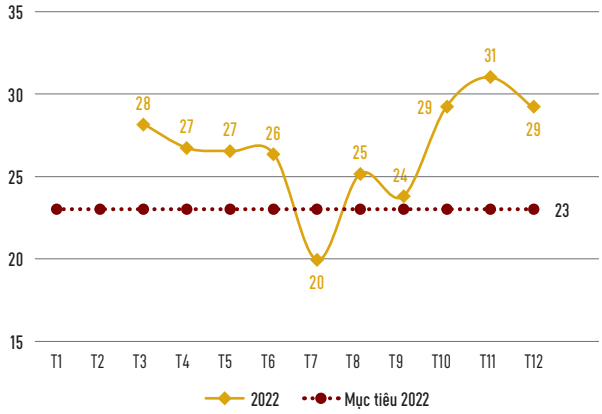

(Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của VNA)

Chỉ số hài lòng khách hàng CSI (Customer Satisfaction Index) nội địa năm 2022 thực hiện tốt, đạt 4,15 điểm, vượt mục tiêu 0,05 điểm (Mục tiêu: 4,10) và tăng 0,02 điểm so với cùng kỳ 2021. CSI quốc tế năm 2022 đạt 3,96 điểm, vượt mục tiêu 0,31 điểm (Mục tiêu: 3,65), nhờ triển khai những điều chỉnh hợp lý về dịch vụ, thể hiện chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines không ngừng được nâng cấp, đem lại nhiều trải nghiệm xuất sắc cho hành khách.

CSI: 4,15 +0,02 YOY

BIỂU ĐỒ CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG NỘI ĐỊA (CSI)

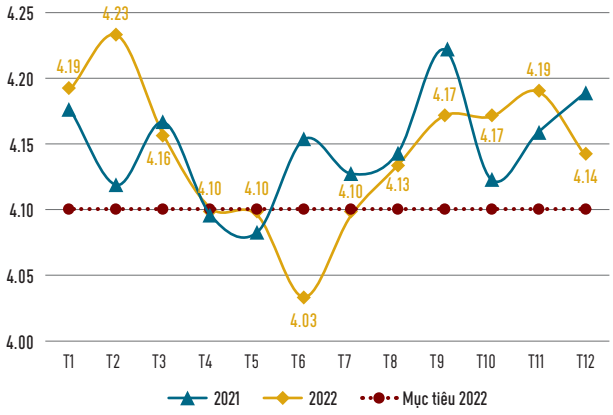

(Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của VNA)

BIỂU ĐỒ CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG QUỐC TẾ (CSI)

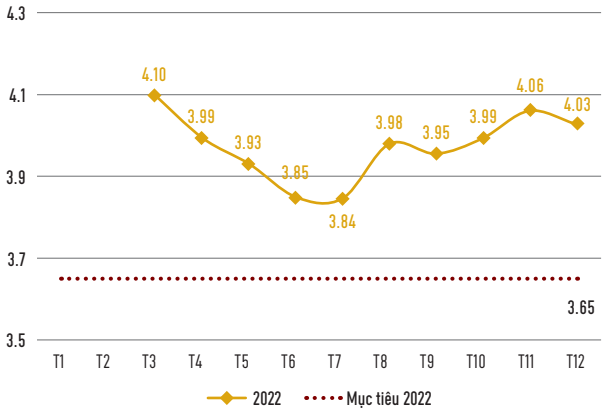

(Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của VNA)

Các con số/ chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến chất lượng dịch vụ

Trong năm 2022, Vietnam Airlines cũng đã triển khai nhiều chương trình dịch vụ mặt đất và trên không để nâng cao chất lượng, mang đến những trải nghiệm mới cho khách hàng như:

- Triển khai hệ thống làm thủ tục Sabre áp dụng cho các chuyến bay VNA Group (VN, BL, OV) tại 2 sân bay nước ngoài là Sydney, Melbourne và tại tất cả 19 sân bay trong nước, đưa vào sử dụng dịch vụ web/ mobile check-in tạo thuận tiện cho quá trình làm thủ tục của hành khách, giảm áp lực cho nhân viên tuyến trước về công tác phục vụ tại sân bay; mở rộng nối chuyến tạo thuận lợi cho hành khách, giảm thời gian chờ đợi ở sân bay, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ khách làm thủ tục trực tuyến trung bình trên toàn mạng là 41,2%, trong đó phải kể đến TP. Hồ Chí Minh với 70% khách làm thủ tục trực tuyến – cao nhất trên toàn mạng; triển khai thay đổi phương thức đưa khách ra máy bay theo nhóm – boarding theo zone tại 5 sân bay nước ngoài: Singapore, Bangkok, Narita, London Heathrow và Kansai; chuyển đổi hệ thống tìm kiếm hành lý thất lạc mới, thuận tiện hơn trong quá trình sử dụng.
- Chủ trì kết nối làm thủ tục thông chặng quốc tế (IATCI) với các hãng hàng không như Virgin Atlantic, Lufthansa, Austrian, mở rộng tiện ích nối chuyến quốc tế cho hành khách thêm 3 hãng so với trước đó, nâng lên tổng số 36 hãng ở 4 châu lục.
- Triển khai phục hồi tiêu chuẩn dịch vụ (suất ăn, đồ uống, dụng cụ, vật tư, vật phẩm, giải trí, báo chí) theo lộ trình phù hợp với từng giai đoạn chống dịch COVID-19, tiết kiệm chi phí trong giai đoạn khủng hoảng và duy trì chất lượng dịch vụ trong tình hình mới. Phối hợp với các Ban chuyên môn thiết kế và lựa chọn mẫu thảm mới cho tàu bay đảm bảo nhận diện thương hiệu, dễ vệ sinh. Mẫu thảm mới sẽ được thay thế đối với từng tàu bay theo lộ trình và dự kiến hoàn thành trong 03 năm. Đổi mới tiêu chuẩn giải trí định kỳ 2 tháng/lần, lựa chọn và đề xuất các nội dung phù hợp nhu cầu khách hàng, tiết kiệm chi phí. Nghiên cứu và triển khai giải pháp kỹ thuật rút ngắn thời gian cài đặt nội dung giải trí lên máy bay, tiết kiệm nhân lực, chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ. Nghiên cứu và triển khai giải pháp service recovery trong các trường hợp hỏng hóc nội thất, màn hình.
- Triển khai các lớp đào tạo văn hóa dịch vụ nâng tầm để nâng cao nhận thức cán bộ nhân viên đồng thời áp dụng các ý tưởng mới vào dây chuyền phục vụ hành khách.
- Tập trung triển khai các giải pháp quản trị chi phí lĩnh vực dịch vụ. Điều chỉnh hợp lý hóa tiêu chuẩn dịch vụ theo tình hình phục hồi của thị trường; tăng cường sử dụng dịch vụ suất ăn, vật phẩm tại các sân bay trong nước thay cho các sân bay nước ngoài; sử dụng báo, tạp chí điện tử thay cho báo giấy (Press Reader); đàm phán hợp đồng, kiểm soát công nợ, giãn/ hoãn thanh toán, đảm bảo tiết kiệm chi phí nhưng không ảnh hưởng tới hoạt động khai thác và chất lượng dịch vụ tổng thể.

Đánh giá hiệu quả, chất lượng dịch vụ góp phần cải thiện cơ cấu khách, tăng thu nhập cho Vietnam Airlines

Năm 2022, ngoài việc tập trung phục hồi các tiêu chuẩn dịch vụ như trước dịch để đáp ứng nhu cầu hành khách, Vietnam Airlines còn tích cực triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm thu hút các đối tượng khách khác nhau, tăng thu nhập. Cụ thể:

- Phối hợp với các Ban chuyên môn của khối Thương mại để phục vụ khách các sản phẩm, dịch vụ do khối Thương mại triển khai như Gift Card, Hạng M quyền năng, PreEconomy đường bay nội địa..., triển khai thử nghiệm chương trình nhận diện sinh trắc học eKYC tại Phòng khách Bông Sen và khu vực làm thủ tục, mang lại trải nghiệm công nghệ mới, giảm thiểu tiếp xúc cũng như cung cấp đa dạng hóa dịch vụ cho hành khách.
- Triển khai sản phẩm dịch vụ xuất sắc đường bay Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh với những trải nghiệm riêng biệt và duy nhất trên đường bay đặc biệt này. Theo đó, khách được làm thủ tục tại khu vực riêng biệt, được lấy hành lý tại khu vực cố định và những sự kiện bất ngờ hàng tháng trên đường bay. Tăng sức cạnh tranh riêng có cho sản phẩm dịch vụ mặt đất của Vietnam Airlines trên đường bay giữa hai thành phố lớn nhất cả nước.
- Xây dựng và phát triển các giải pháp nâng cấp chất lượng dịch vụ Phòng khách Bông Sen tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh theo hướng bổ sung khu vực dành cho các khách quan trọng, khách Triệu dặm. Theo đó trong năm 2023, khách sẽ được phục vụ các món nóng tại bàn, với thực đơn thay đổi phong phú, đa dạng và đẳng cấp, mang lại sức cạnh tranh bán khách doanh thu cao của Vietnam Airlines so với các hãng khác.
- Tham gia các dự án của liên minh hàng không SkyTeam về dịch vụ như dự án SkyClear, SkyPriority, Seamless check in, Phòng khách Thương gia và một số dự án về phát triển bền vững, tham gia thử thách chuyến bay bền vững. Đây là bước khởi đầu cho trải nghiệm thông suốt của hành khách trong thời gian tới – những trải nghiệm riêng có do liên minh SkyTeam mang lại cho hành khách của các hãng hàng không trong liên minh, mang lại cơ hội bán khách liên chặng với hành trình gần như không giới hạn.
- Đổi mới thực đơn nội địa, nâng cấp tiêu chuẩn chất lượng và được khách hàng đánh giá cao. Đổi mới thực đơn tại Đức, Nhật Bản, Úc để hạn chế tối đa mức tăng chi phí mà vẫn đảm bảo chất lượng do tình hình lạm phát và giá thực phẩm tại châu Âu, Úc, Nhật Bản tăng mạnh. Triển khai cấp suất ăn 2 chiều các đường bay quốc tế từ Nhật Bản/ Hàn Quốc trở xuống khi khai thác quốc tế trở lại để tiết kiệm chi phí lấy suất ăn ở nước ngoài tương đương với 73 tỷ trong năm 2022.
- Triển khai bán lẻ sản phẩm trà sữa trên các chuyến bay nội địa kể từ 01/07/2022 và Dịch vụ bán hàng miễn thuế kể từ 15/11/2022 đem lại cho hành khách những trải nghiệm hoàn toàn mới và đồng thời tăng doanh thu bổ trợ. Triển khai các dịch vụ mới: Press Reader, Bộ sứ hạng C mới, dụng cụ thân thiện với môi trường đáp ứng yêu cầu của nhà chức trách Châu Âu, Úc, hướng tới hãng hàng không xanh. Triển khai tiêu chuẩn dịch vụ đặc biệt, mang đến sự ngạc nhiên, thích thú cho hành khách của các chuyến bay sự kiện nhân dịp các ngày Lễ/ Tết (The flight of surprise) như 8/3, 1/6, Trung Thu, Halloween.

Kết quả chương trình tái cơ cấu khối Dịch vụ

- Căn cứ chủ trương về kiện toàn tổ chức của Tổng công ty, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các yêu cầu công việc của khối Dịch vụ trong giai đoạn phát triển mới của Tổng công ty, từ ngày 01/05/2022 khối Dịch vụ đã triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu với mô hình tổ chức mới và bước đầu đã đạt được những thành công, đạt được các nhiệm vụ đề ra. Sau tái cơ cấu, các hoạt động của khối Dịch vụ được vận hành tốt, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thị trường và mục tiêu chung của Tổng công ty. Công tác xây dựng tiêu chuẩn được chuyên môn hóa, công tác khai thác được phủ kín các lĩnh vực, các khâu, duy trì các hoạt động khai thác, giám sát, phục vụ hiệu quả; công tác quản trị chi phí đã theo hướng tập trung, tiết kiệm. Công tác chỉ đạo, điều hành của Tổng công ty tại các đơn vị trong khối Dịch vụ được thực hiện tốt, các thông tin đảm bảo tính nhanh chóng, tức thời, hạn chế các tầng lớp trung gian.
- Việc tái cơ cấu giúp tinh gọn bộ máy, tối ưu hóa nguồn nhân lực của các đơn vị trong khối giúp tăng cường sự quản lý, điều hành trực tiếp tới người lao động giúp việc triển khai công việc được nhanh chóng, hiệu quả. Cụ thể giảm đầu mối cấp phòng của Ban Dịch vụ Hành khách từ 5 phòng xuống 4 phòng, Đoàn Tiếp viên khối gián tiếp từ 6 phòng xuống 4 phòng, ASOC giảm 2 phòng và 7 đội. Số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tại ASOC đã bố trí theo hướng giảm cấp quản lý trung gian, bỏ cấp ca đối với lao động trực tiếp và cấp đội với lao động gián tiếp. Tại thời điểm 31/12/2022, lao động toàn khối giảm 30,5% so với kế hoạch năm 2020. Chi phí lao động toàn khối là 108 tỷ đồng, bằng 88% kế hoạch sau ĐHĐCĐ và bằng 50,6% năm 2019. Chi đảm bảo hoạt động của khối ước thực hiện năm 2022 là 145 tỷ đồng, thấp hơn so với kế hoạch 2022 và thấp hơn so với thực hiện 2019.

- Với mô hình tổ chức mới trong thời gian qua, khối Dịch vụ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp vào kết quả chung của Tổng công ty, cụ thể: CSI tăng liên tục từ 4,10 điểm lên 4,17 điểm đối với đường bay nội địa và từ 3,93 điểm lên 4,00 điểm đối với đường bay quốc tế. Chất lượng tiếp viên được cải thiện, điểm CSI tiếp viên tăng từ 4,16 điểm lên 4,18 điểm. Thư khen của khách hàng về chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines, đặc biệt thư khen nhân viên các bộ phận tuyến trước khi tiếp viên, nhân viên thủ tục, chuyên viên giám sát chuyến bay tăng liên tục, trung bình mỗi tháng gần 700 thư khen. Các chỉ số an toàn SAG3 luôn được giữ vững và cải thiện. Khối Dịch vụ đã triển khai được nhiều ứng dụng CNTT trong hoạt động khai thác, phục vụ giúp tăng trải nghiệm khách hàng, tăng chất lượng dịch vụ, tăng năng suất lao động, kiểm soát và tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, khối Dịch vụ cũng đã phối hợp tốt với các cơ quan đơn vị triển khai thành công nhiều dịch vụ mới, đáp ứng việc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ góp phần tăng doanh thu cho Tổng công ty và đáp ứng thị hiếu của khách hàng.

2.5. KỸ THUẬT

Kết quả đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả

- Tối ưu hóa kế hoạch định kỳ bảo dưỡng tàu bay tại VAECO, và kế hoạch bảo dưỡng động cơ, càng và APU nhằm hoàn thành mục tiêu nâng tỷ lệ máy bay sẵn sàng khai thác.
- Nâng cao công tác chuẩn bị các nội dung công việc định kỳ (WP), kiểm soát và thúc đẩy tiến độ định kỳ, chủ động lập kế hoạch bảo dưỡng ngắn, dài hạn để không bị động trong nguồn lực nhân công và phụ tùng vật tư, lập kế hoạch, chuẩn bị các công việc liên quan để trả tàu bay đúng hạn, giảm tỷ lệ quá hạn định kỳ.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD) để nâng cao độ tin cậy thiết bị, hệ thống tàu bay, xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện chất lượng, hiệu quả trong công tác bảo dưỡng – sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, duy trì và cải thiện công tác phối hợp khối Khai thác bay – khối Kỹ thuật góp phần giảm số vụ gây gián đoạn khai thác.
- Phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan sắp xếp số lượng tàu bay khai thác/ bảo quản/ dừng bay linh hoạt: xây dựng kế hoạch tháo bảo quản tàu bay phù hợp, đáp ứng yêu cầu khai thác từng thời điểm.
- Hoàn thành bảo dưỡng định kỳ đáp ứng điều kiện bán trả 03 tàu A321 (VN-A361, VN-A362, VN-A367) góp phần tăng doanh thu và giảm áp lực chi phí khi tàu không khai thác.
- Đảm bảo duy trì chất lượng nội thất tàu bay trong điều kiện ngân sách bị cắt giảm. Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, vật lực thực hiện nâng tầm dịch vụ đáp ứng nhu cầu khai thác tăng.

Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay, giảm chi phí kỹ thuật

Quản lý kỹ thuật, bảo dưỡng và cung ứng

- Thường xuyên phối hợp với cơ quan đơn vị khai thác theo dõi sát các thông số khai thác, đề xuất điều hành và sử dụng đội tàu bay hiệu quả và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu khai thác.
- Tiếp tục các chương trình Equalized Check để giảm thiểu tối đa thời gian làm định kỳ của máy bay.
- Triển khai áp dụng chương trình CI (Continues Improvement) cho các định kỳ để tối ưu hóa các công đoạn, rút ngắn TAT bảo dưỡng định kỳ.
- Thành lập nhóm quản lý tiến độ định kỳ, làm đầu mối kiểm soát, điều hành trên toàn Công ty đảm bảo các định kỳ được triển khai đáp ứng tiến độ.
- Xây dựng phần mềm kiểm soát Slot Hangar phục vụ công tác tính toán, lập kế hoạch, xử lý các tình huống ngoài kế hoạch, đảm bảo xây dựng và duy trì kế hoạch định kỳ ngắn hạn và dài hạn.
- Triển khai triệt để các chương trình Kỹ thuật cơ bản, bảo dưỡng ngăn ngừa, bảo dưỡng tăng cường đảm bảo độ tin cậy Kỹ thuật tàu bay.
- Áp dụng các công cụ theo dõi trạng thái máy bay, động cơ như AHM, SHM, ADEM, phát hiện sớm các hỏng hóc, chủ động xử lý, tránh các gián đoạn khai thác.
- Thực hiện tốt công tác quản lý định mức kho, kiểm soát chặt chẽ tình trạng phụ tùng vật tư, thời gian quay vòng sửa chữa (TAT) đảm bảo đủ vật tư phục vụ khai thác bảo dưỡng, hạn chế việc tăng mức kho và/hoặc chi phí phát sinh cho các phương án cung ứng thay thế.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phê chuẩn nhân viên, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu SXKD.
- Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các hợp đồng sửa chữa bảo dưỡng tàu bay/ động cơ/ thiết bị, cung ứng dịch vụ phụ tùng vật tư đảm bảo khai thác và tối ưu chi phí.
- Tích cực đàm phán với Boeing, Airbus và các Nhà sản xuất để tận dụng tối đa các hỗ trợ (FOC, credit) từ các đối tác cho các hỏng hóc do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc các thiết bị có độ tin cậy thấp.

Công tác quản trị chi phí kỹ thuật

- Xây dựng KPI CASK cho chi phí kỹ thuật và phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và thực hiện ngay các biện pháp giảm chi phí đến từng yếu tố tác động.
- Quản trị chặt chẽ, thường xuyên các hợp đồng đảm bảo lợi ích thương mại của Tổng công ty.
- Đàm phán giảm giá, hỗ trợ từ các đối tác hợp đồng.
- Đàm phán giãn/ hoãn các khoản nợ đến hạn và miễn trừ lãi suất trả chậm cho các khoản nợ được giãn/ hoãn.
- Kiểm soát chi phí sửa chữa động cơ, APU bằng các giải pháp: đàm phán giảm giá, giới hạn trần chi phí sửa chữa (NTE), tăng cường kiểm soát phụ tùng vật tư thay thế, hỏng hóc, tối thiểu nội dung công việc đối với LRU/QEC.

Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO

- Tăng cường, đẩy mạnh hợp tác liên doanh liên kết với các đối tác lớn (về lĩnh vực bảo dưỡng máy bay) để học hỏi, tiếp cận và chuyển giao công nghệ bảo dưỡng mới, phương thức quản lý tiên tiến, hiện đại vào mô hình của Tổng công ty, nhằm tối ưu chi phí bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh, tiến tới là trung tâm bảo dưỡng của khu vực.
- Mở rộng năng lực trong lĩnh vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị. Trọng tâm là phát triển năng định sửa chữa cấu trúc tàu bay, đặc biệt là cho đội tàu bay thế hệ mới; xây dựng và hoàn thiện hệ thống hangar phục vụ bảo dưỡng tàu bay/ động cơ/ thiết bị đồng bộ tại sân bay mới Long Thành và các sân bay trọng điểm Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng.
- Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong quản lý sửa chữa và bảo dưỡng, cụ thể gồm chuyển đổi sang hệ thống MRO IT mới đáp ứng yêu cầu quản lý của hãng hàng không khai thác hơn 100 tàu bay, tăng cường sử dụng các phần mềm ứng dụng của nhà sản xuất tàu bay, thiết bị, phần mềm tự nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.
- Phát triển các năng định thiết yếu để nâng cao năng lực bảo dưỡng, giảm thiểu chi phí thuê ngoài như: năng định hàn, bảo dưỡng Nacell, sửa chữa cấu trúc Composit, kiểm tra không phá hủy...
- Phát triển năng lực kỹ thuật độc lập để có thể thiết kế, chế tạo, xin nhà chức trách hàng không CAAV, FAA, EASA phê chuẩn các cải tiến (local mod) và thiết bị tự chế tạo (local parts) để chủ động hơn trong công tác bảo dưỡng.

Các chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến hoạt động kỹ thuật

- Trong năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện được khối lượng lớn các công việc góp phần vào hoàn thành kế hoạch SXKD, đảm bảo an toàn tuyệt đối và đạt mục tiêu kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

CÁC CHỈ SỐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022
ARL	94,52 (Mục tiêu 94,30)
DR A321	99,63 (Mục tiêu 99,50)
DR A350	99,57 (Mục tiêu 99,30)
DR B787	99,36 (Mục tiêu 99,20)
DR ATR72	99,70 (Mục tiêu 99,54)

- Bảo dưỡng tàu bay:
  - Bảo dưỡng ngoại trường: Đảm bảo kỹ thuật cho 204.561 giờ bay (trong đó A321: 117.681 FH, A350: 36.995 FH, B787: 40.050 FH và ATR72: 9.835 FH).
  - Bảo dưỡng nội trường:

LƯỢT CHECK	A321	A350	B787	ATR72
A-checks	0	66	46	25
EA checks	780	0	0	0
C/Y checks	81	22	17	3
Bảo dưỡng khác	147	26	9	9

VAECO

2.6. KHAI THÁC

- Đảm bảo điều hành an toàn, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả các chuyến bay, giảm thiểu các chuyến bay chậm chuyến dây chuyền, điều hành ổn định lịch bay nội địa, quốc tế hàng hóa, hồi hương theo tính chất chuyến bay khai thác. Công tác điều hành bám sát với điều kiện khai thác thực tế, điều chỉnh giờ bay, thời gian bay phù hợp đảm bảo công tác điều hành các chuyến bay chuyên cơ tuyệt đối an toàn.
- Tổ chức công tác điều hành, phân bay tập trung, đảm bảo điều hành hiệu quả đến từng chuyến bay, tổ chức đánh giá hiệu quả khi áp dụng các chương trình, phần mềm hỗ trợ điều hành khai thác. Tối ưu hóa hành trình bay, điều chỉnh cơ cấu phi công, tiếp viên đảm bảo phân bay hiệu quả phi công, tiếp viên.
- Kịp thời triển khai các biện pháp thích ứng với việc sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất đóng cửa một đường băng. Chủ trì phối hợp với NOC và VIAGS NBA trong việc tham gia chương trình AMAN/ DMAN và ACDM tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực phục vụ mặt đất, đảm bảo an toàn, điều hòa và hiệu quả cao nhất cho các chuyến bay của Vietnam Airlines tại Nội Bài.
- Đảm bảo phép bay, điều hành an toàn, hiệu quả với các chuyến bay khai thác thường lệ Mỹ, thuê chuyến chở khách quốc tế, chuyến bay cargo quốc tế. Đảm bảo phép bay Lịch bay mùa hè, Lịch bay mùa đông 2022, đặc biệt trong giai đoạn lịch bay liên tục phải điều chỉnh tùy theo yêu cầu của thị trường; phép bay cho tất cả các đường bay dự bị cho các đường bay đi Châu Âu/ Úc và các đường bay đi Đông Bắc Á; phép bay khai thác cho các chuyến bay giải cứu công dân Việt Nam từ các nước trên thế giới (nhiều đường bay Vietnam Airlines mới khai thác lần đầu như Mỹ, Châu Phi...), thuê chuyến adhoc chở chuyên gia nhập cảnh Việt Nam đảm bảo nhu cầu kinh doanh sản xuất của các công ty trong nước, thuê chuyến chở hàng hóa cứu trợ/ xuất khẩu quốc tế; duy trì giấy phép khai thác bay đến Trung Quốc (CCAR-129), xin mới cho các sân bay tại Trung Quốc khai thác tàu thân rộng và sân bay mới (Ôn Châu – WNZ) để đảm bảo khai thác nhu cầu chở hàng của Vietnam Airlines.
- Xây dựng các đường bay tránh Nga, Ukraine; thiết kế các phương thức giảm áp khi bay qua các đường HK B215/W191 FIR Trung Quốc và P500/ G500 FIR Pakistan, Afghanistan, Tajikistan. Lập các vùng cấm bay quanh đảo Đài Loan. Xây dựng nhiều phương án đường bay, chuẩn bị đầy đủ dữ liệu, tài liệu

phục vụ các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt đi Singapore, Mỹ, Nhật Bản, Anh, Hungary, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Philippines, Úc – New Zealand (9 chuyến). Phân tích đánh giá hiệu quả khai thác các phương án thuê chuyến, hồi hương, chuyên cơ, lịch bay thường lệ.

- Xin phê chuẩn khai thác EDTO 240 phút cho đội tàu bay A350 và EDTO 207 phút cho đội tàu bay B787 động cơ GenX 1B74-75 vào tháng 6/2022.
- Tham gia cùng Cục Hàng không Việt Nam và Tổng công ty Quản lý Bay Việt Nam xây dựng phương thức bay PBN, ban hành áp dụng tại 07 sân bay gồm Đà Nẵng, Liên Khương, Phù Cát, Thọ Xuân, Buôn Ma Thuột, Cần Thơ, Vinh; cùng các đơn vị tham gia quy hoạch mạng sân bay trong lãnh thổ Việt Nam.
- Chủ trì theo dõi, đánh giá định kỳ các giải pháp tiết kiệm nhiêu liệu, đề xuất các giải pháp tankering trong nước và quốc tế đem lại hiệu quả cao, kiểm tra sai lệch DOW (suất ăn, nước sạch...), giảm nhiên liệu mang thừa... Triển khai chương trình Quản lý khí phát thải CO_2 của ICAO đối với các chuyến bay quốc tế (CORSIA) và của EU, UK (EU, UK ETS).
- Đảm bảo công tác thanh quyết toán, vừa giãn hoãn vừa thanh toán để duy trì khai thác kịp thời đáp ứng yêu cầu cấp phép bay (Pakistan, dịch vụ xin phép bay, Iran).
- Triển khai thực hiện công tác lựa chọn nhà cung cấp cho khách sạn tổ bay trong và ngoài nước, tiết kiệm so với kế hoạch ngân sách cho Tổng công ty.
- Một số chỉ tiêu thống kê ước thực hiện năm 2022:
  - Chỉ số đúng giờ đi đạt 88%, hoàn thành mục tiêu năm 2022. Chỉ số đúng giờ đến đạt 80,8%, vượt 0,8% so với mục tiêu năm 2022.
  - Xây dựng và điều hành 04 chuyến bay hồi hương chính phủ (1.154 pax), 57 chuyến bay chở khách thuê chuyến/ hồi hương combo (13.133 pax) trong giai đoạn Quý I/2022 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.
  - Triển khai phương án gấp cho các chuyến bay giải cứu ứng phó chiến sự Nga – Ukraine: OTP/07,12,16Mar; WAW/12,18Mar.

  - Làm việc với Nhà chức trách Hàng không Việt Nam và Singapore cho phép sử dụng đường bay L644, tối ưu hóa thời gian bay, ước tiết kiệm nhiên liệu cho các chuyến bay đi Úc, Indonesia và Singapore hàng năm 7,3 tỷ đồng.
  - Đàm phán với các Nhà cung cấp AIB, ATR, Honeywell, Jeppesen, NavBlue về việc giãn, hoãn thanh toán, giảm được 138.479 USD (Jeppesen).
  - Đảm bảo ngân sách, thủ tục thanh toán đúng các quy định tài chính: tổng số tiền là 2.325.620 USD và 73.454.256 đồng.
  - Chủ trì triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí nhiên liệu năm 2022, đạt tiết kiệm 14.000 tấn, vượt mục tiêu 2.000 tấn tương đương tiết kiệm 327 tỷ đồng.
  - Đảm bảo thanh toán đúng, đủ các chi phí điều hành bay là 659,5 tỷ đồng trong năm 2022, tương đương với 54,9 tỷ đồng/tháng; bay qua 710,8 tỷ đồng trong năm 2022, tương đương với 59,2 tỷ đồng/tháng; quản trị chi phí hạ cất cánh 938,5 tỷ đồng trong năm 2022, tương đương với 78,2 tỷ đồng/tháng. Chối từ 1,15 tỷ đồng từ việc đòi không đúng của các đối tác, đồng thời tiếp tục đàm phán giãn hoãn góp phần duy trì dòng tiền cho Tổng công ty trong giai đoạn khó khăn.
  - Đàm phán giảm giá 60% trong 06 tháng đầu năm tương đương với giảm 2,72 tỷ đồng phí sử dụng phần mềm Tiết kiệm nhiên liệu SFCO2.
  - Lựa chọn, triển khai thực hiện toàn bộ các khách sạn, xe chở tổ bay trong và ngoài nước tiết kiệm so với hợp đồng trước đây 12,4 tỷ đồng.

2.7. AN TOÀN - AN NINH

Công tác an toàn

Những tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, xuất hiện các biến thể mới, số lượng ca nhiễm nhiều và trải rộng trên địa bàn cả nước, xung đột Nga – Ukraine đã xảy ra và kéo dài cho đến nay làm giá nhiên liệu tăng cao... là những yếu tố gây cản trở đối với sự phục hồi SXKD của Tổng công ty. Ban An toàn - Chất lượng tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ chuyên môn, đảm bảo tuyệt đối an toàn hoạt động khai thác của Tổng công ty.

Với chức năng, nhiệm vụ là cơ quan tham mưu giúp việc HĐQT và Tổng Giám đốc về công tác an toàn và quán triệt nghiêm tư tưởng chỉ đạo, phương châm hành động "Chủ động thích ứng – Vững chắc niềm tin – Phục hồi phát triển", năm 2022 công tác An toàn – Chất lượng đã được tập trung chỉ đạo triển khai, tổ chức quán triệt và yêu cầu các chi bộ quán triệt, thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kế hoạch công tác của Đảng ủy Tổng công ty tại các văn bản số 113-NQ/ĐUTCT ngày 18/01/2022 và Nghị quyết số 152-NQ/ĐUTCT về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và 6 tháng cuối năm 2022. Trên cơ sở các Nghị quyết của Đảng ủy Tổng công ty, Ban An toàn – Chất lượng đã chủ động xây dựng và ban hành các Nghị quyết thực hiện nhiệm vụ được giao như Nghị quyết số 03-NQ/ĐU-ATCL ngày 27/01/2022 lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và Quý I/2022; Kế hoạch công tác năm 2022 tại văn bản số 04/KH/ĐU-ATCL ngày 01/03/2022 và Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ 06 tháng cuối năm tại văn bản số 15-NQ/ĐU-ATCL ngày 10/08/2022 nhằm cụ thể hóa các Nghị quyết lãnh đạo của Đảng ủy Tổng công ty và Chỉ thị của Tổng Giám đốc. Từ các Nghị quyết, kế hoạch công tác của Đảng ủy, ngày 03/03/2022 Lãnh đạo Ban đã ban hành Kế hoạch công tác năm 2022 tại văn bản số 175/KH-TCTHK-ATCL nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ của Ban đến các phòng. Căn cứ Nghị quyết lãnh đạo, các kế hoạch công tác của Đảng ủy và của Lãnh đạo Ban, Cấp ủy các Chi bộ đã phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, Đảng viên nói riêng và người lao động nói chung tổ chức thực hiện đạt kết quả tích cực, toàn diện trên các mặt công tác. Trong đó, đã kiểm soát và đảm bảo tuyệt đối an toàn hoạt động khai thác bay của Tổng công ty. Chỉ số KPI các sự cố/ vụ việc an toàn trên 10.000 chuyến bay của năm 2022, cũng như KPI yếu tố con người đều đạt và thấp hơn nhiều so với mục tiêu của Ủy ban An toàn Tổng công ty đề ra (năm 2022 là 8,20. KPI yếu tố con người là 1,28. Mục tiêu là 9,5 và 1,29). Các vụ việc tiềm ẩn rủi ro tiếp tục giảm so với năm 2021, đặc biệt là các vụ việc Level 3 giảm mạnh, KPI vụ việc trên 10.000 chuyến bay là 1.26 (Mục tiêu: 2,6).

Các nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật đã thực hiện và hoàn thành trong năm 2022: Đảm bảo liên tục khả phi tàu bay, đáp ứng kịp thời các yêu cầu hoạt động khai thác của Tổng công ty trong điều kiện khẩn trương như các chuyến bay thuê chuyến, hồi hương, chuyển đổi cấu hình tàu bay để chở hàng, trả/ bán tàu bay, đặc biệt đảm bảo an toàn tuyệt đối các chuyến bay chuyên cơ phục vụ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quốc hội đi công tác nước ngoài; bước đầu thực hiện có hiệu quả Nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số trong công tác an toàn giai đoạn 2021 – 2025 thông qua vận hành có hiệu quả đề án AQD được lãnh đạo Tổng công ty đánh giá là một trong những cơ quan đơn vị dẫn đầu về số hóa; tiếp tục thực hiện chương trình Văn hóa An toàn thông qua hoạt động truyền thông, trò chơi, đào tạo về Văn hóa An toàn trong toàn Tổng công ty góp phần thúc đẩy Văn hóa An toàn tiệm cận mức 5 (mức tiên tiến) vào năm 2025; tham gia phê chuyển EDTO đối với B787 207 phút, tàu bay A350 240 phút; gia hạn thành công chứng chỉ AOC của Cục Hàng không Việt Nam; đánh giá tổng thể, báo cáo năng lực khai thác, huấn luyện, đào tạo để lãnh đạo Tổng công ty ra quyết định về mô hình tổ chức của VASCO; duy trì nghiêm công tác đánh giá An toàn – Chất lượng theo kế hoạch, bao gồm cả đánh giá trên không và trả lời kịp thời khuyến cáo của Nhà chức trách hàng không nước ngoài.

Công tác an ninh

Chính sách an ninh hàng không của Vietnam Airlines

- Vietnam Airlines quyết tâm đảm bảo an ninh trong hoạt động khai thác, thực hiện bởi các cán bộ công nhân viên có năng lực và được huấn luyện, trang thiết bị đầy đủ và được duy trì bảo dưỡng tốt, cùng với các quy trình chặt chẽ và có sự giám sát thực hiện phù hợp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng cho hành khách và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tổng công ty.
- Vietnam Airlines ban hành các chương trình An ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam và nhà chức trách nước ngoài phê chuẩn nhằm tuân thủ các quy định về An ninh hàng không của Việt Nam và các quốc gia có hoạt động khai thác của Vietnam Airlines. Các chương trình An ninh hàng không này đưa ra các quy định mang tính bắt buộc, yêu cầu các cán bộ công nhân viên, cơ quan đơn vị của Vietnam Airlines và đơn vị cung cấp dịch vụ tuân thủ, thực hiện nghiêm.
- Vietnam Airlines chấp nhận các chi phí về An ninh hàng không, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính được đầu tư để phục vụ cho công tác bảo đảm An ninh hàng không, góp phần bảo đảm an toàn cho hoạt động của Vietnam Airlines, giao thông đường hàng không và an ninh quốc gia.
- Vietnam Airlines mong muốn những cam kết và chính sách an ninh trong các chương trình An ninh hàng không và các tài liệu liên quan khác được đảm bảo thực hiện bởi các cán bộ công nhân viên một cách chuyên nghiệp trong mọi hoạt động khai thác của Vietnam Airlines. Mọi vi phạm trong công tác đảm bảo An ninh hàng không đều được điều tra, làm rõ, xử lý nghiêm và kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân tuân thủ, thực hiện tốt các quy định về An ninh hàng không.

Công tác đảm bảo An ninh hàng không năm 2022 của Vietnam Airlines

- Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức, trong đó môi trường kinh doanh vận tải hàng không chịu nhiều tác động bởi các bất ổn về kinh tế, chính trị thế giới và khu vực. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế có xu hướng gia tăng. Xung đột chính trị tại các quốc gia, khu vực tiếp tục leo thang ảnh hưởng đến sản lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt, hậu quả của đại dịch COVID-19 để lại, cũng như xung đột quân sự Nga – Ukraine đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành hàng không và Tổng công ty, làm thay đổi cơ bản kế hoạch SXKD và sự phục hồi, phát triển của Tổng công ty.
- Trước tác động của bối cảnh tình hình nêu trên, Tổng công ty đã thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp quản lý, điều hành, trong đó đã bám sát sự chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước, Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan để triển khai có hiệu quả các nội dung, yêu cầu công tác đảm bảo An ninh hàng không theo quy định, bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác của Tổng công ty trên tất cả các lĩnh vực, các địa bàn hoạt động, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty. Một số kết quả công tác nổi bật:
  - Tổ chức cập nhật, sửa đổi, bổ sung hệ thống tài liệu An ninh hàng không của Tổng công ty, trong đó tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung Chương trình An ninh hàng không lần 7 của Vietnam Airlines và các Quy chế An ninh hàng không của các đơn vị trực thuộc theo Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ Giao thông Vận tải và thực tế khai thác của Vietnam Airlines để trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. Xây dựng và ban hành Chương trình An ninh hàng không đường bay Trung Quốc; xây dựng và triển khai các chương trình, thủ tục An ninh hàng không để mở đường bay đi/ đến Ấn Độ, Los Angeles – Hoa Kỳ; cập nhật, sửa đổi Chương trình An ninh hàng không đường bay Đức, Australia.
  - Thực hiện tốt công tác đánh giá lĩnh vực An ninh hàng không của Tổng công ty theo tiêu chuẩn IOSA của IATA, góp phần tích cực phục vụ việc đánh giá gia hạn chứng chỉ IOSA năm 2022 của Tổng công ty; thực hiện tốt công tác phục vụ Đoàn đánh giá của Cục An ninh vận tải Hoa Kỳ (TSA), Đoàn Thanh tra của Cục Hàng không Việt Nam và Đoàn Thanh tra của ICAO trong quá trình đánh giá, thanh tra, thanh sát công tác bảo đảm An ninh hàng không của Tổng công ty.
  - Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các phương án bảo đảm an ninh tuyệt đối cho các chuyến bay VIP nội địa,

12 chuyến bay chuyên cơ đi nước ngoài và các chuyến bay thương mại nội địa, quốc tế; nắm chắc tình hình an ninh liên quan để chủ động, kịp thời triển khai các biện pháp An ninh hàng không cho các đường bay, địa bàn khai thác tại các khu vực có nguy cơ mất an ninh, ứng phó có hiệu quả với các tình huống có thể ảnh hưởng đến hoạt động khai thác (Áp dụng các biện pháp kiểm soát An ninh hàng không tăng cường cấp độ 1 cho toàn hệ thống dịp Tết Nguyên đán năm 2022; Giỗ tổ Hùng Vương 10/03, 30/04 – 01/05 và phục vụ SEA Games 31, Quốc khánh 02/09; điều chỉnh đường bay trước chiến sự Nga – Ukraine; tăng cường biện pháp bảo đảm An ninh hàng không hoạt động khai thác tại Nhật Bản và Thái Lan sau các vụ đe dọa an ninh; đánh giá để triên rkhai đường bay đi/ về Châu Âu qua không phận Iran thay thế cho đường bay P500 hiện nay; đánh giá khả năng khai thác thuê chuyến đường bay JHB-HAN (Senai, Malaysia).

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng (Công an, Hải quan, nhà chức trách hàng không trong và ngoài nước, lực lượng kiểm soát An ninh hàng không) trong triển khai các biện pháp bảo đảm An ninh hàng không phục vụ hoạt động khai thác; điều tra, xác minh, làm rõ các vụ việc liên quan đến An ninh hàng không; phối hợp tra cứu, xác minh và cung cấp các thông tin liên quan đến hành khách, đáp ứng 87 lượt yêu cầu của cơ quan chức năng trong, ngoài nước; hỗ trợ tích cực Cục A08 – Bộ Công an tổ chức 02 khóa huấn luyện kiến thức An ninh hàng không cho lực lượng an ninh trên không và triển khai cho lực lượng an ninh trên không bay huấn luyện trên 22 chuyến bay của Vietnam Airlines; kịp thời cập nhật, cảnh báo và triển khai trên hệ thống của Tổng công ty về thông tin của các đối tượng bị truy nã, cấm vận chuyển, kiểm tra bắt buộc để chủ động phát hiện, ngăn chặn, thông báo cho các cơ quan chức năng.
- Triển khai hàng loạt các biện pháp trong bảo đảm an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, tàu bay; kiểm soát an ninh nội bộ; bảo đảm an ninh thông tin; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, trộm cắp hành lý, hàng hóa; phòng cháy chữa cháy và bảo vệ cơ quan, đơn vị…; kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định 57 vụ việc vi phạm và liên quan đến An ninh hàng không, không có vụ việc nghiêm trọng, tăng 38 vụ việc so với năm 2021, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh cho tất cả các chuyến bay và hoạt động khai thác của Vietnam Airlines tại địa bàn trong và ngoài nước.

Thống kê vụ việc An ninh hàng không năm 2022

STT	NỘI DUNG VỤ VIỆC	NĂM 2022 (VỤ)	NĂM 2021 (VỤ)	SO SÁNH
1	Khách dọa bom/chất nổ, vũ khí	2	0	2 ↑
2	Khách gây rối, không chấp hành hướng dẫn	8	2	6 ↑
3	Khách hút thuốc trên tàu bay	9	2	7 ↑
4	Khách sử dụng điện thoại, Ipad trên tàu bay	0	3	3 ↓
5	Khách say bia/rượu	0	2	2 ↓
6	Khách trộm cắp trên tàu bay	0	0	=
7	Khách sử dụng giấy tờ giả	9	0	9 ↑
8	Khách sử dụng giấy tờ khác tên/sai quy định	0	0	=
9	Khách vận chuyển vũ khí sai quy định	2	0	2 ↑
10	Khách mang theo vật cấm, CCHT sai quy định	12	0	12 ↑
11	Trộm cắp tại mặt đất	0	0	=
12	Mất tài sản trong hành lý ký gửi của khách	0	0	=
13	Đồng bộ hành khách/nhầm chuyến	7	4	3 ↑
14	Mất/Khách trộm áo phao	0	0	=
15	Tổ bay vi phạm	1	0	1 ↑
16	Vi phạm an ninh khác	7	6	1 ↑
	TỔNG CỘNG	**57**	**19**	**38 ↑**

2.8. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

a. Tổng số lao động Công ty mẹ và hợp nhất

Số lao động hợp nhất của Tổng công ty tính đến 31/12/2022 là 18.622 người, bao gồm 5.351 của Công ty mẹ và 13.271 người của các công ty con, công ty liên kết.

Trong số đó, đối với Công ty mẹ: Lao động được tính là lao động trong danh sách quản lý của các cơ quan, đơn vị (không bao gồm thành viên ALSIMEXCO), có bao gồm người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động theo chính sách sử dụng lao động do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

b. Thông tin Công ty mẹ

Lao động

Lao động sử dụng bình quân trong năm là 4.736 người, tính trên số đi làm và đã quy đổi theo tỷ lệ ngày công làm việc thực tế trong tháng; riêng phi công, tiếp viên tính theo số lượng thực tế khai thác bay.

Thu nhập bình quân

Trên cơ sở xác định nguồn quỹ tiền lương năm 2022 theo Nghị định số 87/2021/NĐ-CP (tối đa 65% mức tiền lương bình quân của từng nhóm chức danh năm 2019), Tổng công ty đã điều hành linh hoạt chính sách tiền lương phù hợp với quy mô SXKD của Tổng công ty từng giai đoạn. Qua đó, tạo điều kiện ổn định đời sống cho người lao động, giữ chân lao động chất lượng cao, duy trì nguồn lực chuẩn bị phục hồi, phát triển sau đại dịch.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH VÀ ĐỘ TUỔI

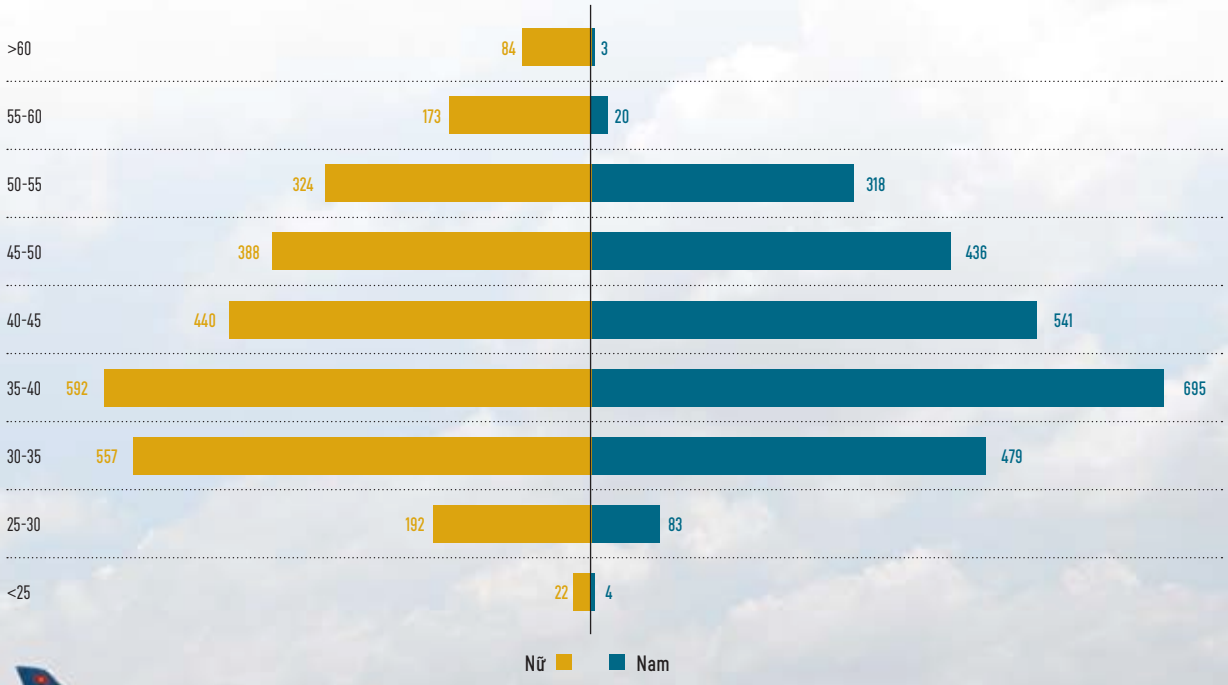

Các chỉ tiêu về Năng suất lao động

Lao động: Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự, tiền lương theo từng giai đoạn diễn biến của dịch bệnh, từng bước bổ sung lao động đi làm (gọi lại lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, tuyển dụng bù đắp số thôi việc) tương ứng với quy mô hoạt động SXKD, đặc biệt là giai đoạn cuối năm để chuẩn bị nguồn lực cho cao điểm và năm sau.

Năng suất lao động: Năng suất lao động theo tải vận chuyển có doanh thu RTK (Revenued Ton Kilometre) năm 2022 là 537 nghìn tấn.km/lao động, bằng 95,3% kế hoạch do (1) RTK thấp hơn kế hoạch 3,1% (cơ cấu đường bay, tải hàng hóa) và (2) lao động đưa vào từ giai đoạn cuối năm để chuẩn bị nguồn lực cho 2023. Năng suất lao động này bằng 77,9% so với thực hiện năm 2019.

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

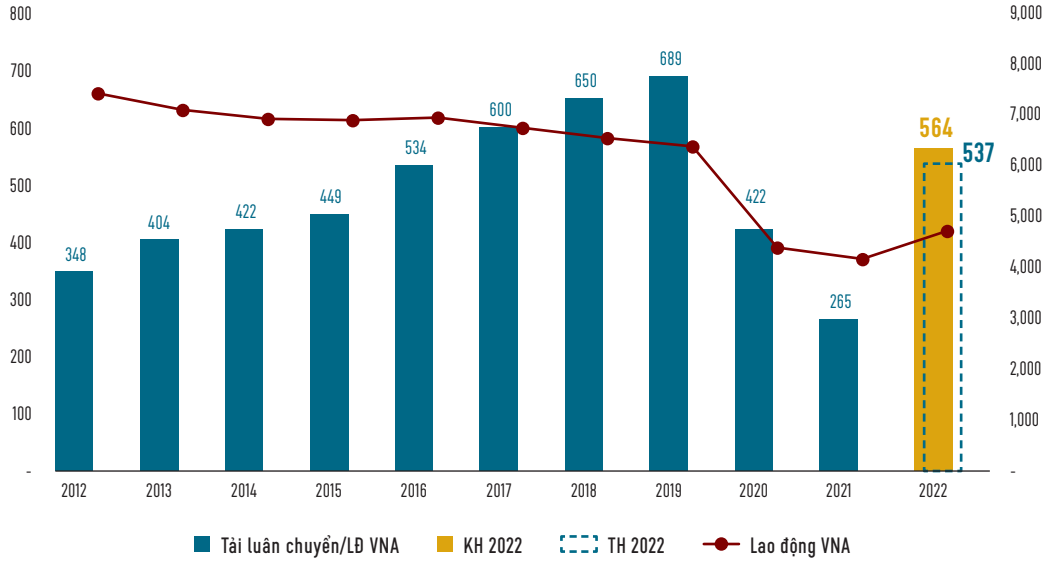

c. Kết quả triển khai

Tuyển dụng

Tổng công ty tiếp tục chương trình tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù theo hình thức xã hội hóa, tiếp cận Phi công cơ bản để đưa vào huấn luyện chuyển loại khai thác bay, tuyển bổ sung Tiếp viên ALSIMEXCO để bù đắp số chấm dứt hợp đồng lao động và chuẩn bị nguồn lực cho 2023.

Đào tạo

Năm 2022, mặc dù dịch bệnh COVID-19 chưa chấm dứt nhưng toàn hệ thống đào tạo đã chủ động, tích cực trong công tác biên soạn, cập nhật lại hệ thống chính sách, chương trình huấn luyện theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đánh giá gia hạn AOC và IOSA năm 2022, tổ chức tốt công tác huấn luyện đào tạo đối với Phi công, Tiếp viên, Nhân viên kỹ thuật máy bay, Nhân viên khai thác mặt đất, đào tạo phát triển cán bộ nguồn, cán bộ tiềm năng, góp phần giữ vững an toàn bay của Tổng công ty Hàng không Việt Nam. Cụ thể:

TT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO	SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN
1	Tổ chức đào tạo các môn IOSA theo yêu cầu của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay:	96.169
	1.1 Đối với Phi công, Tiếp viên, Nhân viên điều hành khai thác (VNA)	*21.757*
	1.2 Đối với nhân viên kỹ thuật máy bay (VAECO)	*23.661*
	1.3 Đối với nhân viên khai thác mặt đất (VIAGS)	*50.742*
2	Tổ chức đào tạo phát triển lực lượng Phi công:	
	2.1 Đào tạo chuyển loại Phi công cơ bản	*71*
	2.2 Đào tạo chuyển loại ATR, A321, A350, B787	*60*
	2.3 Đào tạo nâng cấp lái chính PC	*51*
	2.4 Nâng cấp giáo viên PC	*26*
3	Tổ chức đào tạo cán bộ nguồn cho Chi nhánh nước ngoài:	59
	3.1 Đào tạo nguồn trợ lý khai thác sân bay (SM)	*40*
	3.2 Đào tạo nguồn đại diện trưởng tại nước ngoài (GM)	*19*
4	Đào tạo nâng cao nhận thức An ninh thông tin mạng	9.899
5	Đào tạo nhận thức về Hệ thống An toàn (SMS)	940
6	Đào tạo nâng tầm dịch vụ (Uplifting Service):	3.068
7	Tổ chức chuỗi Hội thảo chuyên đề, trong đó:	378
	7.1 Nâng cao chất lượng dịch vụ của VNA	*70*
	7.2 Quản trị và tối ưu hóa chi phí	*110*
	7.3 Chiến lược trải nghiệm khách hàng cho khối Dịch vụ	*120*
	7.4 Hội nghị tập huấn công tác chuyên môn LĐ-TL-ĐT	*78*

Đánh giá chung: Công tác huấn luyện được tổ chức đảm bảo theo đúng mục tiêu, yêu cầu, trong đó:

- Hoàn thành tốt công tác xây dựng, cập nhật hệ thống tài liệu đào tạo huấn luyện và trình Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn, bao gồm: Chính sách huấn luyện của khối Khai thác bay (PART D1); Chính sách huấn luyện của khối Kỹ thuật (PART D2); Chính sách huấn luyện khối Khai thác mặt đất (PART D3); Chương trình đào tạo phục hồi cho Phi công, Chương trình đào tạo hàng nguy hiểm...
- Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2022 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, trong đó 100% nhân viên hàng không (Phi công, Tiếp viên, Nhân viên kỹ thuật máy bay, Nhân viên khai thác mặt đất) được đào tạo các môn IOSA theo đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu lực chứng chỉ, góp phần giữ vững an toàn bay của Tổng công ty, đồng thời tổ chức tốt công tác đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ tiềm năng, đào tạo kỹ năng mềm cho người tạm hoãn Hợp đồng lao động do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID.

Chào cờ đầu tháng

d. Văn hóa doanh nghiệp

Song song với 25 năm hình thành và phát triển của Vietnam Airlines là sự xây dựng và kết tinh của văn hóa, tạo cho Vietnam Airlines có nét văn hóa riêng biệt. Văn hóa doanh nghiệp của Vietnam Airlines không đơn thuần chỉ là văn hóa giao tiếp mà còn bao gồm cả tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, mục tiêu, chiến lược phát triển và hành vi, thái độ của mọi thành viên trong Vietnam Airlines.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp, giá trị văn hóa của Vietnam Airlines càng được phát huy mạnh mẽ, giúp Vietnam Airlines có sức mạnh để thích ứng với những thay đổi, những khó khăn từ môi trường bên ngoài, mọi thành viên cùng đồng lòng để vượt qua. Đồng thời, Vietnam Airlines vẫn luôn chú trọng truyền tải thông điệp về giá trị văn hóa của Vietnam Airlines đến với khách hàng và cổ đông thông qua việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu có định hướng và chiều sâu văn hóa.

2.9. TRUYỀN THÔNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Năm 2022, hoạt động truyền thông thương hiệu của TCT tiếp tục góp phần làm nổi bật hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam, giới thiệu những điểm đến nội địa thu hút khách du lịch quốc tế. Cùng với đó là quảng bá về Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam, hãng hàng không số trẻ trung, năng động với những ưu điểm vượt trội về dịch vụ, với đội ngũ tàu bay hiện đại cùng những chuyến bay an toàn và tiện lợi.

Hình ảnh thương hiệu

Được duy trì và bổ sung tại tất cả các điểm chạm với khách hàng & cán bộ nhân viên; Nhận diện thương hiệu được ứng dụng, phát triển theo hướng trẻ trung, hiện đại, hợp xu thế; Ngoài ra TCT đang triển khai nghiên cứu, xây dựng lộ trình tái định vị thương hiệu.

Các chương trình quảng cáo chiến lược và chiến thuật

Triển khai kịp thời theo nhu cầu của thị trường, đạt hiệu quả vượt trội về KPI quảng cáo, từ đó góp phần đáng kể cho KPI doanh thu của các chương trình bán.

Đẩy mạnh công tác truyền thông báo chí, sau thời gian gián đoạn, cung cấp thông tin trực diện kịp thời để giúp cho công chúng, cộng đồng hiểu hơn về VNA cũng như nắm bắt được nhiều sản phẩm mới của Hãng.

Các Hội chợ - Roadshow tiêu biểu

Quản trị & truyền thông trên mạng xã hội

Các kênh truyền thông, chăm sóc khách hàng đã được bổ sung đa dạng hơn (Zalo, Twitter, Tiktok, minigame, seeding group, KOL...) với nhiều nội dung hấp dẫn và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Tổ chức sự kiện, hội chợ, roadshow, gian hàng

Tổ chức 17 hội chợ và 4 kỳ Roadshow Festa tại Hà Nội thúc đẩy việc quảng bá hình ảnh thương hiệu, sản phẩm mới của Vietnam Airlines tới khách hàng, đối tác lớn, đồng thời đã mời, đăng ký thêm 2.159 hội viên khách hàng thường xuyên mới.

Các Chương trình tài trợ tiêu biểu

Hoạt động tài trợ

Năm 2022, tài trợ 35 chương trình, tập trung vào các chương trình cần thiết, có giá trị quảng cáo - truyền thông và trách nhiệm xã hội cao.

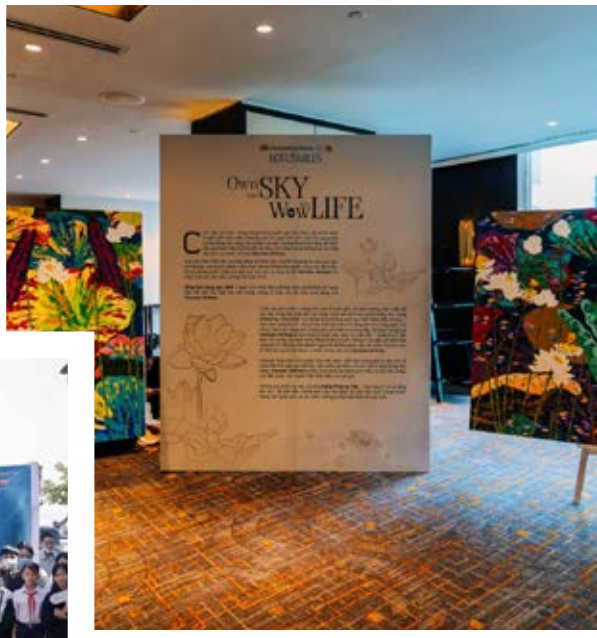

Hoạt động CSR

Hoạt động CSR

Tổ chức 9 chương trình thiện nguyện, từ thiện trên nhiều lĩnh vực. Xây dựng chương trình CSR mang dấu ấn, hình ảnh thương hiệu riêng của VNA thông qua việc sử dụng hiệu quả các sản phẩm dịch của VNA và đối tác mang lại nhiều giá trị, lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

Các chương trình CSR tiêu biểu

- Tổ chức thành công 02 chiến dich Quyên góp dặm cho các Tổ chức thiện nguyện:
- Quyên góp dặm nhằm hỗ trợ đi lại cho các chuyên gia y tế của Operation Smile thực hiện phẫu thuật nụ cười tại Nghệ An
- Quyên góp dặm nhằm hỗ trợ đi lại cho các chuyên gia y tế của Tổ chức Facing The World thực hiện phẫu thuật hàm sọ mặt tại Hà Nội.
- Giải chạy Run for love gây quỹ vì cộng đồng.
- Phiên đấu giá từ thiện trong khuôn khổ Đêm tri ân Triệu dặm nhằm tổ chức Chuyến đi mơ ước – Hành trình đoàn viên.
- Chuyến đi mơ ước – Hành trình trải nghiệm dành cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn
- Trao tặng vé máy bay trọn đời cho Huấn luyện viên Mr Park Hang Seo.

Kết quả đạt được trong năm 2022 được ghi nhận qua các giải thưởng thương hiệu, cụ thể như sau:

9 giải thưởng trong nước

- Thương hiệu quốc gia năm 2022 do Bộ Công Thương trao tặng
- Top 5 Công ty uy tín vận tải hành khách năm 2022 - VNR500 do Vietnam Report trao trặng
- Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng năm 2022 do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng
- Top 10 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam do Viet Research trao tặng
- Top 10 Thương hiệu dẫn đầu về trải nghiệm khách hàng năm 2022 do KPMG trao tặng
- Top 43 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500 do Vietnam Report
- Giải 3 giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại: Video Safety demo do Ban Tuyên giáo Trung ương trao tặng
- Giải Khuyến khích giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại: Music Video "Nhanh lên nhé" do Ban Tuyên giáo Trung ương trao tặng
- Hãng Hàng không được các Golfer yêu thích nhất năm 2022 do Tạp chí Golf and Leisure Magazine trao tặng

7 giải thưởng quốc tế

- Hãng Hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa, World Leading Culture Airlines - World Travel Awards do World Travel Awards trao tặng
- Hãng Hàng không hàng đầu châu Á về hạng ghế Phổ thông, Asia's Leading Airline - Economy Class - World Travel Awards do World Travel Awards trao tặng
- Thương hiệu hàng không hàng đầu châu Á, Asia's Leading Airline Brand - World Travel Awards do World Travel Awards trao tặng
- Hãng hàng không MICE tốt nhất châu Á 2022 - World Mice Awards do World Mice trao tặng
- Top 48 trong 100 hãng hàng không tốt nhất thế giới do Skytrax trao tặng
- Top 10 Thương hiệu được giới thiệu nhiều nhất năm 2022 (xếp thứ nhất) do Yougov bình chọn
- Top 10 Thương hiệu tốt nhất Việt Nam, Best Brands 2022 (xếp thứ hai) do Yougov bình chọn

Về kết quả thực hiện KPI

TIÊU CHÍ	KH2022	TH2022
Thị phần truyền thông VNA Group	>56%	56,33%
Sắc thái thảo luận	Tích cực >24%	25,83%
	Tiêu cực < 0,4%	0,27%

2.10. CHUYỂN ĐỔI SỐ/CNTT

a. Các ứng dụng CNTT mới hoặc được cải tiến trong các lĩnh vực kinh doanh

Năm 2022, Vietnam Airlines vẫn chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, bên cạnh công tác đẩy mạnh chuyển đổi số với mục tiêu trở thành Hãng hàng không số, kế hoạch và giải pháp về CNTT của Tổng công ty đã nhanh chóng đẩy mạnh việc ứng dụng các công nghệ số 4.0 vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng duy trì các ứng dụng hiện tại, đồng thời đẩy mạnh các ứng dụng phục vụ mục đích nâng cao doanh thu và giảm thiểu chi phí, cụ thể như sau:

- Trong công tác điều hành khai thác: Tiếp tục duy trì và nâng cấp chức năng cho các ứng dụng phục vụ khai thác như Netline OPS, FMS, Mobile OPS... Đồng thời nghiên cứu, đi vào xây dựng kế hoạch triển khai các gói ứng dụng lớn như Dữ liệu bay (Flight Data), Lập kế hoạch bay (Flight Planning)... nhằm tối ưu hóa công tác điều hành khai thác và giảm thiểu chi phí.

- Trong công tác bán: Duy trì hệ thống phục vụ công tác bán truyền thống đồng thời triển khai, áp dụng tối đa các công nghệ, nền tảng và ứng dụng số để gia tăng hiệu quả bán trực tuyến và nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các giải pháp, công cụ sau: Công cụ phát triển nhanh mạng bán S-IBE; Công cụ bán Khách hàng định danh: Học sinh sinh viên, Doanh nghiệp, Ethnics...; Thử nghiệm giải pháp Định danh điện tử (eKYC); Thử nghiệm giải pháp Trợ lý ảo tổng đài (CallBot); Bổ sung hoàn thiện tính năng cho Phòng vé ảo; Thử nghiệm CDP: Thử nghiệm triển khai CDP trên nền tảng Google Cloud tích hợp với hệ thống B2C CRM; Triển khai cài đặt Google Analytic tracking trên 8/20 touchpoints Digital khác (Check-in, Redeem voucher, hoàn/ hủy chặng, nâng hạng và mua các dịch vụ bổ trợ, idad online, VNAMall); Nâng cao trải nghiệm Customer Journey...
- Trong công tác dịch vụ: Triển khai dịch vụ Sabre DCS tại các sân bay trong nước và quốc tế, triển khai các giải pháp mới của Sabre, nâng cấp hệ thống thông tin phản hồi CAPA trên Salesforce, thuê phần mềm thông tin hỗ trợ tiếp viên... để nâng cao chất lượng trong công tác phục vụ hành khách.
- Trong công tác kỹ thuật: Hoàn thiện triển khai Phần mềm quản lý thông tin kỹ thuật và xếp lịch bảo dưỡng tự động TIMS, tiếp tục duy trì, đảm bảo hoạt động cho hệ thống quản lý kỹ thuật, vật tư và bảo dưỡng tàu bay AMASIS, bắt đầu đi vào triển khai hệ thống quản lý, bảo dưỡng tàu bay mới MRO IT sử dụng sản phẩm của đối tác AMOS.
- Đối với lĩnh vực chăm sóc khách hàng: Tiếp tục nâng cấp các chương trình cộng dặm, khiếu nại (Retro), các ưu đãi cho chương trình Hội viên triệu dặm (Million Miler), xây dựng đầu bài cho ứng dụng kiểm soát tài khoản Bông Sen Vàng để giảm thiểu chi phí, nâng cấp phần mềm trả thưởng (Lotus Award), bổ sung các chương trình Thẻ đồng thương hiệu, hoàn thành triển khai hệ thống quản lý phòng chờ LAMS để phục vụ hội viên Bông Sen Vàng.

b. Đánh giá độ sẵn sàng (SLA) các hệ thống CNTT

Công tác đảm bảo hoạt động các hệ thống CNTT luôn được chú trọng. Năm 2022, độ sẵn sàng các hệ thống CNTT đạt 99,96% so với chỉ tiêu KPI là 99%. Có được kết quả trên là do Vietnam Airlines tập trung triển khai các giải pháp:

- Nâng cấp hệ thống giám sát mạng và máy chủ (Proactive Monitoring), giám sát và quản trị tốt các sự cố CNTT.
- Tổ chức tốt các phương án dự phòng cho các hệ thống CNTT.
- Tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ của đối tác thứ 3 cung cấp dịch vụ CNTT cho Tổng công ty.
- Tăng cường đào tạo, nâng cao công tác quản trị chất lượng dịch vụ.

c. Các chính sách về an toàn thông tin, bảo mật thông tin cho khách hàng, cổ đông và những thay đổi quan trọng

- Với vai trò là hãng Hàng không quốc gia, lực lượng hậu bị cho an ninh, quốc phòng, nắm giữ nhiều thông tin quan trọng cũng như dữ liệu hành khách, Vietnam Airlines luôn đứng trước nguy cơ là mục tiêu tấn công của các đối tượng tội phạm, khủng bố công nghệ cao, các thế lực thù địch, chống phá, xuyên tạc thông tin. Chính vì vậy công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin luôn được Vietnam Airlines chú trọng.
- Trong năm 2022, Vietnam Airlines tiếp tục giám sát chặt chẽ an ninh thông tin trong hệ thống KPIs về đảm bảo an ninh thông tin đều đạt 100%. Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống CNTT, tăng cường quan hệ với các đối tác và cơ quan quản lý về an toàn thông tin.
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin. Định kỳ thi nâng cao nhận thức về an ninh thông tin cho toàn thể Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết. Tổ chức nâng cao nhận thức bằng hình thức giả lập tấn công phishing không báo trước.
- Đảm bảo tốt công tác bảo vệ dữ liệu, đạt chứng chỉ bảo mật ngành thẻ thanh toán PCI DSS và đáp ứng nhiều quy định khác như quy định bảo vệ dữ liệu chung của Châu Âu (GDPR), thực hiện tiếp nhận và xử lý hàng nghìn yêu cầu của khách hàng về việc thực thi các quyền của chủ thể dữ liệu (truy cập, chỉnh sửa, xóa dữ liệu...).

2.11. TÁI CƠ CẤU CÔNG TY MẸ VÀ DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

a. Tổ chức lại SXKD

Đối với công tác điều hành

Điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến phục hồi của thị trường trên tinh thần đảm bảo an toàn tuyệt đối về phòng chống dịch bệnh và cân đối hiệu quả khai thác. Chủ động khôi phục lại toàn bộ mạng bay nội địa so với thời điểm trước dịch và khai thác trở lại 70% số đường bay quốc tế, bám sát tình hình thay đổi của thị trường.

Đối với công tác bán hành khách

- Đẩy mạnh kênh bán trực tuyến hướng tới mục tiêu Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không số đến năm 2025.
- Mở rộng hệ sinh thái các sàn, ví, ứng dụng thương mại điện tử tại Việt Nam. Kết nối với các Metasearch, OTA lớn toàn cầu.
- Cá nhân quá hóa trình bán, phục vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng: xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, nâng cấp website/mobile app.
- Đẩy mạnh đầu tư phát triển bán các sản phẩm bổ trợ.
- Tập trung hoàn thiện hệ thống, quy trình phục vụ, nâng cao chất lượng công tác phục vụ và bán khách hàng doanh nghiệp.
- Triển khai tiếp nối thành công bán sản phẩm Thẻ quà tặng cho khách hàng doanh thu cao, cho các công ty con của Tổng công ty và các đối tác chiến lược/ toàn diện.
- Mở rộng kênh bán gián tiếp, tăng cường mức độ bao phủ của đại lý, người bán của Vietnam Airlines tại các tỉnh thành.
- Sử dụng linh hoạt, hiệu quả chi hoa hồng và chiết khấu thương mại (CKTM) để phát động bán khi cần thiết: giảm hoa hồng về mức tối thiểu, thay bằng CKTM trên toàn mạng.
- Ứng dụng, phát huy hiệu quả công cụ B2B/B2C Salesforce để quản trị, kết nối tới hành khách, khách hàng lớn CA, đại lý, công ty du lịch, nắm rõ và nắm chắc các nguồn khách hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả bán ổn định, lâu dài.
- Tăng cường hiệu quả công tác quản trị bán, quản trị kênh bán đại lý, CA đến từng chuyên viên bán thông qua công cụ B2B Salesforce.

Đối với hàng hóa

- Duy trì thị phần hàng hóa nội địa của VNA Group ở mức 56% (Thị phần đường trục HAN-SGN~62%.
- Tiếp tục khai thác các chuyến bay chở hàng bằng tàu bay chở khách đến Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, HongKong, Úc và Thái Lan... khi các chuyến bay chở khách chưa phục hồi hoàn toàn.
- Nhanh chóng điều chỉnh chính sách sản phẩm, chính sách bán để thích ứng với sự chuyển đổi từ khai thác chuyến bay chở hàng sang chở khách thường lệ. Duy trì hệ số sử dụng tải trên các chuyến bay chở khách quốc tế thường lệ trên 70%.

b. Tái cơ cấu tài chính Công ty mẹ

Để vượt qua các khó khăn do đại dịch COVID-19 để lại cùng những thách thức của môi trường kinh doanh trong bối cảnh tình hình tài chính của Tổng công ty đã bị suy yếu nhiều sau những ảnh hưởng của 2 năm dịch bệnh, trong năm 2022, bên cạnh các giải pháp cắt giảm, triệt để tiết kiệm chi phí, đàm phán giảm giá, giãn hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, đặc biệt là các đối tác cho thuê tàu bay, Tổng công ty đã chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp tái cơ cấu tài chính, bao gồm: (i) Tiếp tục cơ cấu nợ vay nước ngoài sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay ngắn hạn. Việc đạt được kết quả cơ cấu nợ vay với quy mô lớn đã góp phần giảm gánh nặng dòng tiền cho Tổng công ty trong năm 2023; (ii) Tái cấu trúc tài sản thông qua việc hoàn thành ký hợp đồng bán thanh lý 01 tàu bay A321CEO sản xuất năm 2004 và thực hiện Sale-Leaseback 01 động cơ dự phòng, giúp bổ sung dòng tiền và thu nhập cho Tổng công ty.

c. Tái cơ cấu doanh nghiệp thành viên

Năm 2022, Tổng công ty đã tích cực triển khai công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp thành viên và đạt được một số kết quả như: cơ bản hoàn thành thoái vốn giai đoạn 1 tại hãng hàng không Cambodia Angkor Air, nghiên cứu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn về cơ chế thoái vốn tại một số công ty thành viên, báo cáo cấp có thẩm quyền làm cơ sở triển khai trong năm tiếp theo, thực hiện công tác chuẩn bị để triển khai việc thoái vốn tại một số doanh nghiệp thành viên ngay khi cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương trong năm 2023.

d. Công tác tái cơ cấu Nhân lực tiền lương

Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục điều hành linh hoạt chính sách sử dụng nhân lực phù hợp với quy mô sản xuất, từng bước bổ sung lao động đi làm theo diễn biến thị trường, duy trì cao nhất tính sẵn sàng của nguồn lực, tuân thủ các quy định của pháp luật, tạo động lực cho người lao động khi hoạt động SXKD dần phục hồi.

Về công tác tổ chức, Tổng công ty đã xây dựng phương án Tái cơ cấu tổ chức trong Đề án tổng thể tái cơ cấu Tổng công ty báo cáo Ủy ban Quản lý vốn và Chính phủ; Hoàn thành kiện toàn tổ chức của Đoàn bay 919, Trung tâm Huấn luyện; Thành lập ASOC trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại NOC, TOC, DOC; Thành lập Chi nhánh Việt Nam trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại Chi nhánh Miền Bắc, Chi nhánh Miền Trung, chi nhánh Miền Nam và các Chi nhánh địa phương.

Đối với chính sách tiền lương, từ 01/01/2022 Tổng công ty triển khai phương án phân phối thu nhập mới với các mục tiêu: (i) Khuyến khích cơ quan đơn vị và người lao động nâng cao năng suất lao động, nỗ lực hoàn thành tốt, xuất sắc công việc; (ii) Giữ chân lao động giỏi, có năng lực, trình độ chuyên môn, hiệu suất công việc cao; (iii) Cơ chế trả lương công bằng, công khai; (iv) Đơn giản trong chi trả tiền lương. Tiền lương bổ sung được phân bổ vào tiền lương hàng tháng nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, đời sống người lao động, tỷ lệ hưởng tiền lương chuyến bay, tiền lương năng suất... cao hơn năm 2021.

e. Công tác áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động kinh doanh

Theo Chiến lược Chuyển đổi số của Tổng công ty giai đoạn 2022 – 2026, lộ trình để trở thành Hãng hàng không số (Digital Airline) được xác định như sau:

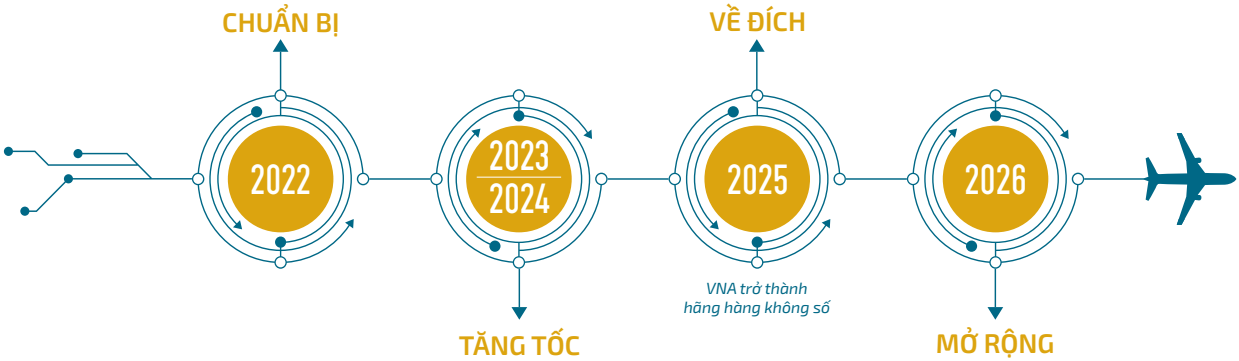

Trong đó, năm 2022, Tổng công ty tập trung xây dựng chiến lược và chuẩn bị các điều kiện cho triển khai các hoạt động chuyển đổi số chính, bao gồm:

- Nhóm chiến lược/ khung tổng thể: Xây dựng và ban hành 7 Chiến lược (tương ứng với 8 tiêu chí trong đánh giá chuyển đổi số theo Quyết định 1970 của Bộ Thông tin và Truyền thông): (1) Chiến lược chuyển đổi số (đã ban hành năm 2022); (2) Chiến lược và tầm nhìn về trải nghiệm khách hàng; (3) Chiến lược thương hiệu số; (4) Chiến lược marketing số; (5) Chiến lược hệ sinh thái; (6) Chiến lược quản trị rủi ro; (7) Chiến lược dữ liệu (Khung quản trị dữ liệu).
- Nhóm cơ chế, chính sách: 3 nhóm chính sách lớn bao gồm (1) Xây dựng và truyền thông về văn hóa số; (2) Xây dựng cơ chế chính sách thu hút và gìn giữ nhân tài; (3) Xây dựng cơ chế thúc đẩy cho các sáng kiến chuyển đổi số.
- Nhóm các Sáng kiến số: Bao gồm các giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp (không phát sinh kinh phí đầu tư thuê, mua hàng hóa dịch vụ) gồm 38 Sáng kiến số (tương ứng với 105 nội dung công việc theo các tiêu chí trong Bộ chỉ số DBI của Bộ Thông tin và Truyền thông).
- Nhóm công việc chuẩn bị cho đầu tư các nền tảng số, ứng dụng số (là các sáng kiến số dưới dạng các giải pháp kỹ thuật, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật): 22 hạng mục công việc liên quan đến 06 trụ cột chuyển đổi số.

2.12. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

a. Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc.

Năm 2022, Vietnam Airlines và ANA tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác chiến lược tổng thể, toàn diện trên nhiều lĩnh vực theo các thỏa thuận giữa hai bên trong khuôn khổ hợp tác đầu tư mua cổ phần của Vietnam Airlines vào năm 2016. Bên cạnh đẩy mạnh đàm phán về khả năng hợp tác liên doanh trong lĩnh vực thương mại, trong năm 2022, hai bên cũng tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, trong đó tập trung vào thương mại điện tử, dịch vụ khách hàng và đào tạo. ANA đã chia sẻ các kinh nghiệm về công tác tổ chức và việc ứng dụng các giải pháp giúp Vietnam Airlines nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng online. Hai bên cũng phối hợp tổ chức buổi hội thảo để các chuyên gia hàng đầu của ANA trực tiếp tư vấn và đào tạo nhằm hỗ trợ Vietnam Airlines từng bước nâng cao chất lượng suất ăn trên các đường bay giữa Việt Nam và Nhật Bản do Vietnam Airlines khai thác.

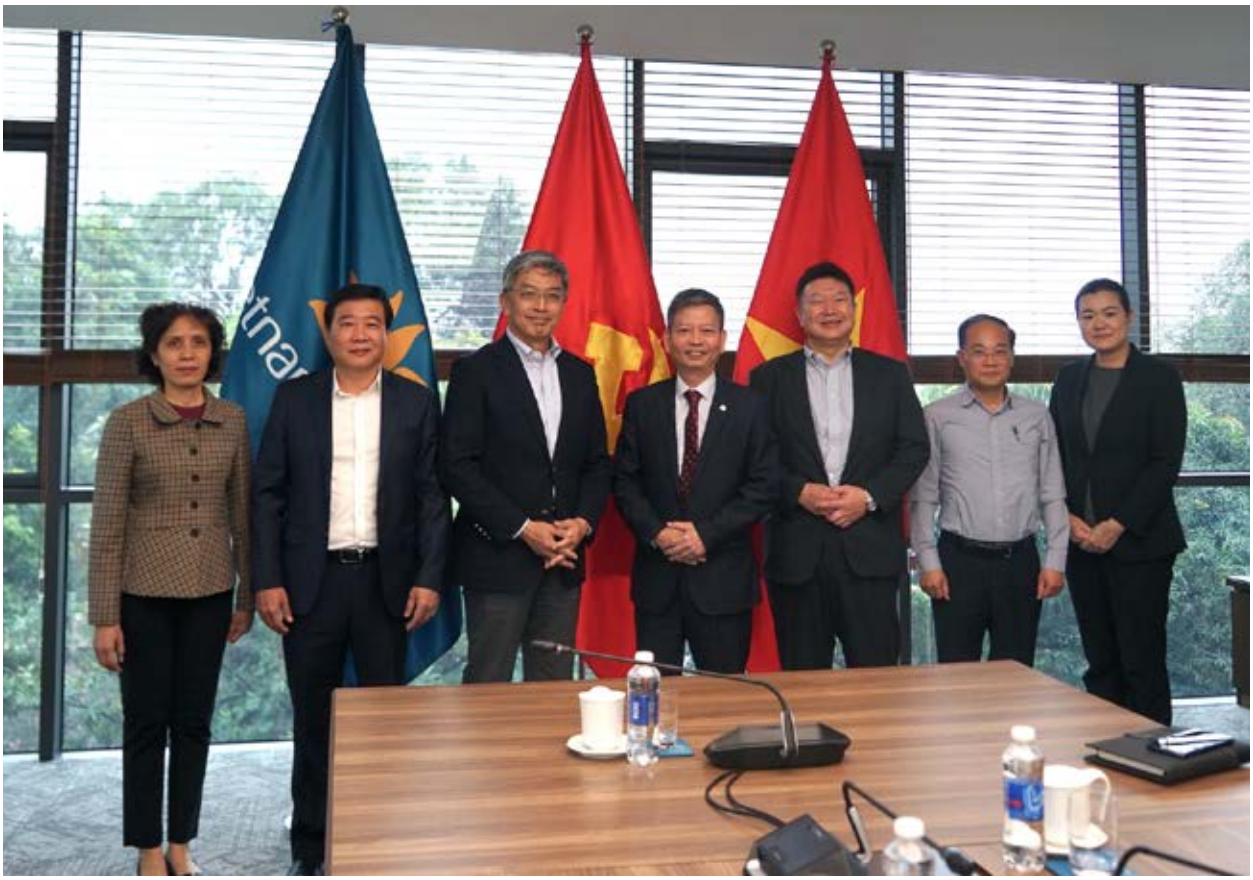

b. Hợp tác thương mại

Về hợp tác liên danh, sau giai đoạn ảnh hưởng của COVID-19 khiến các hợp tác giữa Vietnam Airlines và các hãng hàng không gần như đóng băng. Vietnam Airlines đã tích cực đàm phán nối lại các hợp tác thương mại với các hãng hàng không kể từ khi chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường hàng không từ giữa tháng 3/2022. Trong tổng số 26 đối tác liên danh, Vietnam Airlines đã triển khai hợp tác liên danh trở lại với 15 hãng hàng không và 1 hãng tàu hỏa. Các đối tác còn lại chưa nối lại hợp tác do các yếu tố khách quan như quy định hạn chế xuất nhập cảnh, ảnh hưởng bởi lệnh cấm vận hoặc do đối tác chưa khai thác trở lại các đường bay trong phạm vi hợp tác. Ngoài việc duy trì hợp tác, Vietnam Airlines tìm kiếm cơ hội mở rộng hợp tác như đàm phán mở rộng hợp tác tại nhiều thị trường mới như Mỹ và Ấn Độ để bổ trợ cho các đường bay thẳng đi/ đến Mỹ/ Ấn Độ và tăng cường sự hiện diện của Vietnam Airlines tại các thị trường này.

Hợp tác VNA và Tỉnh Bình Định

Hợp tác VNA và Tỉnh Phú Yên

Hợp tác VNA và Tỉnh Quảng Ngãi

Về hợp tác liên doanh, Vietnam Airlines tạm ngừng hợp tác với Air France từ tháng 3/2020 do Vietnam Airlines ngừng khai thác các đường bay kết nối Việt Nam và Pháp, tuy nhiên sẽ hợp tác trở lại từ tháng 3/2023. Trong năm 2022, Vietnam Airlines tập trung hoàn thiện hồ sơ xin phê duyệt các Nhà chức trách có liên quan của Việt Nam và Đài Loan về hợp đồng hợp tác kinh doanh (Joint Business – JB) giữa Vietnam Airlines và China Airlines.

Hợp tác VNA và Tỉnh Đồng Tháp

Về hợp tác đa phương, Vietnam Airlines tiếp tục tham gia vào các hoạt động và dự án chung của SkyTeam, tạo động lực để Vietnam Airlines nâng cấp hệ thống và tiêu chuẩn dịch vụ của Hãng để đáp ứng yêu cầu của Liên minh SkyTeam nói chung và gia tăng năng lực cạnh tranh của Vietnam Airlines nói riêng. Đối với các dự án trọng điểm của SkyTeam, trong năm 2022, Vietnam Airlines đã tích cực tham gia công tác triển khai dự án Check-in (cho phép hành khách tự làm thủ tục check-in trên chuyến bay của các hãng SkyTeam trong hành trình đa chặng), giúp mang đến trải nghiệm thông suốt cho hành khách trong bối cảnh dịch bệnh COVID vẫn còn diễn biến phức tạp. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng tích cực cùng SkyTeam xây dựng dự án mới Virtual Codeshare (tạo hành trình phù hợp nhu cầu hành khách căn cứ theo mạng đường bay của các hãng thành viên SkyTeam với mức giá hợp lý), dự kiến có thể giúp gia tăng khả năng bán và năng lực cạnh tranh trên kênh bán trực tuyến. Vietnam Airlines đồng thời tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức và diễn đàn đa phương như IATA, AAPA nhằm phát huy vai trò của mình và đóng góp tích cực trong việc xây dựng các chính sách chung của ngành.

Hợp tác VNA và Tỉnh Quảng Bình

Hợp tác VNA và Tỉnh Quảng Bình

c. Hợp tác với chính quyền địa phương

Hợp tác giữa Vietnam Airlines và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Năm 2022, Vietnam Airlines tiếp tục ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với 14 UBND tỉnh/ thành phố là Bình Định, Cà Mau, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Huế, Quảng Bình, Đồng Tháp, Gia Lai, Kiên Giang, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Kon Tum; Tiếp tục duy trì, triển khai các hoạt động xúc tiến du lịch, văn hóa, thương mại với 16 tỉnh, thành phố đã có hợp tác từ trước như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Quảng Ninh... Các thỏa thuận hợp tác được ký kết nhằm phối hợp đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch, đầu tư thương mại, hàng không, điểm đến và đặc biệt khôi phục ngành dịch vụ hàng không nói riêng, ngành du lịch nói chung sau ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; Xây dựng chính sách hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau một cách hiệu quả; Tăng cường quảng bá hình ảnh, khẳng định vai trò hợp tác toàn diện giữa Vietnam Airlines và các tỉnh/ thành phố trong quá trình hoạt động và phát triển, từ đó vừa nâng cao hiệu quả SXKD và phát triển kinh tế của các địa phương cũng như cả nước.

Hợp tác VNA và Tỉnh Hoà Bình

d. Hợp tác với các đối tác lớn

Thỏa thuận hợp tác giữa Vietnam Airlines với các tập đoàn kinh tế nhằm phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh, tăng cường hợp tác toàn diện hướng tới mục tiêu là đối tác chiến lược của nhau trong quá trình hoạt động và phát triển. Thông qua hoạt động hợp tác toàn diện, Vietnam Airlines và các tập đoàn này sẽ cùng xúc tiến các hoạt động hỗ trợ nhau, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh để khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên, tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước, trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mỗi bên và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm; thông qua hợp tác để tăng cường lợi ích cho cán bộ, công nhân viên của các bên. Trong năm 2022, Vietnam Airlines đã tiếp tục mở rộng ký kết hợp tác thêm với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn là Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Tập đoàn T&T, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, bên cạnh đó tiếp tục duy trì triển khai các hoạt động hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã có hợp tác từ trước như VinGroup, Sun Group, Nova Group, Thiên Minh Group, BRG...

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 của Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ với tổng kinh phí là 375,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do tình hình tài chính năm 2022 còn nhiều khó khăn, Tổng công ty đã chủ động đánh giá mức độ cấp thiết của các Dự án đầu tư, tiến hành rà soát, cắt giảm, chỉ tập trung vào các Dự án cần triển khai ngay phục vụ SXKD và tiết kiệm chi phí, đồng thời tiếp tục chủ trương giãn, hoãn tối đa tiến độ triển khai các dự án và đàm phán giãn thanh toán các dự án đã hoàn thành để giảm áp lực dòng tiền, tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm khác nhằm khôi phục lại SXKD sau đại dịch. Tổng hợp tình hình thực hiện như sau:

DANH MỤC ĐẦU TƯ	KH 2022		TH 2022		%TH/KH	
	SỐ DỰ ÁN	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)	SỐ DỰ ÁN	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)	SỐ DỰ ÁN	GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN (TỶ ĐỒNG)
1	2	3	4	5	6	7
Đầu tư tài sản	**32**	**135,8**	**4**	**61,3**	**12,5%**	**45,1%**
Tàu bay	1	1,8	0	0	-	-
Xây dựng cơ bản	19	104,7	1	42,0	5,3%	40,1%
Trang thiết bị, CNTT	12	29,3	3	19,3	25,0%	65,9%
Đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp	**5**	**155,4**	**1**	**8,1**	**20,0%**	**5,2%**
Dự phòng đầu tư		**84,6**	**0**	**0**		**-**
TỔNG CỘNG	**37**	**375,8**	**5**	**69,4**	**13,5%**	**18,5%**

Ghi chú: Cột 4 là tổng số dự án chuẩn bị đầu tư được phê duyệt, số dự án thực hiện đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng và dự án hoàn thành quyết toán trong năm 2022.

Năm 2022 , Tổng công ty không sử dụng 84,6 tỷ đồng dự phòng đã ghi kế hoạch (dự phòng đầu tư tài sản là 40 tỷ đồng, dự phòng đầu tư ra ngoài doanh nghiệp là 44,6 tỷ đồng).

3.1. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN NĂM 2022

a. Đầu tư tàu bay

Dự án 50 tàu bay thân hẹp đã được Sở Tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư tiếp theo theo quy định.

b. Đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị năm 2022 là 19,3 tỷ đồng, chủ yếu để giải ngân cho các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2021 được giãn thanh toán sang năm 2022.

c. Đầu tư xây dựng

Tổng giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2022 là 42,0 tỷ đồng, chủ yếu để giải ngân cho Dự án Tòa nhà VN1 tại 200 Nguyễn Sơn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ Quý 1/2021. Năm 2022, Tổng công ty thực hiện chủ trương triệt để hoãn tiến độ triển khai các dự án đầu tư đến khi tình hình tài chính được cải thiện, chỉ triển khai giải ngân thanh toán cho các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong các năm trước.

3.2. ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 ghi nhận 05 khoản Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với kinh phí 155,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, Tổng công ty chỉ thực hiện tăng vốn góp vào APLACO 8,1 tỷ đồng bằng tiền cổ tức (đạt 5,2% KH) và giãn tiến độ các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp khác để đảm bảo cân đối dòng tiền cho Công ty mẹ.

a. Đánh giá chung về hiệu quả đầu tư ra ngoài Doanh nghiệp

Trong năm 2022, dịch COVID-19 trong nước cơ bản được kiểm soát nên hoạt động thương mại, vận tải, du lịch phục hồi tích cực. Tuy nhiên tại một số quốc gia vẫn chưa nới lỏng chính sách phòng chống dịch, bên cạnh đó những biến động chính trị trên thế giới, lạm phát, tỷ giá, giá dầu biến động mạnh cũng đã làm ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi của các doanh nghiệp vốn góp. Các doanh nghiệp vốn góp đã nỗ lực giữ thị phần, ký thêm hợp đồng với các hãng hàng không mới, tận dụng các cơ hội tăng doanh thu, điều hành linh hoạt theo diễn biến thị trường, kiểm soát chặt chẽ chi phí để đạt kết quả SXKD tốt hơn kế hoạch đề ra.

b. Kết quả kinh doanh của các công ty có vốn góp trong năm 2022

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty con

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1	VAECO	VAECO	100%	Là Công ty TNHH Một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty được thành lập và xây dựng theo các tiêu chuẩn quy định của Cục Hàng không Việt Nam - CAAV, Cục Hàng không liên bang Mỹ - FAA và Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - ICAO. VAECO là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong việc cung ứng các dịch vụ ngoại trường, bảo dưỡng nội trường, cung ứng phụ tùng vật tư, bảo dưỡng nội thất cho cả máy bay thân hẹp và thân rộng theo yêu cầu của khách hàng tuân thủ theo tiêu chuẩn CAAV, FAA, EASA, CAAP, SSCA… và các Nhà chức trách hàng không khác. Công ty có hai phòng thí nghiệm hiệu chuẩn đã áp dụng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 và đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) công nhận, theo đó VAECO đảm bảo cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn chính xác, chất lượng, kịp thời cho khách hàng là cá nhân, công ty hoặc tổ chức trong và ngoài ngành Hàng không. Ngoài ra, VAECO đã thành lập và phát triển Trung tâm Đào tạo với một lực lượng giáo viên chuyên nghiệp không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng truyền đạt tốt mà còn có kinh nghiệm thực hành bảo dưỡng trực tiếp trên tàu bay nhiều năm. Trung tâm đào tạo của VAECO đã được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn dạy những khóa đào tạo về máy bay, trang thiết bị mặt đất, huấn luyện an ninh hàng không… đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực kỹ thuật của ngành hàng không Việt Nam và khu vực. Năm 2022, thị trường hàng không bắt đầu phục hồi, các chuyến bay nội địa và quốc tế tăng đáng kể dẫn đến sản lượng và doanh thu thực hiện của VAECO tăng trưởng so với năm 2021, kết quả SXKD năm 2022 của VAECO được cải thiện đáng kể với tổng doanh thu đạt 2.065,5 tỷ đồng, LNTT đạt 106,2 tỷ đồng, ROE đạt 7,5%.
2	Skypec VIETNAM AIR PETRO	SKYPEC	100%	Là Công ty TNHH Một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ với bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế với hệ thống kho chứa trên 210.000 m3, mạng lưới hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc. Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng rất khắt khe của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty không ngừng nâng cao và đầu tư bổ sung dàn xe tra nạp, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và đã có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 với 10 phép thử tiêu chuẩn, Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2015 do Tổ chức QMS chứng nhận để luôn sẵn sàng phục vụ các khách hàng hàng không trong và ngoài nước một cách tối ưu nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống giám sát thông minh, tích hợp GPS và camera hành trình, số hóa xe tra nạp, đảm bảo chuỗi cung ứng nhiên liệu của SKYPEC luôn được kiểm soát chặt chẽ. SKYPEC là nhà cung cấp nhiên liệu cho tất cả các hãng hàng không trong nước và gần 100 hãng hàng không nước ngoài đang khai thác tại Việt Nam. Năm 2022, sau ảnh hưởng từ dịch COVID-19, nền kinh tế lại chịu tác động bởi xung đột giữa Nga và Ukraina, tiếp tục khó khăn do sự suy thoái kinh tế, lạm phát; đặc biệt trong năm 2022 giá nhiên liệu biến động dị biệt, nhiều thời điểm nguồn cung căng thẳng gây khó khăn cho công tác cân đối nguồn hàng. Diễn biến khó lường về tỷ giá tăng cao trong những tháng cuối năm làm tăng chi phí tài chính cũng như rủi ro về tỷ giá làm ảnh hưởng lớn tới kết quả SXKD của Công ty. Đứng trước các thách thức nêu trên, SKYPEC đã nỗ lực thực hiện các giải pháp điều hành để vượt qua khó khăn, khủng hoảng, cải thiện hiệu quả hoạt động. Do đó, hoạt động SXKD của SKYPEC năm 2022 vẫn đạt được những kết quả tích cực với tổng sản lượng đạt 1.253.343 tấn; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 32.940,3 tỷ đồng và LNTT đạt 281,4 tỷ đồng, ROE đạt 35,2%.

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
3	VACS	VACS	100%	Là Công ty chuyên sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không do VNA nắm giữ 100% vốn điều lệ. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 và SQF 2000 (tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm) được HACCP công nhận… Năm 2022, thị trường vận tải hàng không nội địa có sự hồi phục mạnh mẽ và các hãng hàng không bắt đầu mở lại đường bay quốc tế đã giúp hoạt động SXKD của VACS cải thiện nhanh chóng. Tuy nhiên, tốc độ hồi phục của thị trường vận tải hàng không quốc tế còn chậm, đến cuối năm 2022 một số quốc gia và vùng lãnh thổ vẫn đang áp dụng chính sách, quy định hạn chế đi lại nhằm phòng chống COVID-19 như khu vực Đông Bắc Á, trong đó có thị trường Trung Quốc (hầu hết các chuyến bay thương mại giữa Trung Quốc – Việt Nam chưa được khai thác trở lại). Do đó, tổng doanh thu đạt 459,7 tỷ đồng, LNTT năm 2022 của VACS chỉ đạt 19,5 tỷ đồng, ROE đạt 14,3%.
4	VIAGS	VIAGS	100%	Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, tàu bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu gần 4000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISAGO. Năm 2022, do ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19 và khủng hoảng do tác động bởi xung đột giữa Nga và Ukraine, sản lượng chuyến bay quốc tế vẫn chưa phục hồi hoàn toàn như giai đoạn năm 2019, tuy nhiên VIAGS đã thực hiện tốt các giải pháp điều hành SXKD, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa lợi nhuận. Năm 2022, tổng sản lượng chuyến bay thực hiện đạt 100.004 chuyến; Chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 1.588 tỷ đồng LNTT đạt 46,8 tỷ đồng, ROE đạt 10,45%. Trong năm 2022, VIAGS nhận được một số giải thưởng về chất lượng dịch vụ của các hãng hàng không (Vietnam Airlines, China Airlines, Eva Airways), đặc biệt vào tháng 12/2022 vừa qua VIAGS vinh dư nhận giải thưởng là đơn vị phục vụ hành khách tốt nhất năm 2022.
5	PACIFIC AIRLINES	Pacific Airlines	98,84%	Năm 2022, trên cơ sở chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền, VNA đã hoàn thành việc tiếp nhận số cổ phần tại PA do cổ đông Qantas cho tặng, nâng tổng số cổ phần sở hữu của VNA tại PA lên 98,84% vốn điều lệ. Năm 2022, thị trường hàng không nội địa bắt đầu phục hồi mạnh mẽ, tuy nhiên thị trường hàng không quốc tế chưa khôi phục được như kỳ vọng do nhiều thị trường trọng điểm vẫn còn đóng cửa hoặc mở cửa hạn chế. Bên cạnh đó giá nhiên liệu tăng cao, tỷ giá biến động mạnh đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả SXKD của PA. Trước tình hình hết sức khó khăn của PA, VNA tiếp tục triển khai những giải pháp phối hợp nguồn lực, đàm phán với nhà cung cấp việc giãn/hoãn thanh toán, hỗ trợ giảm giá nhằm giúp PA vượt qua giai đoạn khủng hoảng. Kết quả năm 2022 của Công ty có tổng doanh thu đạt 3.486,7 tỷ đồng, LNTT lỗ 2.096 tỷ đồng, giảm lỗ 211,9 tỷ đồng so với năm 2021.
6	NCTS NOI BAI CARGO A SUBSIDIARY OF VIETNAM AIRLINES	NCTS	55,13%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu tại khu vực phía Bắc, trong đó VNA sở hữu 55,13% vốn điều lệ. Công ty luôn chú trọng thực hiện đúng cam kết với khách hàng, được các hãng hàng không đánh giá cao về chất lượng dịch vụ. Trong năm 2022, NCTS đã ký thêm hợp đồng với 7 hãng hàng không mới khai thác đến sân bay Nội Bài, nâng tổng số hãng hàng không NCTS đang phục vụ là 34 hãng. NCTS đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh, tăng doanh thu và tiết kiệm chi phí để giữ vững hiệu quả hoạt động với chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 754 tỷ đồng, LNTT đạt 297 tỷ đồng, ROE đạt 90,6%.

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
7		TCS	55,00%	Là CTCP hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho các chuyến bay quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất, trong đó VNA sở hữu 55% vốn điều lệ. Trong năm 2022, TCS đã vinh dự đón nhận 2 chứng nhận quan trọng trong phục vụ hàng dược phẩm kiểm soát nhiệt độ CEIV PHARMA và hàng dễ hư hỏng kiểm soát nhiệt độ CEIV FRESH từ IATA, trong đó đối với chứng nhận CEIV FRESH, TCS là đơn vị đầu tư và duy nhất đạt chứng nhận này tại Việt Nam. TCS đã ký hợp đồng với 01 hãng hàng không mới là Myanmar Airway International (8M), nâng tổng số hãng hàng không thường lệ mà TCS đang phục vụ là 26 hãng, giữ vững thị phần dẫn đầu tại sân bay Tân Sơn Nhất. Năm 2022, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí để giữ hiệu quả SXKD ở mức cao, tổng doanh thu của TCS đạt 916 tỷ đồng, LNTT đạt 548,6 tỷ đồng, ROE đạt 425%.
8		TECS	51,00%	Là công ty do VNA sở hữu 51% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: Dịch vụ khai thác và xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, triển khai nhiều biện pháp để khai thác triệt để các nguồn hàng, theo sát diễn biến thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với chỉ tiêu tổng doanh thu của TECS đạt 320 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 122 tỷ đồng, ROE đạt 183,7%.
9		VINAKO	65,05%	Là công ty do VNA sở hữu 65% vốn điều lệ, hoạt động SXKD truyền thống là giao nhận hàng hoá, đặc biệt là hàng xuất quốc tế đến thị trường Nhật Bản. Trong năm 2023, phát huy kết quả đã đạt được trong giai đoạn dịch bệnh, công ty tiếp tục nỗ lực tìm kiếm các cơ hội khai thác hàng hoá theo hình thức Charter để cải thiện kết quả kinh doanh. Mặt khác, với sự hỗ trợ của Konoike, tần suất các chuyến trực tiếp đi Nhật Bản trong nửa cuối năm 2022 có sự tăng trưởng tốt với lượng tải cung ứng ổn định cho thị trường và giá dịch vụ bán cho khách hàng vẫn duy trì ở mức cao nên VINAKO đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao. Kết quả năm 2022 của Công ty có chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 254 tỷ đồng, LNTT của Công ty đạt 39 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 341%.
10		NCS	60,17%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL và ứng dụng phương pháp quản trị chất lượng Lean Six-Sigma, 5S vào hoạt động SXKD. Năm 2022, thị trường vận tải hàng không nội địa có sự hồi phục mạnh mẽ, các hãng hàng không quốc tế bắt đầu khai thác trở lại các đường bay đi/đến Hà Nội từ tháng 7/2022 nên hoạt động SXKD của NCS đã được cải thiện nhanh chóng. Bên cạnh đó. NCS tiếp tục phát triển mảng kinh doanh các sản phẩm chế biến sẵn phục vụ thị trường tiêu dùng và thương hiệu Lotus Sky. Kết quả năm 2022 của Công ty có tổng doanh thu đạt 413,9 tỷ đồng, LNTT đạt 5,3 tỷ đồng, ROE đạt 2,9%.

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
11	NASCO	NASCO	51,00%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài. Từ giữa năm 2022, thị trường vận tải hàng không có sự phục hồi tích cực nhất là thị trường nội địa nên tình hình SXKD của Công ty đã được cải thiện so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, thị trường quốc tế phục hồi không như kỳ vọng, giá cả nguyên nhiên vật liệu tăng cao... nên hoạt động SXKD của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp như cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, tiết giảm tối đa các chi phí, nỗ lực tìm kiếm mở rộng thêm khách hàng mới, lĩnh vực kinh doanh mới để tăng doanh thu từ các hoạt động phụ trợ. Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, kết quả SXKD của Công ty năm 2022 đạt tổng doanh thu 255,12 tỷ đồng, LNTT đạt 1,62 tỷ đồng, ROE đạt 1,29%.
12		VFT	51,52%	Hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Năm 2022, VFT đã hoàn thành phê chuẩn tổ chức huấn luyện phi công cấp độ 1 (ATO1) với cục Hàng không Việt Nam và đã triển khai huấn luyện phi công từ tháng 12/2022 mở ra bước phát triển mới cho dịch vụ đào tạo phi công tại Việt Nam. Về kết quả kinh doanh, mặc dù VFT còn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, do dịch bệnh làm ảnh hưởng đến các chương trình đào tạo phi công và phát sinh nhiều chi phí do năm đầu triển khai huấn luyện bay thực hành, song nhờ phát triển thêm dịch vụ đào tạo khác và tiết kiệm tối đa chi phí nên kết quả năm 2022 có tổng doanh thu đạt 32,98 tỷ đồng, LNTT đạt 3,56 tỷ đồng, ROE đạt 4,1%.
13	Aits A Member of Vietnam Airlines	AITS	52,73%	Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: ĐBHĐ hạ tầng máy chủ và phần mềm phòng chống virus; ĐBHĐ hạ tầng máy chủ theo giải pháp ảo hóa; Bảo trì phần mềm Trắc nghiệm và Quản lý đào tạo; ĐBHĐ phòng máy chủ; ĐBHĐ hạ tầng phục vụ hệ thống quản lý và phân phối giá cước; Hosting và ĐBHĐ hệ thống ứng dụng Netline/Sched, Netline/Op; PM quản lý Slot; PM quản lý hợp đồng vay... Kết quả năm 2022 của Công ty có tổng doanh thu đạt 291,78 tỷ đồng, LNTT đạt 8,2 tỷ đồng, ROE đạt 10,45%.
14	ALSIMEXCO	ALSIMEXCO	51,00%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng, cho thuê và xuất nhập khẩu lao động trong và ngoài ngành hàng không, trong đó nổi bật nhất là lĩnh vực cung ứng tiếp viên cho các hãng hàng không với tỷ trọng doanh thu cung ứng cho VNA chiếm đến 80-90% tổng doanh thu. Do vậy, nhu cầu sử dụng tiếp viên ALSIMEXCO của VNA cũng như các hãng hàng không nước ngoài tăng cao do thị trường năm 2022 phục hồi khả quan hơn dự kiến đã tạo thuận lợi lớn cho hoạt động SXKD của Công ty. Tuy vẫn tồn tại những khó khăn mang tính khách quan ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động khác, ALSIMEXCO đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, tận dụng hiệu quả nguồn tiền nhàn rỗi và kiểm soát chi phí tối đa nhằm cải thiện kết quả SXKD chung của Công ty. Kết quả năm 2022 chi tiêu doanh thu của Công ty đạt 325 tỷ đồng; LNTT đạt 1,6 tỷ đồng; tỷ suất ROE đạt 9,4%.
15	Sabre	SABRE VIỆT NAM	51,69%	Hoạt động trong lĩnh vực thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre (GDS), Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Dịch vụ trả lời điện thoại; Dịch vụ đại lý bán vé máy bay. Từ năm 2017, Sabre Việt Nam đã triển khai Dịch vụ chăm sóc khách hàng phục vụ Vietnam Airlines và tận dụng kinh nghiệm, nguồn lực sẵn có từng bước mở rộng việc cung ứng dịch vụ này đến các khách hàng bên ngoài. Kết quả năm 2022 của Công ty có chỉ tiêu doanh thu đạt 103 tỷ đồng; LNTT năm 2022 của Công ty đạt 8 tỷ đồng; tỷ suất ROE đạt 110%.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1	VALC	VALC	32,48%	Hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Trong năm 2022, do tình hình tài chính của khách hàng gặp khó khăn nên việc giãn hoãn thanh toán tiền thuê tàu và quỹ bảo dưỡng có ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty. Để đảm bảo dòng tiền hoạt động, VALC đã nỗ lực đàm phán với ECAs và các Ngân hàng tài trợ để giãn tiến độ thanh toán các khoản nợ gốc. Kết quả năm 2022 của Công ty có chỉ tiêu doanh thu đạt 72 triệu USD; LNTT đạt 21,8 triệu USD; tỷ suất ROE đạt 28%.
2	MASCO	MASCO	36,11%	MASCO là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung, bao gồm sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo nghề.... Năm 2022, thị trường hàng không nội địa hồi phục nhanh chóng, tuy nhiên, thị trường quốc tế tại khu vực miền Trung chưa hồi phục, tăng trưởng chậm, đặc biệt các đường bay chở khách Nga và Trung Quốc nên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không của MASCO vẫn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Bộ Giao thông Vận tải và chính phủ đã ban hành một số quy định mới trong công tác đào tạo lái xe nên đã phát sinh thêm chi phí, làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh lĩnh vực này. Kết quả năm 2022 của Công ty có tổng doanh thu đạt 105,9 tỷ đồng, LNTT 1,27 tỷ đồng, ROE đạt 2,9%.
3	AIRIMEX	AIRIMEX	41,31%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Năm 2022, AIRIMEX tiếp tục là đơn vị cung cấp dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu phụ tùng máy bay, dịch vụ vận chuyển cho VNA, duy trì những nguồn hàng chất lượng và giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu đầu tư mua sắm của VNA. Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm còn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19 nhưng bằng việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, AIRIMEX vẫn đạt được tổng doanh thu là 181,21 tỷ đồng, LNTT đạt 3,03 tỷ đồng, ROE đạt 7,3%.
4	APLACO	APLACO	30,41%	Hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng nhựa, sản phẩm nhựa thông thường và cao cấp, gồm: các mặt hàng nhựa phục vụ ngành công nghiệp, sản phẩm nhựa xuất khẩu, sản phẩm gia dụng, thiết bị khuôn mẫu, vật tư ngành nhựa... Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh tái chế vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phương tiện phục vụ ngành công nghiệp đã qua sử dụng... Năm 2022, hoạt động SXKD của công ty gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng, tình trạng thiếu hụt vốn cùng với chi phí tài chính cao... nên kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề, hiện VNA chưa có số liệu báo cáo tài chính của APLACO.

Danh mục đầu tư khác

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		CAMBODIA ANGKOR AIR (K6)	14,00%	Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia được thành lập vào năm 2009 với sự tham gia góp vốn của Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Vietnam Airlines và các nhà đầu tư Campuchia. Năm 2022, thị trường hàng không đi/đến Campuchia dần hồi phục, nhu cầu thị trường tăng trên cơ sở các chính sách mở cửa của chính phủ Campuchia và Việt Nam, giúp K6 cải thiện kết quả kinh doanh so với năm 2021. Tuy nhiên, thị trường nguồn của K6 là Trung Quốc mở cửa chậm hơn so với dự kiến. Bên cạnh đó, do tình hình địa chính trị phức tạp, chi phí nhiên liệu tăng cao, nên các chỉ tiêu sản lượng và hiệu quả đều thấp. K6 đã nỗ lực khôi phục lại các đường bay đến Việt Nam, Trung Quốc, đồng thời thực hiện các giải pháp tăng doanh thu, triệt để cắt giảm chi phí, đàm phán giãn hoãn thanh toán, tận dụng mọi cơ hội để tăng cường khai thác chuyến bay thuê chuyến, chuyến bay chở hàng giúp bổ sung dòng tiền duy trì hoạt động. Năm 2022, tổng doanh thu K6 đạt 38,8 triệu USD, kết quả năm lỗ 10,26 triệu USD, giảm lỗ 7,4 triệu USD so với năm 2021.
2	SPT	SPT	0,36%	Là công ty cổ phần trong đó VNA sở hữu 0,36% vốn điều lệ (tương đương 4,3 tỷ đồng), ngành nghề kinh doanh chính của SPT là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Năm 2022, hoạt động SXKD của SPT gặp nhiều khó khăn, các lĩnh vực viễn thông, bưu chính, chuyển phát đều sụt giảm so với năm 2021. Tổng doanh thu năm SPT đạt 392 tỷ đồng, LNTT đạt 0,4 tỷ đồng.

c. Tình hình tăng/ giảm vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết

- VNA đã nhận 9.603.720 cổ phần tại PA do Qantas cho tặng. Hiện nay VNA đang tiếp tục làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn về việc ghi nhận số cổ phần cho tặng bởi Qantas vào sổ sách kế toán của Tổng công ty.
- VNA đã thực hiện đầu tư bổ sung 8,1 tỷ đồng để mua 810.000 cổ phần trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2022 cho cổ đông hiện hữu của APLACO.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH BẮT BUỘC THEO THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC

a. Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

CHỈ TIÊU (CÔNG TY MẸ)	ĐƠN VỊ TÍNH	2021	2022	CHÊNH LỆCH % 2022 SO 2021
Tổng giá trị tài sản	**Tỷ đồng**	**58.040**	**54.170**	**-6,7%**
Doanh thu thuần	**Tỷ đồng**	**18.312**	**48.921**	**167,2%**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**Tỷ đồng**	**(12.209)**	**(9.088)**	**-25,6%**
Lợi nhuận khác	**Tỷ đồng**	**376**	**247**	**-34,2%**
Lợi nhuận trước thuế	**Tỷ đồng**	**(11.833)**	**(8.841)**	**-25,3%**
Lợi nhuận sau thuế	**Tỷ đồng**	**(11.848)**	**(8.853)**	**-25,3%**
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	**%**	**0%**	**0%**	
Thuế và các khoản phải nộp	**Tỷ đồng**	**12**	**33**	**171,0%**
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,19	0,14	-24,7%
» Hệ số thanh toán nhanh *Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn*	Lần	0,18	0,14	-24,7%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	90,9%	106,6%	17,3%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	55,7%	71,2%	27,7%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	35,2%	35,4%	0,7%
» Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	9,79	(13,78)	-240,7%
» Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	10,01	(16,13)	-261,3%
» Hệ số Vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn Vốn	%	9,1%	-6,6%	-172,7%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	95,2	182,9	92,1%
» Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,32	0,90	186,2%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-64,70%	-18,10%	-72,03%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-164,16%	-1044,87%	536,51%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-20,32%	-15,78%	-22,35%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-66,67%	-18,58%	-72,14%

(*) Ghi chú: Tỷ lệ chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm liền trước của năm báo cáo và thực hiện chi trả trong năm báo cáo.

b. Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

CHỈ TIÊU (HỢP NHẤT)	ĐƠN VỊ TÍNH	2021	2022	CHÊNH LỆCH % 2022 SO 2021
Tổng giá trị tài sản	**Tỷ đồng**	**63.060**	**60.636**	**-3,8%**
Doanh thu thuần	**Tỷ đồng**	**27.911**	**70.410**	**152,3%**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**Tỷ đồng**	**(13.231)**	**(11.218)**	**-15,2%**
Lợi nhuận khác	**Tỷ đồng**	**265**	**273**	**2,8%**
Lợi nhuận trước thuế	**Tỷ đồng**	**(12.966)**	**(10.945)**	**-15,6%**
Lợi nhuận sau thuế	**Tỷ đồng**	**(13.279)**	**(11.223)**	**-15,5%**
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	**%**	**0%**	**0%**	
Thuế và các khoản phải nộp	**Tỷ đồng**	**185**	**310**	**67,2%**
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,28	0,24	-13,7%
» Hệ số thanh toán nhanh *Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho* / *Nợ ngắn hạn*	Lần	0,22	0,18	-17,4%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	99,2%	118,2%	19,2%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	65,3%	85,4%	30,8%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	33,8%	32,8%	-3,1%
» Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	102,0	(5,7)	-105,6%
» Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	118,9	(6,5)	-105,5%
» Hệ số Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	0,8%	-18,2%	-2285,8%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	18,5	28,6	54,5%
» Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,44	1,16	162,3%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-47,6%	-15,9%	-66,5%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-402,5%	213,2%	-153,0%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-21,1%	-18,1%	-14,2%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	-47,4%	-15,9%	-66,4%
» Hệ số EPS	Đồng	(7.909)	(5.102)	-35,5%
» Hệ số P/E	Lần	(2,92)	(2,72)	-6,8%

c. Đánh giá tổng quát

Trong năm 2022, thị trường vận tải hàng không nội địa đã phục hồi khá mạnh mẽ và ổn định về qui mô sản lượng, tuy nhiên mức giá vé bình quân vẫn chưa trở lại như thời điểm trước dịch COVID-19 (năm 2019). Thị trường vận tải hàng không quốc tế mới chỉ được mở cửa trở lại chính thức từ 15/3 và phục hồi còn chậm đặc biệt là tại các thị trường trọng điểm Đông Bắc Á, thị trường lớn Trung Quốc cơ bản vẫn đóng băng do chính sách "zero – COVID", hoạt động vận tải hàng không quốc tế chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc xung đột Nga – Ukraine. Cùng với đó, các yếu tố vĩ mô diễn biến bất lợi ngoài dự đoán như chi phí nhiên liệu bay tăng cao, lãi suất và tỷ giá diễn biến bất lợi ảnh hưởng rất lớn tới kết quả SXKD trong năm. Vietnam Airlines đã điều hành hoạt động SXKD linh hoạt theo tình hình thị trường hàng không trong nước và quốc tế, tích cực thực hiện các giải pháp bổ sung nguồn thu, đàm phán giảm giá với các nhà cung cấp, cắt giảm, tiết kiệm, quản trị chi phí, chủ động đề xuất các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nỗ lực tối đa để cải thiện kết quả SXKD và dòng tiền.

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực, với các nỗ lực tự thân và các chính sách hỗ trợ, giảm thuế phí của Nhà nước, kết quả SXKD năm 2022 của Vietnam Airlines đã giảm lỗ so với kế hoạch báo cáo ĐHĐCĐ: lỗ trước thuế của công ty mẹ là -8.841 tỷ đồng (thấp hơn 494 tỷ đồng so với kế hoạch), lỗ hợp nhất trước thuế là -10.945 tỷ đồng (thấp hơn 282 tỷ đồng so với kế hoạch). Tuy nhiên với kết quả lỗ vẫn ở mức lớn, tình hình tài chính của Vietnam Airlines tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các chỉ tiêu tài chính vẫn diễn biến theo chiều hướng tiêu cực.

4.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ VÀ HỢP NHẤT

a. Các giải pháp quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và đảm bảo thanh khoản của Vietnam Airlines

Trong năm 2022 Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục, bao gồm:

1. **Về tổ chức sản xuất:** Vietnam Airlines chủ động đánh giá, xây dựng các kịch bản SXKD, theo dõi sát sao các chính sách của Chính phủ Việt Nam và các nước, diễn biến của thị trường để triển khai kịp thời các kế hoạch kinh doanh tại thị trường nội địa và quốc tế; tập trung tối đa nguồn lực khai thác cho giai đoạn cao điểm để bổ sung doanh thu và dòng tiền; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động vận chuyển hàng hóa; tận dụng mọi cơ hội thị trường để sử dụng tối đa công suất khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tăng nguồn thu và dòng tiền cho doanh nghiệp.
2. **Về chính sách lao động, tiền lương:** Tiếp tục điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự theo qui mô hoạt động SXKD để người lao động cùng chia sẻ các khó khăn với Vietnam Airlines.
3. **Cắt giảm chi phí, triệt để tiết kiệm:** Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện cắt giảm, tiết kiệm, quản trị và tối ưu hóa chi phí, đàm phán giảm giá và giãn hoãn thanh toán với các đối tác, kiến nghị các cơ quan hữu quan kéo dài các giải pháp hỗ trợ chính sách của Chính phủ (chính sách giãn khấu hao, phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng, chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường cho nhiên liệu bay).
4. **Về quản lý dòng tiền và thanh khoản, đàm phán giãn hoãn thanh toán:** Vietnam Airlines tăng cường công tác dự báo, quản lý chặt chẽ dòng tiền, tiếp tục sử dụng linh hoạt giải pháp vay ngắn hạn và giãn hoãn thanh toán với các nhà cung cấp, tái cơ cấu nợ vay để đảm bảo cân đối dòng tiền, duy trì thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục.

Vietnam Airlines chủ động, thường xuyên báo cáo Chính phủ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp), Bộ Tài chính và các Cơ quan Nhà nước cập nhật tình hình SXKD, kiến nghị các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ với ngành hàng không, với doanh nghiệp. Vietnam Airlines cũng đã gửi báo cáo các cấp có thẩm quyền đề xuất các giải pháp phục hồi năng lực tài chính sau các ảnh hưởng của dịch COVID tại Đề án tái cơ cấu và các giải pháp hỗ trợ tổng thể với Tổng công ty Hàng không Việt Nam do ảnh hưởng của dịch COVID giai đoạn 2021 - 2025.

b. Doanh thu – Lợi nhuận Công ty mẹ

STT	CHỈ TIÊU	2021	2022	CHÊNH LỆCH 2022/2021	
					%
1	**Tổng doanh thu**	**20.109**	**50.214**	**30.104**	**149,7%**
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	18.312	48.921	30.609	167,2%
	Doanh thu hoạt động tài chính	1.421	1.044	-377	-26,5%
	Thu nhập khác	376	248	-128	-34,0%
2	**Tổng chi phí**	**31.943**	**59.054**	**27.111**	**84,9%**
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**-11.833**	**-8.841**	**2.993**	**-25,3%**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**-11.848**	**-8.853**	**2.995**	**-25,3%**

ĐVT: tỷ đồng

Mặc dù hoạt động vận tải hàng không nội địa phục hồi mạnh thậm chí vượt sản lượng cùng kỳ 2019, tuy nhiên hoạt động SXKD của Vietnam Airlines trong năm 2022 vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do thị trường quốc tế vẫn phục hồi chậm, tình trạng thừa tải và giá vé bình quân thấp tại thị trường nội địa đặc biệt trong Quý 1/2022 và những giai đoạn thấp điểm. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 của công ty mẹ đạt 50.214 tỷ đồng, bằng 249,7% so với năm 2021, đạt 111,0% kế hoạch báo cáo ĐHĐCĐ. So với năm 2019 – thời điểm trước khi xảy ra dịch COVID-19, tổng doanh thu thu nhập năm 2022 đạt khoảng 67,2% (thấp hơn 24.480 tỷ đồng so với năm 2019). Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 48.921 tỷ đồng, tăng 167,2% so với năm 2021 và chiếm 97,4% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính là 1.044 tỷ đồng, giảm 26,5% so với năm 2021 (giảm tuyệt đối 377 tỷ đồng) chủ yếu ở khoản mục lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập khác là 248 tỷ đồng, giảm 34,0% so với năm 2021 (giảm tuyệt đối 128 tỷ đồng).

Năm 2022, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai nhiều biện pháp cắt giảm, tiết kiệm giúp giảm đáng kể chi phí: đàm phán giảm giá thuê máy bay, sửa chữa bảo dưỡng, giãn chi phí khấu hao, phân bổ, cải tiến các qui trình để tiết kiệm chi phí phục vụ chuyến bay và chi phí phục vụ hành khách, kiến nghị Cơ quan Nhà nước giảm thuế bảo vệ môi trường; nhưng nhiều yếu tố đầu vào diễn biến bất lợi đặc biệt là giá nhiên liệu, tỷ giá đã khiến chi phí tăng mạnh. Mức giá nhiên liệu bình quân năm 2022 là 124,4 USD/thùng, cao hơn khoảng 47,68 USD/thùng so với năm 2019 (tương đương mức tăng 62,1%), chi phí nhiên liệu năm 2022 tăng do yếu tố giá khoảng 7.625 tỷ đồng so với năm 2019. Chênh lệch chi – thu tỷ giá năm 2022 tăng so với năm 2019 là 1.152 tỷ đồng.

Do thị trường quốc tế chưa phục hồi hoàn toàn và nhiều yếu tố đầu vào diễn biến bất lợi đặc biệt là giá nhiên liệu, kết quả SXKD năm 2022 của công ty mẹ vẫn lỗ trước thuế là -8.841 tỷ đồng (thấp hơn 494 tỷ đồng so với kế hoạch), lỗ hợp nhất trước thuế là -10.495 tỷ đồng (thấp hơn 282 tỷ đồng so với kế hoạch).

c. Nguồn vốn – Tài sản Công ty mẹ

CHỈ TIÊU TÀI SẢN – NGUỒN VỐN	2021	2022	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2021	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	6.208	5.572	-636	-10,2%
2. Tài sản dài hạn	51.833	48.598	-3.235	-6,2%
Tổng tài sản	**58.040**	**54.170**	**-3.870**	**-6,7%**
1. Nợ phải trả	52.767	57.749	4.982	9,4%
- Nợ ngắn hạn	32.356	38.557	6.201	19,2%
- Nợ dài hạn	20.410	19.192	-1.218	-6,0%
2. Vốn chủ sở hữu	5.274	-3.579	-8.853	-167,9%
Tổng nguồn vốn	**58.040**	**54.170**	**-3.870**	**-6,7%**

ĐVT: tỷ đồng

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 là 54.170 tỷ đồng, giảm 3.870 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (6,7%). Tài sản dài hạn cuối kỳ là 48.598 tỷ đồng, giảm 3.235 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó khoản mục tài sản cố định giảm 2.449 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do khấu hao (3.052 tỷ đồng); số tài sản cố định tăng 603 tỷ đồng chủ yếu là giá trị 2 động cơ dự phòng nhận năm 2022. Trong năm 2022, Vietnam Airlines đã hoàn thành bàn giao 01 máy bay Airbus A321CEO còn lại trong lô 02 máy bay ký hợp đồng bán năm 2021 (giao tháng 1/2022); hoạt động thanh lý máy bay giúp bổ sung thu nhập năm 2022

là 89 tỷ đồng. Khoản mục tài sản dài hạn khác giảm 1.338 tỷ đồng chủ yếu do giảm Chi phí trả trước dài hạn cho hoạt động sửa chữa bảo dưỡng và các khoản chi phí trả trước tiếp tục phân bổ trong kỳ. Khoản mục phải thu dài hạn khác tăng 533 tỷ đồng chủ yếu do các khoản mục ký cược, ký quỹ tăng trở lại khi hoạt động SXKD dần trở lại bình thường.

Tài sản ngắn hạn cuối kỳ là 5.572 tỷ đồng, giảm 636 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (10,2%). Khoản mục tăng mạnh là: phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 1.116 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn khác tăng 284 tỷ đồng do qui mô hoạt động SXKD phục hồi. Các khoản mục tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu là: Tổng trữ lượng tiền và tiền gửi kỳ hạn (đầu tư tài chính ngắn hạn) giảm 865 tỷ đồng; khoản mục phải thu ngắn hạn khác giảm 1.016 tỷ đồng (do năm 2021 có khoản phải thu tiền thoái vốn K6).

Cơ cấu tài sản cuối năm biến động theo hướng giảm nhẹ tỷ trọng tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ năm 2021 (giảm từ 10,7% xuống 10,3%), tăng nhẹ tỷ trọng tài sản dài hạn (tăng từ 89,3% lên 89,7%). Do tài sản ngắn hạn giảm nhẹ trong khi nợ ngắn hạn tăng, khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh giảm so với cùng kỳ 2021.

Quy mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại ngày 31/12/2022 là -3.579 tỷ đồng, giảm 8.853 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 do khoản lỗ phát sinh trong năm 2022.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 là 57.749 tỷ đồng, tăng 9,4% (tăng tuyệt đối 4.983 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2021. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2022, nợ phải trả dài hạn chiếm 33,2%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 66,8%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2022 là 38.557 tỷ đồng, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2021 (tăng tuyệt đối 6.201 tỷ đồng). Các khoản mục tăng chủ yếu do tăng các khoản bán vé trước, tăng các khoản phải trả nhà cung cấp do qui mô SXKD phục hồi. Nợ phải trả nhà cung cấp đến hạn, quá hạn đang dừng, giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2022 là 10.438 tỷ đồng, giảm 2.413 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Trong năm 2022, Vietnam Airlines đã cân đối trả một phần các khoản nợ quá hạn theo các cam kết với đối tác. Tuy nhiên, với tình hình SXKD còn nhiều khó khăn, các khoản nợ phải trả quá hạn mới vẫn tiếp tục phát sinh và gia tăng, Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện cân đối thanh toán và giãn hoãn nợ để duy trì nguồn tiền đảm bảo khả năng hoạt động liên tục, không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Tổng dư nợ vay ngắn hạn và vay tái cấp vốn tại thời điểm 31/12/2022 là 6.279 tỷ đồng, giảm 1.819 tỷ đồng so với cùng kỳ 2021 do giảm vay ngắn hạn. Trong đó số dư nợ vay tái cấp vốn là 4.000 tỷ đồng, thời hạn vay tái cấp vốn gia hạn hằng năm tối đa đến 3 năm.

Nợ phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2022 là 19.192 tỷ đồng, giảm 6% (giảm tuyệt đối 1.218 tỷ đồng) so với năm 2021 do giảm nợ vay và thuê tài chính dài hạn khoảng 5.405 tỷ VND, trong khi các khoản mục nợ phải trả dài hạn còn lại tăng 4.187 tỷ VND (chủ yếu do phân loại lại thời hạn các khoản nợ phải trả quá hạn sau khi đạt thỏa thuận giãn hoãn thanh toán với các đối tác).

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022 là 18.430 tỷ đồng, giảm 4.441 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do hoạt động trả nợ vay trong năm.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2022 bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực do vốn chủ sở hữu công ty mẹ giảm xuống mức âm. Cơ cấu nguồn vốn của Vietnam Airlines - công ty mẹ tiếp tục biến động theo hướng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (giảm từ mức 9,1% cuối năm 2021 xuống -6,6% cuối năm 2022) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 90,9% lên 106,6% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 61,3% lên 66,8%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 38,7% xuống 33,2% tổng nợ phải trả).

d. Doanh thu – Lợi nhuận hợp nhất

CHỈ TIÊU	2021	2022	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2021	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	**29.752**	**71.701**	**41.949**	**141,0%**
Doanh thu thuần	27.911	70.410	42.499	152,3%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.557	980	-577	-37,0%
Thu nhập khác	284	311	27	9,5%
2. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	**-226**	**74**	**300**	**-132,8%**
3. Lợi nhuận trước thuế	**-12.966**	**-10.945**	**2.020**	**-15,6%**
4. Lợi nhuận sau thuế	**-13.279**	**-11.223**	**2.056**	**-15,5%**

ĐVT: tỷ đồng

Tổng các khoản doanh thu, thu nhập hợp nhất của Vietnam Airlines trong năm 2022 ở mức 71.701 tỷ đồng, tăng 141,0 % so với năm 2021. Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 là 70.410 tỷ đồng, tăng 152,3% so với năm 2021 và chiếm khoảng 98,2% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính thấp hơn 37,0% so với năm 2021 (giảm tuyệt đối 577 tỷ đồng) chủ yếu do năm 2021 có phát sinh nội dung thu khá lớn từ hoạt động thoái vốn tại hãng hàng không Cambodia Angkor Air. Nội dung thu nhập khác năm 2022 tăng nhẹ 9,5% so với năm 2021 (tăng tuyệt đối 27 tỷ đồng). Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết năm 2022 là 74 tỷ, tăng tuyệt đối 300 tỷ so với năm 2021. Tổng các khoản doanh thu, thu nhập hợp nhất năm 2022 (bao gồm phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết) là 71.775 tỷ đồng bằng 119,8% so với KH2022.

Lỗ hợp nhất trước thuế là -10.945 tỷ đồng, thấp hơn 282 tỷ đồng so với số lỗ kế hoạch đã báo cáo ĐHĐCĐ. Số lỗ hợp nhất năm 2022 đến từ kết quả lỗ của công ty mẹ và hãng hàng không Pacific Airlines, trong khi các công ty thành viên khác đa số có kết quả SXKD khả quan và có lãi.

e. Tài sản – Nguồn vốn hợp nhất

CHỈ TIÊU TÀI SẢN – NGUỒN VỐN	2021	2022	CHÊNH LỆCH 2022 SO 2021	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tài sản ngắn hạn	11.356	12.330	974	8,6%
2. Tài sản dài hạn	51.703	48.306	-3.397	-6,6%
Tổng tài sản	**63.060**	**60.636**	**-2.423**	**-3,8%**
1. Nợ phải trả	62.534	71.692	9.158	14,6%
- Nợ ngắn hạn	41.194	51.800	10.606	25,7%
- Nợ dài hạn	21.339	19.892	-1.448	-6,8%
2. Vốn chủ sở hữu	526	(11.056)	-11.582	-2201,8%
Tổng nguồn vốn	**63.060**	**60.636**	**-2.423**	**-3,8%**

ĐVT: tỷ đồng

Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2022 là 60.636 tỷ đồng, giảm 2.423 tỷ đồng so với năm 2021 (3,8%). Tài sản ngắn hạn cuối năm là 12.330 tỷ đồng, tăng 974 tỷ đồng (8,6%), khoản mục tăng chủ yếu là khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng do hoạt động SXKD hồi phục (tăng 1.846 tỷ đồng), khoản mục giảm đáng kể là các khoản phải thu khác thấp hơn 949 tỷ đồng so với năm trước (chủ yếu do không còn khoản mục phải thu tiền thoái vốn tại Cambodia Angkor Air như năm 2021), tổng khoản mục tiền và tiền gửi kỳ hạn (đầu tư tài chính ngắn hạn) giảm 556 tỷ đồng so với cuối năm 2021.

Tài sản dài hạn cuối năm là 48.306 tỷ đồng, giảm 3.397 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó, khoản mục tài sản cố định giảm 2.580 tỷ đồng (số giảm do khấu hao 3.536 tỷ đồng, số tăng tài sản cố định chủ yếu là do mua động cơ dự phòng, hoàn thành các công trình xây dựng, mua sắm thêm một số máy móc trang thiết bị, phương tiện, công cụ sản xuất tại công ty mẹ và một số công ty con), tài sản dở dang dài hạn giảm 52 tỷ do các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng. Khoản mục phải thu dài hạn tăng 504 tỷ đồng chủ yếu ở khoản mục ký quĩ; Tài sản dài hạn khác giảm 1.381 tỷ đồng chủ yếu là ở nội dung chi phí trả trước dài hạn.

Cơ cấu tài sản biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn (tăng từ 18,0% lên 20,3%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 82,0% xuống 79,7%).

Qui mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 31/12/2022 là -11.056 tỷ đồng, giảm 11.582 tỷ đồng so với cuối năm 2021 chủ yếu do số lỗ phát sinh trong năm. Nợ phải trả hợp nhất tại 31/12/2022 tăng 13,6% (tăng tuyệt đối 9.158 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm khoảng 27,7%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm khoảng 72,3%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2022 là 51.800 tỷ đồng, tăng 25,7% (tăng tuyệt đối 10.606 tỷ đồng) chủ yếu do tăng các khoản phải trả người bán ngắn hạn, tăng chi phí phải trả ngắn hạn do qui mô SXKD phục hồi. Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2022 là 19.892 tỷ đồng, giảm 6,8% (giảm tuyệt đối 1.448 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do giảm dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn (giảm 5.557 tỷ đồng) trong khi số nợ dài hạn tăng chủ yếu do một số khoản nợ nhà cung cấp quá hạn được phân loại sang dài hạn sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn và tái cấp vốn tại thời điểm 31/12/2022 là 9.138 tỷ đồng, giảm 1.893 tỷ đồng so với đầu năm. Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của toàn Tổng công ty tại 31/12/2022 là 19.130 tỷ đồng, giảm 4.639 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay. Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2022 bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực do vốn chủ sở hữu hợp nhất giảm xuống mức âm. Cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty tiếp tục biến động theo hướng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (giảm từ mức 0,8% cuối năm 2021 xuống -18,2% cuối năm 2022) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 99,2% lên 118,2% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 65,9% lên 72,3%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 34,1% xuống 27,7% tổng nợ phải trả).

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

THỊ PHẦN

Duy trì vị thế dẫn đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần vận tải hàng không hành khách

Thị phần nội địa >50%

Thị phần quốc tế >23%

VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Đảm bảo sản lượng vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa của VNA (bao gồm Vasco) phục hồi và tăng trưởng

- **2023:** Hồi phục về mức trước COVID
- **2024 - 2025:**

Vận chuyển hành khách tăng trưởng trên 10%/năm

Vận chuyển hàng hóa tăng trưởng 2021 - 2025 14,5%/năm

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Đảm bảo năng suất lao động hồi phục và phát triển

- **2023:** Hồi phục về mức trước COVID
- **Sau 2023:** tăng trưởng bình quân 4%/năm
- **Chỉ số** hài lòng và gắn kết nhân viên: >90%

CHỈ SỐ

Chỉ số hài lòng tổng thể – CSI (Customer Satisfaction Index) đạt trên 4 điểm.
Chỉ số thiện cảm khách hàng (NPS) bình quân năm đạt trên 30 điểm

HÀNG KHÔNG SỐ

Chỉ số hãng hàng không công nghệ số (digital airline score) theo thang điểm đánh giá của SkaiBlu đạt trên 120 điểm.

DỊCH VỤ

Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao

VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1. TUYÊN NGÔN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIETNAM AIRLINES

Hãng hàng không quốc gia Vietnam Airlines luôn duy trì sự tăng trưởng, phát triển đi đôi với cam kết về sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đóng góp vào cộng đồng, tôn trọng quyền lợi của người lao động và xã hội. Chúng tôi tin rằng chỉ có bằng việc hành động đúng đắn và tôn trọng các giá trị này, chúng ta mới có thể xây dựng một tương lai tốt đẹp cho thế hệ tiếp theo.

Với tôn chỉ này, chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong tất cả các hoạt động. Vietnam Airlines sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu khí thải carbon và ô nhiễm, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nhiên liệu và quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài nguyên. Là một thành viên của IATA và liên minh SkyTeam, chúng tôi hướng tới thực hiện cam kết của ngành hàng không thế giới (ICAO, IATA) với việc phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050) thông qua chương trình bù đắp, giảm thiểu phát thải CO_2 của ngành (Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation, CORSIA).

Hơn nữa, Vietnam Airlines hiểu rằng chúng tôi là một thành phần, bộ phận không thể tách rời của cộng đồng, nước Việt Nam và thế giới. Vì vậy, các hoạt động

hỗ trợ cộng đồng là một phần quan trọng trong hành trình phát triển của chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện các hoạt động xã hội có lợi, hỗ trợ các dự án phát triển cộng đồng và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Chúng tôi cũng cam kết đối xử công bằng và tôn trọng quyền lợi của cộng đồng, đảm bảo rằng ảnh hưởng của chúng tôi là tích cực và mang lại lợi ích cho mọi người.

Với nhân viên là nguồn lực quan trọng, Vietnam Airlines cam kết đảm bảo một môi trường làm việc bền vững, công bằng và an toàn. Tổng công ty đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên. Chúng tôi cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm mức lương công bằng và các chế độ phúc lợi hợp lý.

Vietnam Airlines tin rằng phát triển bền vững không chỉ là một mục tiêu, mà là trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể đối với mọi người và tương lai của hành tinh. Chúng tôi cam kết hành động và tạo ra những tác động tích cực, giúp xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, nơi mà môi trường, cộng đồng, xã hội và người lao động đều được tôn trọng và phát triển.

1.2. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chính sách phát triển bền vững của Vietnam Airlines xoay quanh sự cân bằng giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế. Vietnam Airlines luôn hành động và tạo ra những tác động tích cực, không chỉ trong hoạt động hàng không mà còn trong cộng đồng và xã hội. Vietnam Airlines tin rằng việc thực hiện chiến lược này sẽ giúp chúng tôi đạt được mục tiêu phát triển bền vững và góp phần vào xây dựng một thế giới tốt đẹp, "xanh" hơn. Một số chính sách chủ đạo:

- Luôn đặt yếu tố an toàn, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường lên hàng đầu.
- Tiên phong đổi mới công nghệ để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung triển khai nhanh và mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng. Tiếp tục đầu tư đổi mới phát triển đội tàu bay hiện đại tiên tiến (Boeing B787, Airbus A350, A321 NEO,...). Thực hiện thúc đẩy nghiên cứu, sử dụng nhiên liệu bền vững hàng không (SAF), mua tín chỉ giảm phát thải khí CO_2 trong hoạt động khai thác trong tương lai gần.
- Triển khai các giải pháp, chính sách phát triển, mở rộng quy mô sản xuất hay nâng cao hiệu quả SXKD phải đảm bảo vai trò, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, đồng thời gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Xây dựng môi trường làm việc toàn diện, đa dạng và công bằng cho nhân viên thông qua việc tham gia chương trình *"25 by 2025"* của IATA, tăng cường vai trò người lao động nữ ở cấp quản lý.
- Tôn trọng và bảo vệ đa dạng sinh học trong hoạt động thông qua việc lựa chọn các đối tác và nhà cung cấp. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ từ các nguồn tài nguyên bền vững và hạn chế sử dụng các tài nguyên không tái tạo.

1.3. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Vietnam Airlines luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Các hoạt động phục vụ phát triển bền vững đã được thực hiện đa dạng trong các lĩnh vực, từ bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu đến hỗ trợ người yếu thế trong xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Tuy nhiên, trong năm 2022, Vietnam Airlines đã đánh dấu bước chuyển mình trong hoạt động phát triển bền vững bằng việc thành lập Ban Điều hành/chỉ đạo chương trình phát triển bền vững (tại Quyết định số 1059/QĐ-TCTHK-TCNL ngày 28/12/2022) để thống nhất triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững. Trong thời gian tới, kế hoạch hành động thực hiện phát triển bền vững tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

- Khai thác, sử dụng đội tàu bay thế hệ mới để giảm phát thải CO_2 thông qua tiết kiệm nhiên liệu. Tiếp tục nghiên cứu tối ưu đường bay, lịch bay và tối ưu trọng lượng chất xếp để giảm tiêu hao nhiên liệu (tối ưu quá trình cất cánh, hạ cánh và tuyến đường bay). Nâng cấp, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin theo dõi tiêu hao nhiên liệu, phát thải CO_2 và có sự xác minh của đối tác thứ 3 để gửi cơ quan nhà nước (Cục Hàng không).

- Nghiên cứu và thúc đẩy cơ quan nhà nước triển khai việc sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) tại Việt Nam và mua tín chỉ giảm phát thải CO_2 tại các thị trường hàng không thế giới đề nghị. Tham gia chương trình CORSIA và thị trường tín chỉ CO_2 tại Việt Nam khi cơ quan nhà nước triển khai.
- Triển khai việc lắp đặt thay thế hệ thống chiếu sáng đèn huỳnh quang bằng đèn LED tại khối văn phòng để tiết kiệm năng lượng và nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo. Thực hiện triển khai sử dụng tài liệu điện tử để hạn chế tài liệu giấy.
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai các nội dung của chương trình *"Zero Waste Vietnam Airlines"* như thay ống hút nhựa bằng ống hút tre/inox/vật liệu thân thiện môi trường; thay thế tấm nilon phủ thùng hàng bằng loại mỏng hơn hoặc bằng vật liệu thân thiện môi trường hơn,...
- Triển khai thực hiện rà soát quy định, tăng cường đào tạo nhằm cải thiện phúc lợi, kỹ năng công việc, môi trường làm việc, đảm bảo thu nhập cho người lao động, trong đó có nâng cao vai trò của người lao động nữ.
- Duy trì các hoạt động công ích, hỗ trợ cộng đồng như *"Hiến máu tình nguyện", "Quyên góp suất ăn cho hoàn cảnh khó khăn", "Mang Tết về nhà",...*

1.4. BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022 CỦA VIETNAM AIRLINES

Tổng quan về kết quả phát triển bền vững năm 2022

- Năm 2022, Vietnam Airlines đã đạt được kết quả nhất định về phát triển bền vững, đặc biệt là các hoạt động về môi trường.

Môi trường

- Lượng khí CO_2 giảm thông qua hoạt động tối ưu khai thác tàu bay tăng **50%** so với năm 2019.
- Tỷ lệ khí CO_2 phát thải trên 1 tấn.km vận chuyển đã duy trì ổn định và tương đương các hãng hàng không trong khu vực giai đoạn 2018 - 2019. Tuy nhiên, giai đoạn 2020 - 2022 tỷ lệ này tăng mạnh do tỷ lệ lấp đầy của chuyến bay còn thấp (bao gồm hành khách và hàng hóa).
- Tham gia chương trình *"Thử thách chuyến bay bền vững"* (The Sustainable Flight Challenge của liên minh SkyTeam) với chuyến bay VN416 từ Hà Nội đến Seoul để học hỏi và ứng dụng các giải pháp hoạt động thân thiện với môi trường.
- Giảm khoảng **60 triệu** túi nhựa/nylon nhờ ngưng sử dụng túi bọc ngoài vật tư, vật phẩm trên tàu bay (thay đổi cách đóng gói các vật dụng, sản phẩm chăm sóc cá nhân cho khách hàng như bộ mỹ phẩm, bịt mắt, lược, bộ bàn chải đánh răng, dép, nút bịt tai, túi dép sẽ được thay thế bằng túi vải thân thiện với môi trường).

LƯỢNG KHÍ CO_2 BỞI HOẠT ĐỘNG TÀU BAY

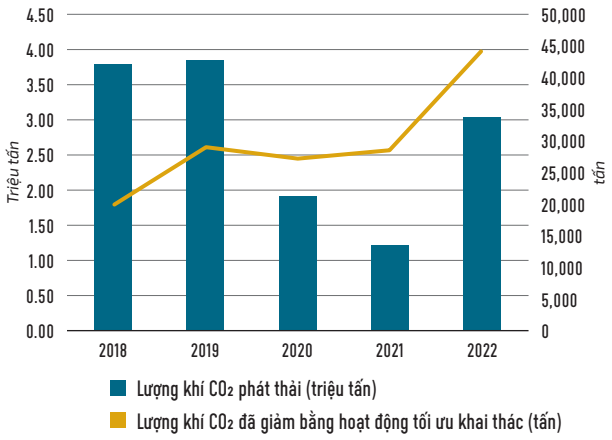

TỶ LỆ CO_2/RTK

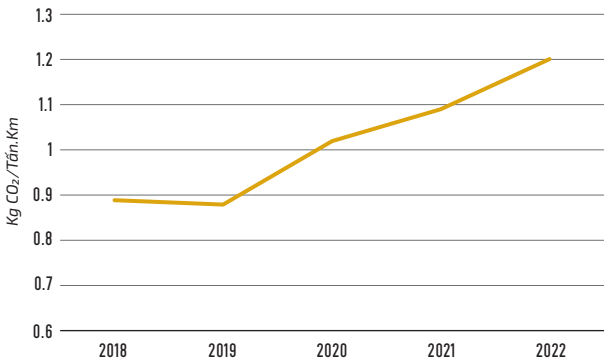

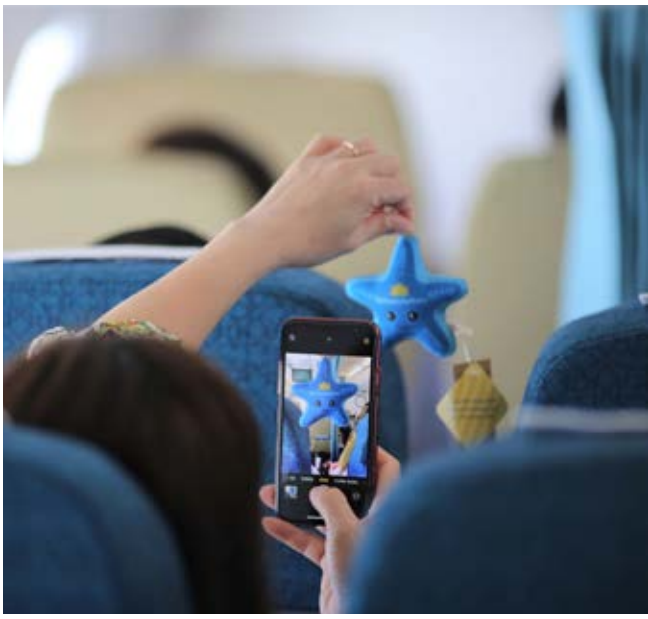

Xã hội

- Tỷ lệ lao động nữ luôn được duy trì ở mức **50%.**
- **100%** người lao động đã tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể để bảo vệ quyền lợi người lao động và minh bạch trách nhiệm của người sử dụng lao động.
- Người lao động gắn kết và thỏa mãn với môi trường làm việc.
- Không xảy ra tình trạng đình công của người lao động.
- Tiếp tục thực hiện hoạt động tình nguyện "Hiến máu tình nguyện", "Quyên góp suất ăn cho hoàn cảnh khó khăn", "Mang Tết về nhà", "Triệu cây xanh, vì một Việt Nam xanh", chương trình "Tô Cam", "Chuyến bay sao biển", "Phòng chống tệ nạn ma túy"...

TỶ LỆ GIỚI TÍNH CỦA LAO ĐỘNG

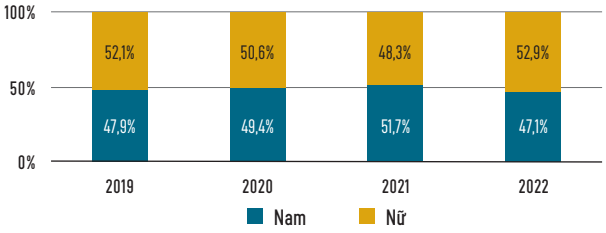

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VÀ GẮN KẾT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

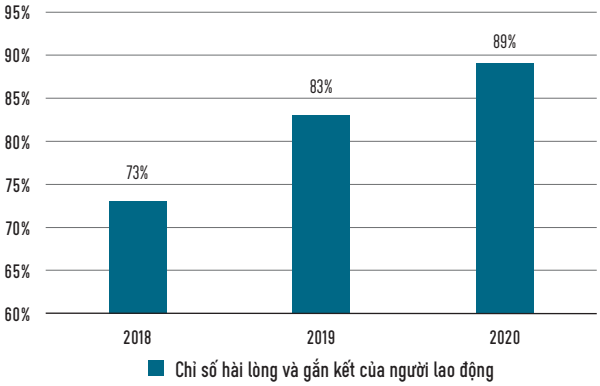

Ghi chú: Thực hiện khảo sát, báo cáo kết quả Quý IV hàng năm. Năm 2021, 2022 không khảo sát do ảnh hưởng bởi COVID-19

2. CÁC CHƯƠNG TRÌNH THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI

Trong năm 2022, mặc dù dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình SXKD và đời sống của cán bộ nhân viên, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy các cấp, sự điều hành linh hoạt của Ban giám đốc Tổng công ty và các đơn vị, với tinh thần linh hoạt, sáng tạo đã cổ vũ, động viên người lao động yên tâm, tin tưởng vào sự phát triển của Tổng công ty, đời sống cán bộ công nhân viên lao động tương đối ổn định.

Hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ – Dân số gia đình trẻ em – Phòng chống tệ nạn xã hội của Tổng công ty đã luôn chủ động, tích cực, phối hợp tốt với Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công đồng cấp và các Ban ngành; triển khai nhiều nội dung, chương trình có hiệu quả, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ mà Tổng giám đốc giao cho. Các hoạt động đã đi vào chiều sâu và được Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ, Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước ghi nhận và đánh giá cao.

Dựa trên tôn chỉ của Tháng hành động năm 2022 là "Đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường quyền năng và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới". các chương trình và hoạt động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2022 được triển khai đến các cơ quan đơn vị trong Tổng công ty bao gồm:

- Tham gia hành động của toàn thể cán bộ công nhân viên chức lao động cơ quan, đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng và các mục tiêu cần đạt được của công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.
- Tổ chức cuộc thi về phòng chống tệ nạn xã hội.
- Đặc biệt ngày 25/11/2022 là ngày quốc tế xóa bỏ bạo lực với phụ nữ, Tổng công ty Hàng không Việt Nam phối hợp với Cơ quan Liên hiệp quốc tại Việt Nam tổ chức TÔ CAM BẦU TRỜI trên 02 chuyến bay: Chuyến bay VN209 HAN-SGN với hơn 300 hành khách và VN661 HAN-SIN với hơn 200 hành khách. Hành khách được chào đón đặc biệt tại sân bay bởi các nhân viên mặt đất phục vụ chuyến bay để đeo ruy băng, hoa cài màu CAM với thông điệp "Tôn trọng phụ nữ và trẻ em". Tất cả hành khách đi trên 02 chuyến bay TÔ CAM đều được tặng bông hoa hồng màu CAM kèm với ruy băng màu trắng cài ngực áo, thể hiện cam kết hành động chấm dứt mọi hình thức bạo lực với phụ nữ và trẻ em. Sau ghế ngồi của hành khách được cài tờ rơi ghi 16 thông điệp hành động để phòng ngừa bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái.
- Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, vận động toàn thể cán bộ nhân viên, toàn xã hội tích cực hành động nhằm thực hiện hiệu quả hơn các chính sách, chương trình về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ, tự phòng ngừa xâm hại cho phụ nữ và trẻ em; kiến thức, kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục và bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em cho cha, mẹ, các thành viên gia đình, người làm công tác bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
- Giảm thiểu tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái; xử lý nghiêm các vụ việc bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em gái và làm rõ trách nhiệm xử lý của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Các cơ quan đơn vị treo pano, khẩu hiệu trước cổng cơ quan, đơn vị.
- Các hoạt động của Tháng hành động được tổ chức thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; lồng ghép với các sự kiện khác để tạo hiệu ứng về truyền thông.

VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ

- Nhiều năm qua từ Tổng công ty đến các đơn vị cơ sở đã quán triệt và triển khai tốt đường lối của Đảng và chính sách của Chính phủ về công tác cán bộ nữ.
- Trong quá trình xây dựng và phát triển, lao động nữ là lực lượng lao động quan trọng trong dây chuyền hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines. Với tỷ lệ 36% trên tổng số lao động hiện có, lực lượng lao động nữ đã tham gia vào hầu hết các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và chiếm đa số ở những vị trí trực tiếp, tuyến trước như: đội ngũ tiếp viên phục vụ trên máy bay, nhân viên bán vé và nhân viên phục vụ hành khách tại các nhà ga hàng không...
- Cán bộ lãnh đạo nữ từ cấp phòng và tương đương trở lên là 34/176 chiếm 19,32% tổng số cán bộ lãnh đạo.

VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CẤU TRÚC QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cơ quan quyết định cao nhất của VNA, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản

BAN KIỂM SOÁT

Cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VNA, thực trạng tài chính của VNA và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ quan quản lý VNA, có toàn quyền nhân danh VNA để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VNA không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT chỉ đạo xây dựng, thẩm định, đánh giá và giám sát triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, dự án đầu tư và phát triển thuộc thẩm quyền HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Người đại diện theo pháp luật của VNA và là người điều hành hoạt động hàng ngày của VNA

TIỂU BAN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT trong công tác tổ chức, lao động, tiền lương, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Giúp việc cho TGĐ là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng, các Ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của VNA

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ KIÊM THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ VNA

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty đối với Vietnam Airlines tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ với nguyên tắc sau đây:

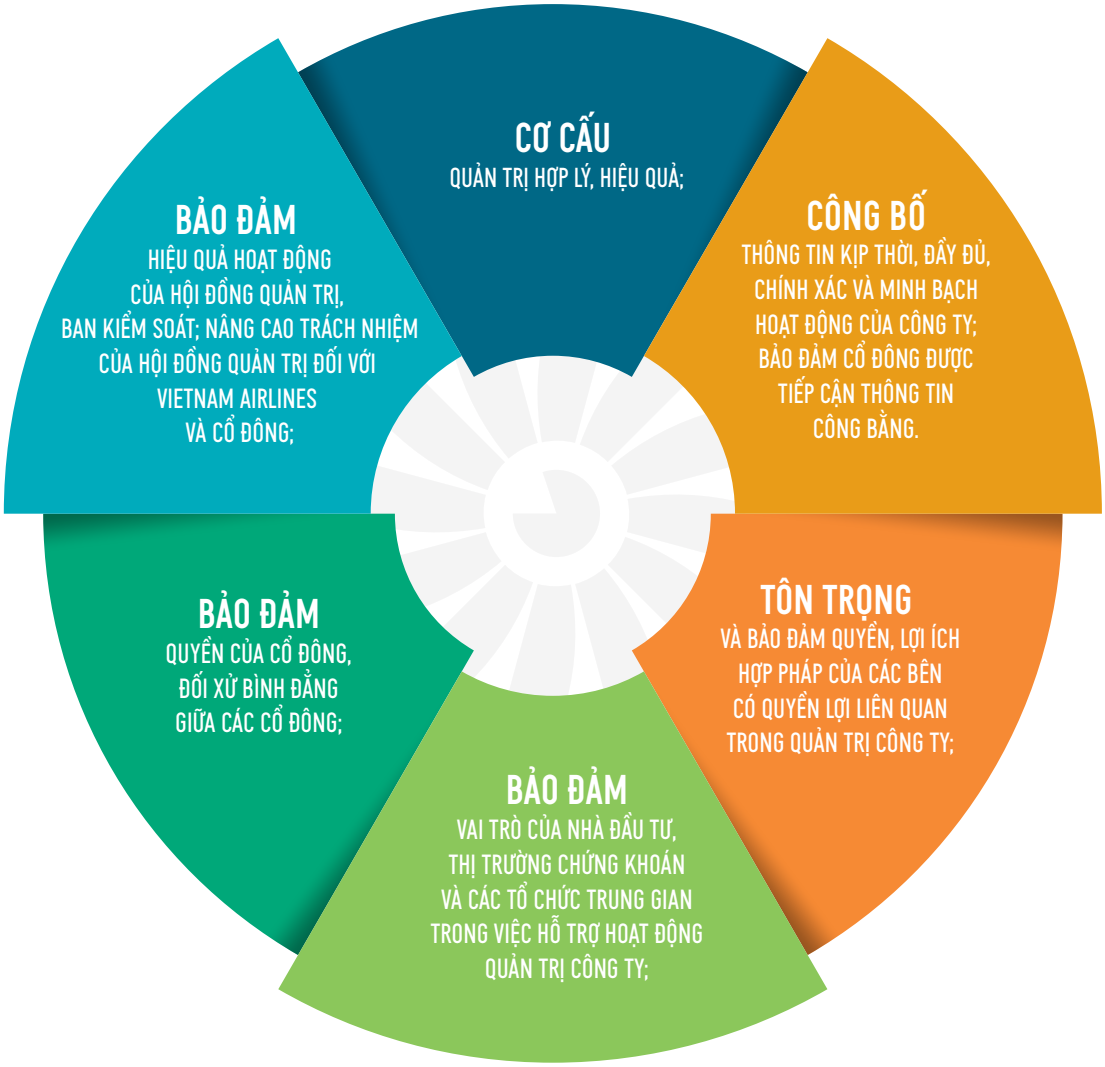

2. THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HĐQT VNA gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập và 01 thành viên điều hành (kiêm chức danh Tổng Giám đốc). Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh (SXKD) cụ thể phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên. Các TV HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, đảm bảo vai trò quản lý toàn diện các lĩnh vực SXKD, tìm ra hướng đi phù hợp cho VNA trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành.

HĐQT đã tổ chức 13 phiên họp để đánh giá kết quả kinh doanh, đưa ra các định hướng, chỉ đạo hoạt động và trao đổi về các nội dung, chuyên đề phục vụ công tác quản trị VNA. Ngoài các phiên họp, HĐQT còn ban hành các Nghị quyết, Quyết định thông qua việc lấy ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của TCT và đáp ứng yêu cầu thực tế hoạt động của VNA. Ban Kiểm soát đều được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức các phiên làm việc trực tiếp theo chuyên đề, dự án quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết để đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động SXKD của TCT.

Năm 2022, HĐQT VNA đã ban hành 175 nghị quyết và 105 Quyết định thực hiện chức năng quản trị hoạt động của VNA và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, điều hành để duy trì hoạt động SXKD trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp.

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

(tại thời điểm 31/12/2022)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT
1	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	10/08/2020
2	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	10/08/2020
3	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	01/10/2016
4	Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	01/01/2021
5	Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT	14/12/2021
6	Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT độc lập	14/12/2021
7	Hiroyuki Kometani	Thành viên HĐQT	28/06/2022

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	13/13	100%	
2	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	13/13	100%	
3	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	13/13	100%	
4	Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	13/13	100%	
5	Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT	13/13	100%	
6	Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT độc lập	13/13	100%	
7	Hiroyuki Kometani	Thành viên HĐQT	6/6	100%	Bắt đầu là Thành viên HĐQT từ 28/06/2022

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT VÀ BAN KIỂM TRA KIỂM TOÁN

Trong năm 2022, các Tiểu ban thuộc HĐQT đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT trên các nội dung sau:

- **Tiểu ban nhân sự tiền lương** tham mưu cho HĐQT định hướng chính sách điều hành, sử dụng nhân lực năm 2022; Đóng góp ý kiến hoàn thiện Đề án kiện toàn tổ chức, tổ chức lại lao động của Trung tâm dịch vụ và khai thác sân bay, Chi nhánh Việt Nam; Định hướng xây dựng chính sách sử dụng nguồn lực, đào tạo, tiền lương chính sách năm 2023.
- **Ban Kiểm tra - Kiểm toán (KTKT)** đã hoàn thành các chuyên đề kiểm toán nội bộ (KTNB) theo kế hoạch KTNB năm 2022 và theo yêu cầu của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty, BKS Đảng ủy Tổng công ty bao gồm: kiểm tra tình hình thực hiện các chuyến bay hồi hương, combo của Đảng ủy Tổng công ty (theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán Đảng ủy, Đảng ủy Tổng công ty và theo yêu cầu của BKS Đảng ủy Tổng công ty); kiểm tra việc triển khai thực hiện gói hỗ trợ 12.000 tỷ đồng; kiểm tra việc mua sắm phục vụ phòng chống dịch COVID-19 tại các cơ quan đơn vị. Trong năm 2022, Ban KTKT đang thực hiện xây dựng quy chế, quy trình liên quan tới công tác giám sát và KTNB bao gồm chỉnh sửa quy chế Giám sát tài chính của Đảng ủy Tổng công ty và xây dựng quy trình KTNB. Đồng thời thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của BKS và HĐQT như: soát xét các tờ trình của Tổng Giám đốc trình HĐQT; thẩm tra quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành; tổng hợp báo cáo, đánh giá hoạt động của KSV định kỳ hàng tháng/quý; hỗ trợ BKS thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo soát xét báo cáo giám sát tài chính; theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị của các cơ quan Nhà nước; theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng kiểm toán độc lập giai đoạn 2019 - 2021 và thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính của Đảng ủy Tổng công ty giai đoạn 2022 - 2024.

4. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

4.1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	10/05/2019	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, CPA Việt Nam, CPA Australia
2	Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên BKS	Kiểm soát viên Kiêm nhiệm từ 15/04/2015; Kiểm soát viên chuyên trách từ 01/01/2021	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên BKS	14/12/2021	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

4.2. NỘI DUNG CHỦ YẾU CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2022, BKS tổ chức 9 cuộc họp, nhằm thống nhất các nội dung chính sau:

- Triển khai nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn.
- Tổ chức công tác thẩm định và thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tình hình SXKD, Báo cáo tài chính năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022; Kết quả soát xét Báo cáo giám sát tài chính của năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 của Tổng công ty.
- Tổ chức giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư của Tổng công ty.
- Tổ chức giám sát thường xuyên: Việc rà soát, xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định theo các văn bản pháp luật hiện hành; tập trung giám sát:
  - Việc hoàn thiện Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 giai đoạn 2021 - 2025 theo chỉ đạo của Chủ sở hữu (Ủy ban Quản lý Vốn) và các Bộ ngành cơ quan Nhà nước.
  - Tập trung giám sát công tác quản trị nguồn lực; quản trị về tài chính, đảm bảo dòng tiền và khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty.
  - Xem xét, đánh giá các sự kiện bất thường, các vấn đề nổi cộm của Tổng công ty trong hoạt động SXKD.

- Đánh giá tình hình hoạt động của BKS năm 2022 và xây dựng kế hoạch hành động năm 2023.
- Thống nhất giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

4.3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

a. Hoạt động giám sát

Giám sát hoạt động SXKD thông qua việc tham gia các cuộc họp HĐQT, giao ban Ban Giám đốc; giao ban điều hành; giao ban khối và các cuộc họp khác (khi cần thiết). Các thành viên BKS tham gia đầy đủ và có ý kiến tại các cuộc họp HĐQT Tổng công ty. Trưởng BKS tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Tổng công ty để nắm bắt tình hình, đóng góp ý kiến và làm cơ sở cho việc giám sát thường xuyên hoạt động quản trị, điều hành của Tổng công ty.

- Hoàn thành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 công ty mẹ và hợp nhất; Thẩm định Báo cáo của HĐQT và lập các báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 theo quy định. Soát xét BCGSTC của Tổng công ty 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 công ty mẹ và hợp nhất báo cáo Ủy ban Quản lý Vốn.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.
- Giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2022, việc xây dựng và thực thi các giải pháp để duy trì hoạt động SXKD; giám sát hoạt động của Tổ giám sát tài chính đặc biệt đối với PA và K6; Tái cơ cấu tại Tổng công ty, PA và thoái vốn tại K6.
- Giám sát hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính trên cơ sở các báo cáo, Tờ trình của Tổng Giám đốc, chỉ đạo của HĐQT.
- Giám sát hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp thông qua báo cáo của Ban Đầu tư – Mua sắm, Ban Kiểm tra – Kiểm toán và và báo cáo của các KSV.
- Giám sát tình hình thực hiện khuyến cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thông qua báo cáo của Ban Kiểm tra – Kiểm toán; Giám sát thường xuyên tình hình thực hiện khuyến cáo của Ủy ban Quản lý Vốn và của BKS.
- Lập báo cáo phục vụ cho công tác quản trị Tổng công ty định kỳ 6 tháng và cả năm.
- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, văn bản quản lý của Nhà nước theo chỉ đạo của Ủy ban Quản lý Vốn.
- Phối hợp xem xét, đánh giá và góp ý ban hành các Quy chế, Quy định của Tổng công ty.
- Giám sát công tác lập kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty mẹ và các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Hàng không.
- Triển khai các cuộc giám sát chuyên đề: Hợp đồng hợp tác khai thác; dự án chậm triển khai, tồn đọng; Xem xét các yếu tố biến động mạnh, bất thường có ảnh hưởng lớn đến doanh thu, chi phí của Tổng công ty; công tác tái cơ cấu.
- Giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

b. Kết quả giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát năm 2022

- **Tình hình SXKD năm 2022 của Tổng công ty**
  - Năm 2022, hoạt động vận tải hàng không của Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Trung Quốc theo đuổi chính sách "zero-COVID", xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine và việc mở cửa thận trọng của các thị trường trọng yếu (Nhật Bản, Hàn Quốc) khiến thị trường quốc tế phục hồi chậm; ảnh hưởng giá nhiên liệu tăng cao, biến động tỷ giá ngoại tệ và lãi suất dẫn đến phát sinh chi phí cho Tổng công ty. Mặc dù vậy, Tổng công ty đã nỗ lực, phấn đấu để giảm lỗ thấp hơn so với kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.
  - Ước thực hiện năm 2022: Doanh thu Công ty mẹ đạt 50.617 tỷ đồng, tương ứng 112% kế hoạch; Lỗ trước thuế công ty mẹ đạt 8.865 tỷ đồng, giảm lỗ được 5% so kế hoạch; Lỗ trước thuế hợp nhất 9.904 tỷ đồng, giảm lỗ được 12% so kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ.

- **Đánh giá công tác quản trị điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc**

  i) Hoạt động của Tổng công ty
  - Năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp 13 phiên, gửi phiếu xin ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT 145 nội dung; ban hành 175 Nghị quyết, 105 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định đã được HĐQT, Tổng Giám đốc triển khai phù hợp với quy mô thị trường bị thu hẹp và biến biến phức tạp của dịch bệnh.
  - HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp để khắc phục các khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, giá nhiên liệu tăng cao và biến động của giá nhiên liệu; tiếp tục tận dụng sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, đẩy mạnh việc đàm phán với các nhà cho thuê tàu bay; thực hiện nhiều giải pháp nỗ lực tự thân để duy trì hoạt động liên tục của Tổng công ty.
  - HĐQT, Tổng Giám đốc đã tập trung triển khai các giải pháp để tăng doanh thu, cắt giảm chi phí; bổ sung và hoàn thiện Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 báo cáo Ủy Ban Quản lý Vốn và các cấp có thẩm quyền; vướng mắc về pháp lý trong việc tái cơ cấu Tổng công ty và tái cơ cấu PA.
  - Năm 2022, Tổng công ty đã điều hành an toàn tuyệt đối các chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang chở các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cũng như các chuyến bay thương mại, chở khách công vụ và hàng hóa cứu trợ trong 3 tháng đầu năm khi dịch COVID vẫn đang diễn biến phức tạp trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine; Giải cứu công dân; Chất lượng dịch vụ không ngừng được cải tiến và nâng cao với văn hóa dịch vụ nâng tầm; Triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí trong khai thác và hoạt động nhằm mục tiêu giảm lỗ SXKD.
  - Tổng công ty tập trung thực hiện các giải pháp tự thân; đẩy mạnh tái cơ cấu các đơn vị; Trung tâm khai thác sân bay ASOC đã ra đời trên cơ sở sát nhập các OC 3 miền; hoạt động từ 01/05/2022; Chi nhánh Việt Nam ra đời trên cơ sở sát nhập 3 chi nhánh Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam hoạt động từ 01/07/2022 bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định song vẫn cần rà soát, bổ sung cho phù hợp để đáp ứng được mục tiêu đã đề ra.
  - Công tác chuyển đổi số được HĐQT, Tổng Giám đốc tập trung triển khai, Trung tâm Chuyển đổi số hoạt động từ 01/05/2022. Một số nhiệm vụ đã được triển khai song vẫn cần được đẩy nhanh hơn để sớm mang lại hiệu quả từ lĩnh vực này.
  - Việc thực hiện hiện kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán cũng như của Ủy ban Quản lý Vốn, BKS được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Một số nội dung tồn đọng, vướng mắc về cơ chế chính sách vẫn đang được tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ.
  - Việc thoái vốn tại K6 đã được HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện vốn tại K6 tích cực triển khai và đạt được nhiều kết quả khả quan. Tổng công ty đã cơ bản hoàn tất các thủ tục thực hiện First Closing với 7Trip và K6.
  - Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, việc bán tàu bay không thành công trong năm 2022 cũng đã phần nào ảnh hưởng tới dòng tiền và kết quả SXKD. Hiện tại Tổng công ty vẫn đang tích cực đẩy mạnh công tác triển khai bán tàu trong năm 2023.

ii) Báo cáo tài chính và công tác quản lý tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty đang được các cơ quan đơn vị tập trung công tác quyết toán và kiểm toán.
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty kiểm toán độc lập Deloitte thực hiện kiểm toán. Báo cáo tài chính và 6 tháng đầu năm 2022 đã được Công ty kiểm toán độc lập Deloitte soát xét chấp nhận; BKS đồng ý với ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Tình hình tài chính của Tổng công ty Hàng không năm 2022 mặc dù đã có sự cải thiện đáng kể trong bối cảnh chiến tranh, dịch bệnh, giá dầu tăng cao, biến động bất thường của tỷ giá các đồng ngoại tệ nhưng Tổng công ty đã giảm được lỗ so với kế hoạch; song Tổng công ty vẫn đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức; rủi ro: nợ quá hạn vẫn đang ở mức cao; dòng tiền vẫn thiếu hụt lớn; cân đối tài chính không được đảm bảo, nguy cơ bị hủy niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE.

4.4. MỐI QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

BKS đã luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Giám đốc điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tổng công ty; lợi ích của các cổ đông và người lao động theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Các tài liệu, thông tin BKS yêu cầu đều được HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các cơ quan đơn vị phối hợp giải trình, cung cấp đầy đủ, đúng thời gian quy định.
- Ngoài ra BKS luôn nhận được sự hỗ trợ, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác kiểm soát từ Cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý Vốn) để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.
- BKS không nhận được khiếu kiện liên quan đến cổ đông trong năm 2022.

5. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

5.1. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/ GIẢM
		SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
1	Đặng Ngọc Hòa	21.595	0,000975	21.595	0,000975	-
2	Lê Hồng Hà	19.531	0,000882	19.531	0,000882	-
3	Tạ Mạnh Hùng	20.604	0,000930	20.604	0,000930	-
4	Lê Trường Giang	19.030	0,000859	19.030	0,000859	-
5	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp	689.488.080	31,14	689.488.080	31,14	-
6	Trịnh Ngọc Thành	21.680	0,000979	21.680	0,000979	-
7	Nguyễn Hồng Lĩnh	19.351	0,000874	19.351	0,000874	-
8	Trịnh Hồng Quang	10.500	0,000474	10.500	0,000474	-
9	Nguyễn Chiến Thắng	14.340	0,0006476	14.340	0,0006476	-
10	Tô Ngọc Giang	7.951	0,000359	7.951	0,000359	-
11	Đinh Văn Tuấn	10.905	0,0005	10.905	0,0005	-
12	Trần Thanh Hiền	19.707	0,000890	19.707	0,000890	-
13	Nguyễn Thị Thiên Kim	13.485	0,00061	13.485	0,00061	-
14	Mai Hữu Thọ	12.831	0,000579	12.831	0,000579	-
15	Nguyễn Xuân Thủy	12.846	0,000580	12.846	0,000580	-

5.2. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục 35. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan - Thuyết minh báo cáo kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng năm 2022 kèm theo.

6. HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ - THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Năm 2022 Người phụ trách quản trị - Thư ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Cầu nối giữa HĐQT và Ban điều hành.
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

"Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước"

Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đồng và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.

IX. QUẢN TRỊ RỦI RO

1. RỦI RO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Với dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn thấp trong năm 2023 do ảnh hưởng của dịch bệnh, xung đột Nga – Ukraine, lạm phát cao ở nhiều nền kinh tế lớn, IATA nhận định phải đến 2024, sản lượng hành khách mới hồi phục hoàn toàn như năm 2019. Tốc độ phục hồi của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vẫn chậm nhất trong các khu vực. Toàn ngành hàng không thế giới bắt đầu có lãi ở năm 2023, tuy nhiên khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vẫn lỗ và có hiệu quả kém nhất trên thế giới.

Đối với thị trường Việt Nam, dự kiến thị trường sẽ có những dấu hiệu tích cực cả ở nội địa và quốc tế. Tuy nhiên, các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến thị trường hàng không còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường. Cụ thể:

- Đối với thị trường nội địa, mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát, không còn ảnh hưởng nhiều, tuy nhiên môi trường vĩ mô về tình hình kinh tế còn tiềm ẩn rủi ro. Bên cạnh đó, việc quá tải về cơ sở hạ tầng của các sân bay vẫn tiếp tục diễn biến trầm trọng.
- Đối với thị trường quốc tế đi/đến Việt Nam, khi các quốc gia đã gỡ bỏ hầu hết rào cản về cách ly, kiểm dịch y tế, các đường bay sẽ cơ bản được phục hồi nhưng dự kiến vẫn chưa thể đạt được mức trước dịch do lo ngại về suy thoái kinh tế, cũng như xung đột chính trị Nga – Ukraine chưa có dấu hiệu giảm nhiệt.
- Rủi ro giá nhiên liệu năm 2023 được đánh giá là rất khó lường do nhiều yếu tố không chắc chắn về kinh tế vĩ mô, thị trường năng lượng và địa chính trị thế giới trong khi chi phí nhiên liệu bay chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu chi phí của Vietnam Airlines.
- Rủi ro tỷ giá USD/VND và tỷ giá giữa các đồng tiền trên thế giới với USD tác động lớn đến doanh thu và chi phí hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Hầu hết các chi phí lớn như nhiên liệu, sửa chữa bảo dưỡng... được thanh toán bằng USD, doanh thu của Vietnam Airlines gồm loại tiền tệ khác nhau nên tỷ giá USD/VND và biến động tỷ giá trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Vietnam Airlines.

2. RỦI RO PHÁP LÝ

- Hoạt động kinh doanh của Vienam Airlines tuân thủ tất cả luật áp dụng về mọi khía cạnh quan trọng. Vietnam Airlines chưa từng và đang không phải chịu bất kỳ hình phạt nghiêm trọng nào áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào trong và ngoài nước.
- Về khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Vietnam Airlines: Theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của Vietnam Airlines tại thời điểm phát hành Báo cáo thường niên này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietnam Airlines.

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại.
- Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines.

3. RỦI RO CẠNH TRANH

Trong năm 2022, trên thị trường nội địa, vận tải hàng không đã phục hồi khá mạnh mẽ nhưng không bền vững, sức mua và khả năng chi trả của người dân chưa cao, trong khi các Hãng hàng không cạnh tranh gay gắt làm cho mức giá vé bình quân thấp. Năm 2023, cạnh tranh trên các đường bay nội địa tiếp tục gia tăng vì các nguyên nhân: các đường bay quốc tế chưa hoàn toàn hồi phục nên các hãng hàng không tiếp tục gia tăng trên các đường bay nội địa; slot tại các cảng hàng không nội địa còn hạn chế; cạnh tranh về giá vé vẫn xuất hiện khi dự kiến vẫn xảy ra việc dư thừa tải cung ứng.

Đối với quốc tế, thị trường bắt đầu xuất hiện sự cạnh tranh khi các hãng hàng không nước ngoài với tốc độ hồi phục nhanh hơn đã tăng cường hoạt động khai thác, khi tải cung ứng tổng thị trường tăng 2,5 lần so 2021 và đạt hơn 45% so 2019. Bên cạnh đó, các hãng hàng không nội địa cũng sẽ tham gia khai thác trên các đường bay quốc tế dài đến Châu Âu và Úc, làm gia tăng cạnh tranh khốc liệt.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH HÀNG KHÔNG

- Hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu còn nhiều hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển dẫn tới số lượng điểm đỗ tàu tại các sân bay nội địa hạn chế.
- Chính sách Nhà nước về việc tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. Trong khi đó, với tốc độ nghiên cứu và phát triển công nghệ diễn ra nhanh chóng, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thay thế cho dịch vụ hàng không như video-conferencing, tàu siêu tốc đang tạo ra nhiều thách thức cạnh tranh cho các hãng hàng không.
- Khan hiếm nguồn lực cao cấp, đặc biệt là nguồn lực về phi công, kỹ sư kỹ thuật.
- Yêu cầu duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để đảm bảo doanh thu khai thác từ máy bay, được đáp ứng một phần thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay.
- Công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Vietnam Airlines.

5. RỦI RO AN NINH THÔNG TIN

- Tổng công ty là một trong các doanh nghiệp đã tiên phong triển khai đầy đủ hệ thống quản trị An ninh thông tin theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và Quốc tế, bao gồm: xây dựng cơ cấu tổ chức về An ninh thông tin, chính sách An ninh thông tin và triển khai hệ hệ thống phòng chống tấn công mạng (Cyber Security). Tuy nhiên trong bối cảnh tình hình an ninh mạng trên thế giới đang diễn biến ngày càng phức tạp, Tổng công ty phải đối mặt với nhiều nguy cơ mất An ninh thông tin mới.
- Hành lang pháp lý về bảo vệ thông tin, đặc biệt là thông tin cá nhân chưa hoàn chỉnh, dẫn đến tình trạng có nhiều vi phạm về sử dụng thông tin chưa được kiểm chứng hoặc mua bán thông tin cá nhân.
- Là mục tiêu tấn công mạng của nhiều tổ chức cá nhân đặc biệt là hình thức lừa đảo qua hệ thống email (email phishing) có chiều hướng gia tăng.
- Ý thức của một bộ phận nhân viên chưa cao dẫn đến còn xảy ra tình trạng vô tình/cố tình lọt thông tin nội bộ và dữ liệu cá nhân, thậm chí bị lừa đảo.
- Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục giám sát chặt chẽ An ninh thông tin trong hệ thống. KPI về đảm bảo An ninh thông tin đều đạt 100%. Tiếp tục duy trì và phát triển Hệ thống CNTT, tăng cường quan hệ với các đối tác và các cơ quan quản lý về An toàn thông tin.
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về An toàn thông tin. Định kì thi nâng cao nhận thức về An ninh thông tin cho toàn thể Tổng công ty Hàng không, công ty con, công ty liên kết. Tổ chức nâng cao nhận thức bằng hình thức Phishing không báo trước.
- Tổng công ty là một trong những doanh nghiệp đầu tiên triển khai áp dụng và tuân thủ quy định chung bảo vệ dữ liệu cá nhân của Châu Âu – GDPR. Trong năm 2022 Tổng công ty đã tiếp nhận và xử lý hàng trăm yêu cầu của khách hàng về việc thực thi các quyền của chủ thể dữ liệu.

6. CÁC RỦI RO KHÁC

Nhận diện rủi ro

- Kiểm toán không phát hiện được những yếu kém của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty.
- Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu.
- Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán.

Biện pháp quản trị rủi ro

- Đảm bảo đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Đảm bảo tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo thông lệ và quy định kiểm toán hiện hành, trong đó có việc lập kế hoạch, xây dựng chương trình kiểm toán và kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán.
- Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận ngày công làm việc của từng cấp bậc kiểm toán viên, nhận xét về hoạt động của các kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Lê Hồng Hà	Ủy viên
Ông Lê Trường Giang	Ủy viên
Ông Tomoji Ishii	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022)
Ông Hiroyuki Kometani	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022)
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên
Ông Trương Văn Phước	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Ngọc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023)
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành hàng không toàn cầu trong đó có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; kêu gọi tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp và cho thuê. Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đề xuất Chính phủ Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ để đảm bảo Hãng hàng không Quốc gia duy trì hoạt động liên tục. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CTCP

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2023

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0357 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 07 tháng 12 năm 2023, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

a) Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 39.470 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 11.056 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 15.396 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 11.223 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

b) Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0891-2023-001-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4438-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 12 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**12.329.950.221.266**	**11.356.265.055.530**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**2.490.276.442.806**	**1.713.826.600.918**
1.	Tiền	111		2.344.476.442.806	835.306.600.918
2.	Các khoản tương đương tiền	112		145.800.000.000	878.520.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**896.630.691.696**	**2.229.537.947.198**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	896.630.691.696	2.229.537.947.198
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**4.897.522.587.507**	**3.999.680.977.124**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.983.027.337.240	2.136.228.109.743
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	238.017.088.297	325.602.441.487
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	884.118.225.378	1.832.873.306.547
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(207.640.063.408)	(295.022.880.653)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**11**	**2.875.284.260.009**	**2.250.462.486.495**
1.	Hàng tồn kho	141		3.077.116.544.217	2.424.780.800.289
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(201.832.284.208)	(174.318.313.794)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**1.170.236.239.248**	**1.162.757.043.795**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	416.870.156.281	393.888.240.581
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		744.580.776.918	734.787.436.934
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	8.785.306.049	34.081.366.280

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**48.306.237.440.542**	**51.703.259.687.752**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1.606.719.470.813**	**1.103.045.224.145**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	2.094.595.888	2.701.395.335
2.	Phải thu dài hạn khác	216	9	1.606.719.470.813	1.101.968.999.311
3.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(2.094.595.888)	(1.625.170.501)
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**40.672.004.481.125**	**43.252.176.742.937**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.032.875.218.066	16.348.214.039.213
	- Nguyên giá	*222*		*40.410.251.333.312*	*38.240.248.594.914*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(24.377.376.115.246)*	*(21.892.034.555.701)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	24.464.670.980.070	26.721.703.122.470
	- Nguyên giá	*225*		*42.585.171.948.360*	*44.667.923.191.304*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(18.120.500.968.290)*	*(17.946.220.068.834)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	15	174.458.282.989	182.259.581.254
	- Nguyên giá	*228*		*805.958.491.646*	*787.948.999.881*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(631.500.208.657)*	*(605.689.418.627)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**94.019.231.444**	**146.060.878.602**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	94.019.231.444	146.060.878.602
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**1.751.061.180.082**	**1.638.116.264.963**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	1.182.959.007.769	1.072.364.092.650
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	648.952.172.313	648.952.172.313
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	9.150.000.000	6.800.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**4.182.433.077.078**	**5.563.860.577.105**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.981.549.152.743	5.301.971.412.860
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.028.969.581	5.422.195.265
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		199.854.954.754	256.466.968.980
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**60.636.187.661.808**	**63.059.524.743.282**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**71.691.812.417.662**	**62.533.526.914.521**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**51.800.108.824.797**	**41.194.055.907.354**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	28.174.812.908.030	19.112.542.444.830
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		171.336.958.809	323.324.980.577
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	310.043.110.493	185.465.593.454
4.	Phải trả người lao động	314		989.855.504.487	1.070.339.472.083
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	5.367.307.615.549	3.862.833.431.995
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	730.319.902.881	405.392.155.538
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.890.693.945.604	825.150.095.131
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	13.400.052.716.447	14.374.923.867.416
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.084.834.063	8.536.055.307
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	756.601.328.434	1.025.547.811.023
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**19.891.703.592.865**	**21.339.471.007.167**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	18	2.440.049.287.211	-
2.	Chi phí phải trả dài hạn	333	20	1.142.457.551.629	-
3.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.239.264.127	2.129.590.205
4.	Phải trả dài hạn khác	337	22	1.278.025.865.817	727.702.126.954
5.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	14.868.103.213.122	20.424.832.968.600
6.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		160.828.410.959	184.806.321.408
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**(11.055.624.755.854)**	**525.997.828.761**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**(11.055.624.755.854)**	**525.997.828.761**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*22.143.941.740.000*	*22.143.941.740.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	26	1.220.498.156.541	1.220.498.156.541
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	26	241.355.237.827	241.355.237.827
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	26	(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
5.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	26	122.441.972.786	81.746.409.909
6.	Quỹ đầu tư phát triển	418	26	932.083.454.332	931.333.809.451
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26	2.024.298.861	2.024.298.861
8.	(Lỗ) lũy kế	421	26	(35.072.236.866.340)	(21.959.695.615.878)
	- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(22.022.657.943.690)*	*(9.049.049.885.569)*
	- (Lỗ) năm nay	*421b*		*(13.049.578.922.650)*	*(12.910.645.730.309)*
9.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	27	507.271.473.093	(982.201.984.996)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**60.636.187.661.808**	**63.059.524.743.282**

Hồ Xuân Tam	Trần Thanh Hiền	Lê Hồng Hà
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 07 tháng 12 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**30**	**70.792.824.615.294**	**28.093.455.616.140**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	382.603.297.695	182.116.106.885
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	**30**	**70.410.221.317.599**	**27.911.339.509.255**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		73.286.232.320.827	37.929.515.743.205
5.	**Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**(2.876.011.003.228)**	**(10.018.176.233.950)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	980.367.899.207	1.557.025.514.904
7.	Chi phí tài chính	22	33	4.432.415.448.356	1.625.691.503.900
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.164.558.952.418*	*806.953.304.369*
8.	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		74.112.410.620	(225.681.830.452)
9.	Chi phí bán hàng	25	34	3.195.005.684.899	1.238.060.448.577
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	1.769.308.764.254	1.680.445.215.416
11.	**Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))**	**30**		**(11.218.260.590.910)**	**(13.231.029.717.391)**
12.	Thu nhập khác	31	35	310.657.078.140	283.581.832.174
13.	Chi phí khác	32	36	37.880.809.329	18.198.268.837
14.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**272.776.268.811**	**265.383.563.337**
15.	**Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**(10.945.484.322.099)**	**(12.965.646.154.054)**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		302.034.384.439	256.599.759.744
17.	(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(24.503.543.354)	57.170.026.826
18.	**Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**(11.223.015.163.184)**	**(13.279.415.940.624)**
18.1.	Cổ đông của Tổng Công ty	61		(11.298.155.189.349)	(12.907.540.689.336)
18.2.	Cổ đông không kiểm soát	62		75.140.026.165	(371.875.251.288)
19.	(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	37	(5.102)	(7.909)

Hồ Xuân Tam	Trần Thanh Hiền	Lê Hồng Hà
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 07 tháng 12 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lỗ trước thuế***	***01***	***(10.945.484.322.099)***	***(12.965.646.154.054)***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	3.536.492.399.102	2.049.422.941.043
	Các khoản dự phòng	03	(58.850.642.688)	244.839.464.033
	Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	821.108.129.598	(371.570.433.444)
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(371.254.364.761)	(244.413.431.128)
	Chi phí lãi vay	06	1.164.558.952.418	806.953.304.369
3.	***Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(5.853.429.848.430)***	***(10.480.414.309.181)***
	Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.017.256.662.411)	(541.773.716.442)
	Thay đổi hàng tồn kho	10	(595.723.729.702)	(469.828.538.767)
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.710.008.308.018	5.467.830.327.853
	Thay đổi chi phí trả trước	12	1.297.440.344.417	658.207.599.518
	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.057.619.694.360)	(812.881.120.736)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(273.644.233.637)	(262.754.597.271)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(315.955.331.568)	(317.700.707.449)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***6.893.819.152.327***	***(6.759.315.062.475)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(952.400.998.090)	(489.493.287.377)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	89.268.374.529	92.669.350.681
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.744.506.439.635)	(2.318.204.366.708)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.075.171.101.612	618.898.138.173
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.100.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	774.520.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	221.759.122.433	151.474.028.119
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.455.711.160.849***	***(1.944.656.137.112)***

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	7.960.679.170.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33	33.708.103.421.762	22.581.317.707.963
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.749.501.571.474)	(18.938.448.300.065)
4.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.153.677.032.338)	(2.559.801.317.229)
5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(408.886.714.378)	(277.575.431.368)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(7.603.961.896.428)***	***8.766.171.829.301***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**745.568.416.748**	**62.200.629.714**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**1.713.826.600.918**	**1.653.719.016.108**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	30.881.425.140	(2.093.044.904)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**2.490.276.442.806**	**1.713.826.600.918**

Hồ Xuân Tam	Trần Thanh Hiền	Lê Hồng Hà
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 07 tháng 12 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc ("các đơn vị phụ thuộc").

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 9 ngày 12 tháng 01 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 18.714 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 18.641 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử; và
- Đào tạo; tài chính, ngân hàng; cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa và bưu kiện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Tạp chí Heritage
- Đoàn bay 919
- Đoàn tiếp viên
- Trung tâm dịch vụ và khai thác sân bay (thành lập do sát nhập Trung tâm Khai thác Nội Bài và Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất từ ngày 01 tháng 5 năm 2022)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Khu vực Việt Nam (thành lập do sát nhập chi nhánh khu vực miền Bắc, miền Nam và miền Trung từ ngày 01 tháng 7 năm 2022)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
			%	%	
	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (i)	Việt Nam	98,84	98,84	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	100,00	100,00	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	55,13	55,13	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
5	Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	60,17	60,17	Cung cấp suất ăn trên máy bay
6	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Cung cấp suất ăn trên máy bay
7	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	51,52	51,52	Đào tạo phi công
8	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	52,73	52,73	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	55,00	55,00	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
10	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	51,00	51,00	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
12	Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá Vinako	Việt Nam	65,05	65,05	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	51,00	51,00	Xuất, nhập khẩu lao động
14	Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	51,69	51,69	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
15	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ mặt đất
16	Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Hàng không Việt Nam Singapore (ii)	Việt Nam	51,00	51,00	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
17	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco (ii)	Việt Nam	25,05	51,00	Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hoá
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	32,48	32,48	Cho thuê máy bay
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	41,31	41,31	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	36,11	36,11	Dịch vụ phục vụ hàng không
4	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	30,41	30,41	Sản xuất sản phẩm nhựa
5	Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất (ii)	Việt Nam	30,47	30,47	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (ii)	Việt Nam	30,00	30,00	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
7	Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (ii)	Việt Nam	25,00	25,00	Dịch vụ mặt đất
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (ii)	Việt Nam	8,16	36,00	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển giao 29,99% cổ phần từ một cổ đông nước ngoài tại Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines, theo đó tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Tổng Công ty tại đơn vị này tăng lên 98,84% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 68,65%).

(ii) Các doanh nghiệp do các công ty con của Tổng Công ty góp vốn và nắm quyền biểu quyết trực tiếp. Theo đó, tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty; tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ quyền biểu quyết của các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại một số khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang khoản đầu tư vào công ty liên kết và áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Đầu tư vào công ty liên kết	928.195.500.637	144.168.592.013	1.072.364.092.650
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	815.927.722.471	(166.975.550.158)	648.952.172.313
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(114.594.292.951)	24.594.292.951	(90.000.000.000)
(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	(9.051.260.284.868)	2.210.399.299	(9.049.049.885.569)
(Lỗ) năm nay	(12.910.222.665.816)	(423.064.493)	(12.910.645.730.309)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí tài chính	1.549.123.961.463	76.567.542.437	1.625.691.503.900
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	(203.283.404.388)	(22.398.426.064)	(225.681.830.452)
Chi phí khác	116.741.172.845	(98.542.904.008)	18.198.268.837
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.278.992.876.131)	(423.064.493)	(13.279.415.940.624)
Cổ đông của Tổng Công ty	(12.907.117.624.843)	(423.064.493)	(12.907.540.689.336)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Lỗ trước thuế	(12.965.223.089.561)	(423.064.493)	(12.965.646.154.054)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(244.836.495.621)	423.064.493	(244.413.431.128)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được lập theo Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và VAS 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con" ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con

và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và

- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 39.470 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 29.838 tỷ đồng), khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 15.396 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.779 tỷ đồng) và vốn chủ sở hữu âm 11.056 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: dương 526 tỷ đồng). Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 11.223 tỷ đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: lỗ 13.279 tỷ đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và triển khai các giải pháp đối phó với các khó khăn về tình hình tài chính để Tổng Công ty có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

(a) Nguồn vốn hoạt động

Theo chương trình hỗ trợ của Chính phủ, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành 796.103.327 cổ phiếu trong năm 2021 với số tiền thu được từ vốn điều lệ tăng thêm là 7.961 tỷ đồng. Tổng Công ty cũng đã ký hợp đồng tín dụng với 03 ngân hàng thương mại trong nước và đã được giải ngân toàn bộ với tổng hạn mức tín dụng là 4.000 tỷ đồng, thời hạn trả nợ có thể kéo dài đến năm 2024.

Ngoài ra, Tổng Công ty đã và đang đàm phán với các ngân hàng thương mại để có thêm hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng hạn mức tín dụng mà Tổng Công ty đã ký với các ngân hàng thương mại là khoảng 20.267 tỷ đồng, trong đó hạn mức tín dụng của các khoản vay ngắn hạn chưa sử dụng là khoảng 8.097 tỷ đồng.

Tổng Công ty cũng khai thác các nguồn thu khác bao gồm thanh lý tàu bay, động cơ tàu bay và các khoản đầu tư tài chính. Đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty đã thực hiện bán 01 tàu bay, bán quyền mua và thuê lại 03 động cơ tàu bay, thanh lý khoản đầu tư vào Hãng hàng không Cambodia Angkor Air và đã thu được một phần giá trị hợp đồng với số tiền khoảng 942 tỷ đồng. Tổng Công ty đang tiếp tục thực hiện kế hoạch bán các tàu bay còn lại theo kế hoạch.

(b) Quản lý nguồn vốn lưu động

Trong năm, các ngân hàng đã đồng ý tiếp tục cấp hạn mức tín dụng cho các khoản vay ngắn hạn mà Tổng Công ty đã thanh toán đúng hạn và đáp ứng các điều kiện và quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tổng Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục duy trì được các hạn mức vay ngắn hạn hiện tại trong năm tiếp theo cũng như đảm bảo thanh toán các khoản gốc vay đến hạn.

Đối với các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính, Tổng Công ty cũng đã đàm phán thành công với các chủ nợ để cơ cấu lại lịch thanh toán các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, giãn hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê tàu bay và bảo dưỡng...) hoặc giãn hoãn lịch thanh toán (đối với chi phí thuê tàu bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyến bay...).

Tổng Công ty đã thỏa thuận với các đối tác để hủy (không nhận) 04 tàu bay dòng B787-10 và A320, ngoài ra 05 tàu bay dòng B787-10 và A320 NEO còn lại đã và đang được đàm phán để nhận vào năm 2024 thay vì nhận trong năm 2020, 2021 theo thỏa thuận ban đầu.

Tổng Công ty cũng đã và đang đàm phán với một số nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa máy bay để bù trừ khoản quỹ đại tu đã thanh toán cho nhà cung cấp còn dư chưa sử dụng với khoản phải trả các nhà cung cấp này và thay thế biện pháp bảo đảm bằng L/C, qua đó, giảm khoản thanh toán bằng tiền cần huy động thêm cho nhà cung cấp khi đến hạn. Tổng số tiền đã được thanh toán bù trừ và mở L/C thay thế đến thời điểm báo cáo này khoảng 3.768 tỷ đồng.

Một mặt, Tổng Công ty tích cực tìm kiếm các nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ quá hạn nhà cung cấp với số tiền 15.396 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Thuyết minh số 18). Mặt khác, Tổng Công ty cũng đang tiếp tục đàm phán và kêu gọi sự hỗ trợ của các đối tác trong việc giảm và giãn hoãn thời hạn thanh toán đối với các khoản nợ quá hạn. Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng, các đối tác đã và vẫn đang hỗ trợ tích cực Tổng Công ty trong những năm qua và trong thời gian tới.

(c) Quản lý hoạt động

Với các diễn biến tích cực của ngành hàng không, Tổng Công ty đã vận chuyển khoảng 18,57 triệu hành khách nội địa và 2,53 triệu khách quốc tế trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, tương đương với 96,77% và 28,20% so với lượng khách năm 2019. Sản lượng hành khách nội địa và quốc tế tiếp tục duy trì hồi phục đến hết quý III năm 2023. Kết quả hoạt động cho thấy thị trường nội địa đã tăng trưởng so với thời kỳ trước đại dịch, khoản thu bán vé nhận trước của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã tăng 8.682 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm trước (Thuyết minh số 18). Tuy nhiên, chính sách kiểm soát COVID-19 của một số quốc gia và giá nhiên liệu tăng do ảnh hưởng của vấn đề xung đột Nga - Ukraine đã ảnh hưởng đến tốc độ hồi phục thị trường quốc tế trong năm.

Tổng Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sử dụng đội tàu bay, lịch bay, các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường, giai đoạn cao điểm và nhu cầu du lịch, đi lại hậu COVID-19 nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và đội tàu bay, tiếp tục duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa. Tổng Công ty cũng tập trung quản lý và tập trung phát triển dịch vụ và khách hàng trong các chặng bay có doanh thu và lợi nhận cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Đối với các chặng bay quốc tế, Tổng Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ các chính sách kiểm soát dịch và du lịch của các nước, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, nhằm khôi phục việc đặt chỗ và thực hiện bay sớm nhất. Trong năm 2022, khoảng 44/52 đường bay quốc tế đã được Tổng Công ty khai thác trở lại.

Ngoài ra, Tổng Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động vận tải hàng hóa nhằm tận dụng hiệu quả năng lực đội bay, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và dòng tiền hoạt động.

Đối với chi phí hoạt động, Tổng Công ty tiếp tục thực hành chính sách tối ưu chi phí, tập trung vào các chi phí gián tiếp như chi phí quản lý chung, chi phí gián tiếp, chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chi phí bán hàng. Ngoài ra, Tổng Công ty liên tục xem xét để tối ưu quy trình dịch vụ mặt đất, dịch vụ phục vụ trên chuyến bay cũng như việc sửa chữa và bảo dưỡng động cơ và máy bay, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

(d) Đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty

Tổng Công ty đã hoàn thành đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025 ("đề án") và báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, đồng thời Tổng Công ty cũng đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đề án, Tổng Công ty sẽ thực hiện đồng bộ ba (3) giải pháp để khắc phục tình trạng tài chính hiện tại bao gồm:

- Giải pháp cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh vận tải hàng không, trong đó, thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường thích nghi, nhanh chóng phục hồi và sử dụng hiệu quả năng lực sản xuất;

- Tái cơ cấu tài sản và thoái vốn các công ty con và công ty liên kết để gia tăng thu nhập và dòng tiền;
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ từ Chính phủ và khả năng thực hiện đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN RIÊNG ÁP DỤNG CHO GIAI ĐOẠN 2020-2022

Tổng Công ty áp dụng tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, chi phí khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2022 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng/Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	=	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay/Giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	X	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay / Tổng giờ khai thác theo tháng kế hoạch năm 2020 của loại máy bay đó (thời điểm hoạt động bình thường, trước khi bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19)

Đối với các máy bay không thuộc trong đội máy bay khai thác và các động cơ dự phòng tương ứng, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình ở Thuyết minh số 04.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc vật tư, phụ tùng nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá gốc hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Phương tiện vận tải mặt đất	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày tại Chi phí đi vay dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản cố định hữu hình.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay thuộc tài sản cố định thuê tài chính và động cơ máy bay tương ứng cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính dùng trong quản lý, như phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ quyền sử dụng đất được cấp không có thời hạn. Quyền sử dụng đất được cấp có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 02 năm đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay; phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu của hợp đồng huy động vốn mua máy bay; chi phí phụ tùng máy bay, công cụ, dụng cụ quay vòng và chi phí khác. Cụ thể:

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tính từ tháng kế tiếp tháng hoàn thành đại tu, sửa chữa. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chờ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Khoản phải nộp quỹ đại tu cho bên cho thuê máy bay theo hợp đồng thuê được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi phát sinh nộp quỹ. Chi phí sửa chữa lớn đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong 03 năm. Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

  Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty phân bổ và ghi nhận chi phí trả trước liên quan đến sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên số giờ bay.

- Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu của hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.

- Chi phí công cụ, dụng cụ, phụ tùng máy bay quay vòng và chi phí khác, bao gồm:

  - Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phản ánh giá trị các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, có thời gian sử dụng trên 01 năm, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 02 năm.

  - Vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (chi tiết xem Thuyết minh về "Hàng tồn kho").

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản dự tính các khoản chi phí phải trả liên quan đến các chi phí đã phát sinh nhưng đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty/các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm vốn góp từ cổ phiếu phổ thông, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và (lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện. Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) đã hết hạn theo các điều kiện của chứng từ vận chuyển nhưng khách hàng không sử dụng được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyến được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy dặm thưởng khi sử dụng dịch vụ, tham gia chương trình khuyến mãi... của Tổng Công ty hay một số đối tác hàng không và phi hàng không cụ thể của chương trình Bông Sen Vàng của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số dặm tồn còn giá trị sử dụng tại thời điểm báo cáo mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng đổi thưởng hoặc dặm thưởng tích lũy hết hạn.

Doanh thu và thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay theo hình thức thuê hoạt động được ghi nhận là khoản thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc hạch toán nghiệp vụ này sẽ tùy thuộc vào hướng dẫn chi tiết và phê duyệt từ Bộ Tài chính. Ngày 10 tháng 02 năm 2020, Tổng Công ty đã trình Bộ Tài chính công văn xin hướng dẫn cách thức hạch toán và ghi nhận đối với các nghiệp vụ kinh tế này. Theo công văn trả lời ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính, kế toán chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay chưa có quy định cụ thể tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, do đó, quy định hạch toán kế toán cụ thể về vấn đề này sẽ được nghiên cứu, xem xét và hướng dẫn trong thời gian tới.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lỗ trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lỗ cơ bản trên cổ phiếu ("LPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lỗ suy giảm trên cổ phiếu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao

gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có khoản lỗ trong năm có thể được sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ trong năm do chưa chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	14.120.364.696	14.132.117.820
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	2.254.439.154.339	819.191.563.236
Tiền đang chuyển	75.916.923.771	1.982.919.862
Các khoản tương đương tiền	145.800.000.000	878.520.000.000
	2.490.276.442.806	**1.713.826.600.918**

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm khoảng 872 tỷ đồng bị hạn chế sử dụng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	896.630.691.696	896.630.691.696	2.229.537.947.198	2.229.537.947.198
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	9.150.000.000	9.150.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
	905.780.691.696	**905.780.691.696**	**2.236.337.947.198**	**2.236.337.947.198**

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,35%/năm đến 8,80%/năm và không phải tương đương tiền.

(ii) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,50%/năm đến 9,55%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	248.141.431.740	-	248.141.431.740	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	-
Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	90.000.000.000	(90.000.000.000)	90.000.000.000	(90.000.000.000)
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	65.049.600.000	-	65.049.600.000	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Xây dựng Hàng không miền Nam	52.000.000.000	-	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	6.161.138.309	-	6.161.138.309	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	2.550.000.000	-	2.550.000.000	-
	648.952.172.313	**(90.000.000.000)**	**648.952.172.313**	**(90.000.000.000)**

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư không có giá niêm yết trên thị trường, các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Chi tiết phải thu của khách hàng		
Các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	1.573.306.766.020	276.918.702.314
Các hãng hàng không khác	1.139.812.805.151	907.150.288.911
Cước vận chuyển hàng hóa	194.339.427.919	320.905.828.314
Khách hàng khác	1.077.662.934.038	633.954.685.539
	3.985.121.933.128	**2.138.929.505.078**
b. Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Ngắn hạn	3.983.027.337.240	2.136.228.109.743
Dài hạn	2.094.595.888	2.701.395.335
	3.985.121.933.128	**2.138.929.505.078**
Trong đó: Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	**247.187.442.527**	**241.166.371.159**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước về đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	80.678.806.293	82.319.206.561
Trả trước về sửa chữa máy bay động cơ	-	72.580.584.384
Trả trước khác	157.338.282.004	170.702.650.542
	238.017.088.297	**325.602.441.487**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay ngắn hạn	274.954.808.291	376.670.497.856
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cấn trừ với Quỹ đại tu (i)	311.116.882.764	293.259.544.766
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê lại	115.608.161.834	195.709.263.149
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	35.715.304.023	6.265.268.754
Phải thu lãi tiền gửi	9.503.370.173	18.240.070.503
Tạm ứng	3.598.027.012	11.058.740.346
Phải thu tiền chuyển nhượng phần vốn góp tại Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	-	774.520.000.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	5.110.864.723
Phải thu khác	133.621.671.281	152.039.056.450
	884.118.225.378	**1.832.873.306.547**
b. Dài hạn		
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay dài hạn (ii)	1.418.775.727.537	902.424.077.673
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	174.799.483.594	194.524.232.161
Phải thu dài hạn khác	13.144.259.682	5.020.689.477
	1.606.719.470.813	**1.101.968.999.311**
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	**389.733.230.473**	**394.412.685.821**

(i) Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cấn trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty hạch toán vào chi phí trong năm.

(ii) Là khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay mà sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	206.405.741.753	(88.234.149.407)	118.171.592.346	181.540.747.546	(73.258.859.979)	108.281.887.567
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-
Smartlynx Airlines	15.136.170.040	(13.826.332.041)	1.309.837.999	15.344.379.313	(15.344.379.313)	-
Air Fast Ticket Group	5.023.647.549	(5.023.647.549)	-	5.286.958.961	(5.286.958.961)	-
Các đối tượng khác	70.589.255.069	(64.112.611.448)	6.476.643.621	264.775.483.768	(164.219.934.050)	100.555.549.718
	335.692.733.262	**(209.734.659.296)**	**125.958.073.966**	**505.485.488.439**	**(296.648.051.154)**	**208.837.437.285**
Trong đó:						
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(207.640.063.408)			(295.022.880.653)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn		(2.094.595.888)			(1.625.170.501)	

Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	523.323.280.962	-	301.364.414.812	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.110.251.488.418	(201.832.284.208)	1.032.844.273.287	(174.318.313.794)
Công cụ và dụng cụ	63.604.589.678	-	72.398.525.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	75.513.297.227	-	87.437.419.617	-
Hàng hóa	1.291.171.708.714	-	897.428.857.923	-
Hàng hóa kho bảo thuế	12.741.567.689	-	32.425.887.734	-
Hàng gửi đi bán	510.611.529	-	881.421.424	-
	3.077.116.544.217	**(201.832.284.208)**	**2.424.780.800.289**	**(174.318.313.794)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số vật tư phụ tùng do giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này thấp hơn giá gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản khác	295.002.564.585	337.485.345.391
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển	41.170.672.123	489.550.648
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.696.919.573	55.913.344.542
	416.870.156.281	**393.888.240.581**
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay	2.714.344.404.476	3.856.838.849.808
Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu	670.556.991.140	885.208.284.281
Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ	398.850.898.901	319.718.138.383
Chi phí trả trước dài hạn khác	197.796.858.226	240.206.140.388
	3.981.549.152.743	**5.301.971.412.860**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 03. Nếu Tổng Công ty áp dụng phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo phương pháp đường thẳng, khoản mục chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm 691 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: giảm 1.740 tỷ đồng), theo đó, khoản mục giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 691 tỷ đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: tăng 1.740 tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy bay, động cơ máy bay	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải mặt đất	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	**27.910.730.194.883**	**2.886.639.103.926**	**4.136.994.206.800**	**1.956.657.403.890**	**1.025.851.632.306**	**323.376.053.109**	**38.240.248.594.914**
Mua trong năm	590.740.757.968	5.768.975.355	71.448.854.682	73.592.372.050	63.801.968.693	19.686.896.833	825.039.825.581
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	85.938.346.948	-	-	-	-	85.938.346.948
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	2.082.751.242.944	-	-	-	-	-	2.082.751.242.944
Phân loại lại	-	3.064.835.864	933.644.443	86.000.000	(91.821.416)	(3.992.658.891)	-
Thanh lý, nhượng bán	(797.711.545.680)	(440.124.839)	(10.143.021.428)	(9.176.470.162)	(4.364.038.661)	(696.962.175)	(822.532.162.945)
Tăng, giảm khác	-	(1.627.958.656)	(444.624.728)	-	878.069.254	-	(1.194.514.130)
Số dư cuối năm	**29.786.510.650.115**	**2.979.343.178.598**	**4.198.789.059.769**	**2.021.159.305.778**	**1.086.075.810.176**	**338.373.328.876**	**40.410.251.333.312**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	**15.085.433.365.335**	**1.399.854.724.232**	**3.148.988.311.021**	**1.259.788.290.425**	**781.278.421.084**	**216.691.443.604**	**21.892.034.555.701**
Khấu hao trong năm	1.197.119.873.600	108.335.626.576	255.371.985.741	127.982.017.196	106.531.312.001	15.945.152.049	1.811.285.967.163
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	1.496.972.485.585	-	-	-	-	-	1.496.972.485.585
Phân loại lại	-	171.961.902	(190.800.187)	35.928.879	(57.198.139)	40.107.545	-
Thanh lý, nhượng bán	(797.711.545.680)	(440.124.839)	(10.143.021.428)	(9.176.470.162)	(4.364.038.661)	(696.962.175)	(822.532.162.945)
Tăng, giảm khác	-	-	(342.406.474)	-	(42.323.784)	-	(384.730.258)
Số dư cuối năm	**16.981.814.178.840**	**1.507.922.187.871**	**3.393.684.068.673**	**1.378.629.766.338**	**883.346.172.501**	**231.979.741.023**	**24.377.376.115.246**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	**12.825.296.829.548**	**1.486.784.379.694**	**988.005.895.779**	**696.869.113.465**	**244.573.211.222**	**106.684.609.505**	**16.348.214.039.213**
Tại ngày cuối năm	**12.804.696.471.275**	**1.471.420.990.727**	**805.104.991.096**	**642.529.539.440**	**202.729.637.675**	**106.393.587.853**	**16.032.875.218.066**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 5.465.091.328.789 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.177.292.570.968 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.940.579.489.967 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13.269.409.149.112 VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh số 23 và 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 03. Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng, khoản mục hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ tăng 2.161 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: tăng 1.675 tỷ đồng), theo đó, khoản mục giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng tăng với số tiền là 486 tỷ đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: tăng 1.000 tỷ đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy bay và động cơ máy bay	Máy móc, thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**44.664.210.747.304**	**3.712.444.000**	**44.667.923.191.304**
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(2.082.751.242.944)	-	(2.082.751.242.944)
Số dư cuối năm	**42.581.459.504.360**	**3.712.444.000**	**42.585.171.948.360**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**17.944.735.091.246**	**1.484.977.588**	**17.946.220.068.834**
Khấu hao trong năm	1.670.510.896.237	742.488.804	1.671.253.385.041
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(1.496.972.485.585)	-	(1.496.972.485.585)
Số dư cuối năm	**18.118.273.501.898**	**2.227.466.392**	**18.120.500.968.290**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**26.719.475.656.058**	**2.227.466.412**	**26.721.703.122.470**
Tại ngày cuối năm	**24.463.186.002.462**	**1.484.977.608**	**24.464.670.980.070**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đang thuê tài chính 24 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR-72. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 03. Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng, khoản mục hao mòn lũy kế của tài sản cố định thuê tài chính trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ tăng 3.945 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: tăng 3.145 tỷ đồng), theo đó, khoản mục giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng tăng với số tiền là 800 tỷ đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: tăng 1.814 tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**73.246.777.206**	**688.816.991.295**	**25.885.231.380**	**787.948.999.881**
Tăng trong năm	-	46.192.502.955	-	46.192.502.955
Giảm do thanh lý	-	(28.183.011.190)	-	(28.183.011.190)
Số dư cuối năm	**73.246.777.206**	**706.826.483.060**	**25.885.231.380**	**805.958.491.646**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**4.153.961.233**	**600.859.325.091**	**676.132.303**	**605.689.418.627**
Khấu hao trong năm	113.859.660	53.830.088.161	9.099.077	53.953.046.898
Tăng khác	-	40.754.322	-	40.754.322
Giảm do thanh lý	-	(28.183.011.190)	-	(28.183.011.190)
Số dư cuối năm	**4.267.820.893**	**626.547.156.384**	**685.231.380**	**631.500.208.657**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**69.092.815.973**	**87.957.666.204**	**25.209.099.077**	**182.259.581.254**
Tại ngày cuối năm	**68.978.956.313**	**80.279.326.676**	**25.200.000.000**	**174.458.282.989**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 509.430.494.688 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 453.844.274.184 VND).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phần mềm MRO đang trong quá trình lắp đặt	46.938.487.200	-
Kinh phí hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng khu đất hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha (Giai đoạn 2)	17.837.109.000	17.837.109.000
Kho xăng dầu sân bay Phú Bài	5.427.022.945	3.289.985.909
Kho xăng dầu sân bay Thọ Xuân	-	31.910.643.100
Dự án hệ thống hội nghị truyền hình	-	28.522.364.000
Các dự án khác	23.816.612.299	64.500.776.593
	94.019.231.444	**146.060.878.602**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND	
	Địa chỉ	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	439.335.275.853	965.081.628.476	439.335.275.853	897.932.463.471
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Việt Nam	119.686.420.000	143.387.213.027	119.686.420.000	107.867.465.653
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	86.652.841.772	9.997.353.750	86.652.841.772	9.977.808.155
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Việt Nam	30.000.000.000	35.643.324.977	30.000.000.000	31.489.075.470
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	22.812.300.000	14.745.293.212	22.812.300.000	15.031.229.011
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	Việt Nam	17.000.000.000	-	17.000.000.000	4.037.394.510
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	14.266.335.863	13.354.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Việt Nam	1.280.000.000	750.194.327	1.280.000.000	774.656.380
		731.033.173.488	**1.182.959.007.769**	**722.933.173.488**	**1.072.364.092.650**

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Năm nay	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	**1.072.364.092.650**	**1.525.259.128.234**
Tăng vốn tại công ty liên kết	8.100.000.000	-
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết phát sinh trong năm	74.112.410.620	(225.681.830.452)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài	40.695.562.877	(22.260.792.172)
Bán công ty liên kết	-	(209.389.155.331)
Biến động khác	(12.313.058.378)	4.436.742.371
Số dư cuối năm	**1.182.959.007.769**	**1.072.364.092.650**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
a. Ngắn hạn		
Phải trả người bán	17.596.438.023.663	17.393.620.155.377
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	8.859.621.600.528	1.067.893.388.747
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	1.387.029.973.014	497.225.110.449
Phải trả Interlines	305.289.826.420	103.366.406.772
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	26.433.484.405	50.437.383.485
	28.174.812.908.030	**19.112.542.444.830**
b. Dài hạn		
Phải trả người bán	2.440.049.287.211	-
	2.440.049.287.211	**-**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	**695.015.151.361**	**264.010.422.215**

(i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị các khoản Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc ban quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có khoản nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán khoảng 15.396 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 15.779 tỷ đồng). Đến ngày báo cáo này, khoảng 4.373 tỷ đồng nợ phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính đã được các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận cơ cấu lại kỳ hạn thanh toán sang các năm tiếp theo. Ngoài ra, trong năm Tổng Công ty cũng đã thỏa thuận bù trừ một phần khoản phải trả với quỹ đại tu đã nộp cho bên cho thuê.

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang tiếp tục đàm phán với một số bên cho thuê và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để cơ cấu lại số tiền và thời hạn thanh toán các khoản phải trả này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	66.401.058.044	1.516.831.600.266	1.478.106.474.005	-	105.126.184.305
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	206.856.783	206.856.783	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	2.229.222.316	-	9.607.845.846	7.378.623.530	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.038.841.527	52.379.797.485	303.036.759.399	273.644.233.637	1.879.513.168	80.612.994.888
Thuế thu nhập cá nhân	20.792.448.607	11.657.760.761	361.141.970.195	312.421.898.600	5.502.441.833	45.087.825.582
Thuế tài nguyên	178.967.680	-	1.809.440	-	177.158.240	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.841.886.150	-	82.846.846.843	76.229.153.501	1.224.192.808	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	48.827.205.000	1.110.815.485.500	1.088.890.256.500	-	70.752.434.000
Thuế nhà thầu	-	6.169.869.591	83.613.255.423	81.319.453.296	-	8.463.671.718
Các loại thuế, lệ phí khác	-	29.902.573	2.475.487.625	2.507.390.198	2.000.000	-
	34.081.366.280	**185.465.593.454**	**3.470.577.917.320**	**3.320.704.340.050**	**8.785.306.049**	**310.043.110.493**

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines ("PA"), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ đồng, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ đồng và 117 tỷ đồng. Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013, PA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này với số tiền là 63,5 tỷ đồng, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào PA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, PA được phép hoãn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 04 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh Công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ đồng trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của PA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	3.188.822.099.883	2.720.882.038.079
Chi phí lãi vay	191.192.131.570	84.252.873.512
Chi phí phục vụ chuyến bay	146.877.345.541	50.144.983.002
Chi phí nhiên liệu	5.037.794.072	859.714.093
Các khoản trích trước khác	1.835.378.244.483	1.006.693.823.309
	5.367.307.615.549	**3.862.833.431.995**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	1.142.457.551.629	-
	1.142.457.551.629	-
Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	**262.415.231.928**	**222.559.297.552**

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chương trình khách hàng thường xuyên	699.302.310.794	381.295.417.399
Khác	31.017.592.087	24.096.738.139
	730.319.902.881	**405.392.155.538**

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận quỹ đại tu	1.286.922.000.000	218.948.919.302
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.014.361.790	174.777.310.207
Cổ tức phải trả	14.360.322.312	103.577.609.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.397.261.502	327.846.255.725
	1.890.693.945.604	**825.150.095.131**
b. Dài hạn		
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	816.316.336.339	235.847.442.990
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	154.848.283.654	184.993.438.140
	1.278.025.865.817	**727.702.126.954**
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	**224.924.234.184**	**213.912.854.350**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.030.655.044.246	33.620.362.316.521	35.469.112.419.414	(43.855.862.747)	9.138.049.078.606
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	2.186.872.029.383	1.373.240.656.967	2.280.389.152.060	54.344.673.316	1.334.068.207.606
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	1.157.396.793.787	4.855.846.239.533	3.153.677.032.338	68.369.429.253	2.927.935.430.235
	14.374.923.867.416	**39.849.449.213.021**	**40.903.178.603.812**	**78.858.239.822**	**13.400.052.716.447**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.466.965.855.215	2.263.392.341.177
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.999.999.996.629	2.182.633.748.925
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.414.783.264.522	2.894.353.713.705
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	999.999.999.874	999.999.999.874
Ngân hàng TMCP Quân đội	520.981.335.174	295.201.715.520
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	500.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	477.663.884.581	1.451.473.049.248
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	441.374.176.217	294.144.621.509
Kestrel Aviation Ireland No.1 Limited	216.280.566.394	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	485.616.714.390
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	136.935.210.127
Ngân hàng Chính sách xã hội	-	18.110.153.837
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	8.793.775.934
	9.138.049.078.606	**11.030.655.044.246**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản vay ngắn hạn được giải ngân bằng USD là 67.797.493 USD, tương đương 1.608.834.502.483 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 71.332.885 USD, tương đương 1.634.949.735.202 VND).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội bao gồm gói hỗ trợ vay tái cấp vốn với tổng hạn mức của các khoản vay là 4.000 tỷ đồng theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021 (Thuyết minh số 02) với lãi suất cho vay là 0%/năm và phí quản lý hàng năm là từ 2,3% đến 2,5% và được đảm bảo bằng tài sản bao gồm tàu bay, động cơ và cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ tại các công ty con/công ty liên kết đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM. Trong số các khoản vay ngắn hạn còn lại, các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản là 1.679 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.150 tỷ đồng) (Thuyết minh số 13), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	6.329.502.888.095	8.306.299.587.724
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	12.800.603.962.868	15.462.802.204.046
	19.130.106.850.963	**23.769.101.791.770**
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	4.262.003.637.841	3.344.268.823.170
- Số phải trả sau 12 tháng	14.868.103.213.122	20.424.832.968.600

(i) Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	3.572.267.418.233	4.746.897.114.367
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.085.303.614.589	1.425.937.795.088
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	660.714.240.000	820.517.376.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	380.242.030.386	430.839.927.593
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	231.751.082.200	279.230.907.160
Ngân hàng TNHH Indovina	194.763.624.000	219.508.080.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	81.578.464.824	112.825.811.730
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	41.122.071.058	153.208.423.562
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	37.670.583.112	53.892.964.145
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	34.310.310.043	33.826.308.769
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	9.340.449.650	28.080.899.310
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	439.000.000	1.533.980.000
	6.329.502.888.095	**8.306.299.587.724**

(*) Trong đó bao gồm khoản vay hợp vốn của 3 ngân hàng trong nước do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đầu mối cấp tín dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 4.208 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.722 tỷ đồng) (Thuyết minh số 13), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty chủ yếu được giải ngân bằng USD và VND. Số dư khoản vay dài hạn phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng USD	5.343.557.926.559	7.050.086.903.955
Vay bằng VND	985.944.961.536	1.256.212.683.769
	6.329.502.888.095	**8.306.299.587.724**

Trong năm, các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất năm như sau:

- Các khoản vay dài hạn bằng VND: từ 7,00% đến 12,10%; và
- Các khoản vay dài hạn bằng USD: từ 2,99% đến 7,38%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 1 năm	1.334.068.207.606	2.186.872.029.383
Trong năm thứ 2	1.497.065.443.065	1.333.898.406.343
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	2.576.019.301.102	3.194.103.572.643
Sau 5 năm	922.349.936.322	1.591.425.579.355
Cộng	**6.329.502.888.095**	**8.306.299.587.724**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.334.068.207.606	2.186.872.029.383
Số phải trả sau 12 tháng	**4.995.434.680.489**	**6.119.427.558.341**

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn ING	6.964.097.015.790	7.050.135.955.196
Ngân hàng Citibank	3.076.989.947.125	4.729.433.173.246
Ngân hàng MUFG	1.237.425.000.000	1.494.937.500.000
Ngân hàng HSBC	791.731.089.626	1.020.419.051.700
Ngân hàng JP Morgan Chase	730.360.910.327	1.083.672.961.100
Ngân hàng Credit Agricole	-	82.785.891.440
Công ty TNHH Viettel-CHT	-	1.417.671.364
	12.800.603.962.868	**15.462.802.204.046**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng bảo lãnh của Bộ Tài chính là 11.563 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13.966 tỷ đồng), các khoản nợ thuê tài chính còn lại được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính.

Toàn bộ nợ thuê tài chính có gốc USD với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 543.088.840 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 678.726.272 USD).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các khoản tiền tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.577.841.670.824	649.906.240.589	2.927.935.430.235
Trong năm thứ 2	4.322.151.805.980	467.825.601.109	3.854.326.204.871
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	6.294.372.734.646	482.267.918.665	5.812.104.815.981
Sau 5 năm	215.371.469.893	9.133.958.112	206.237.511.781
	14.409.737.681.343	**1.609.133.718.475**	**12.800.603.962.868**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.335.515.761.103	178.118.967.316	1.157.396.793.787
Trong năm thứ 2	3.809.943.272.682	153.295.584.201	3.656.647.688.481
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	9.297.395.204.942	163.491.591.172	9.133.903.613.770
Sau 5 năm	1.530.029.872.524	15.175.764.516	1.514.854.108.008
	15.972.884.111.251	**510.081.907.205**	**15.462.802.204.046**

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	**1.025.547.811.023**	**1.289.613.519.121**
Trích quỹ trong năm	47.008.848.979	53.446.495.473
Tăng khác trong năm	-	188.503.878
Sử dụng quỹ trong năm	(315.955.331.568)	(317.700.707.449)
Số dư cuối năm	**756.601.328.434**	**1.025.547.811.023**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	234.377.202.081	931.333.809.451	2.024.298.861	(9.328.983.490.778)	6.330.863.561.029
Cổ phiếu đã phát hành	7.961.033.270.000	(354.100.000)	-	-	-	-	-	-	7.960.679.170.000
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(12.907.540.689.336)	(12.907.540.689.336)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(45.163.581.551)	(45.163.581.551)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(22.260.792.172)	-	-	-	(22.260.792.172)
Ảnh hưởng do thoái vốn tại công ty liên kết	-	-	-	-	(130.370.000.000)	-	-	317.883.499.097	187.513.499.097
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	4.108.646.690	4.108.646.690
Số dư cuối năm trước	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	81.746.409.909	931.333.809.451	2.024.298.861	(21.959.695.615.878)	1.508.199.813.757
Số dư đầu năm nay	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	81.746.409.909	931.333.809.451	2.024.298.861	(21.959.695.615.878)	1.508.199.813.757
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(11.298.155.189.349)	(11.298.155.189.349)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	749.644.881	-	(749.644.881)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(39.612.119.044)	(39.612.119.044)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	40.695.562.877	-	-	-	40.695.562.877
Ảnh hưởng do nhận thêm vốn tại công ty con (Thuyết minh 01)	-	-	-	-	-	-	-	(1.749.214.381.934)	(1.749.214.381.934)
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(24.809.915.254)	(24.809.915.254)
Số dư cuối năm nay	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	122.441.972.786	932.083.454.332	2.024.298.861	(35.072.236.866.340)	(11.562.896.228.947)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**2.214.394.174**	**2.214.394.174**
Cổ phiếu phổ thông	*2.214.394.174*	*2.214.394.174*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**2.214.394.174**	**2.214.394.174**
Cổ phiếu phổ thông	*2.214.394.174*	*2.214.394.174*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 9 ngày 12 tháng 01 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 22.143.941.740.000 đồng. Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ	Số vốn góp tại ngày cuối năm	Số vốn góp tại ngày đầu năm
	Cổ phiếu	(%)	VND	VND
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (CMSC)	1.222.368.291	55,20	12.223.682.910.000	12.223.682.910.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	689.488.080	31,14	6.894.880.800.000	6.894.880.800.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	124.438.698	5,62	1.244.386.980.000	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	178.099.105	8,04	1.780.991.050.000	1.780.991.050.000
Cộng	**2.214.394.174**	**100**	**22.143.941.740.000**	**22.143.941.740.000**

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Biến động của Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	**(982.201.984.996)**	**(258.529.770.405)**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	75.140.026.165	(371.875.251.288)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.396.729.935)	(8.282.913.922)
Chia lợi nhuận, cổ tức	(346.074.297.132)	(357.919.256.367)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (Thuyết minh 01)	1.749.214.381.934	-
Biến động khác	18.590.077.057	14.405.206.986
Số cuối năm	**507.271.473.093**	**(982.201.984.996)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.998.498.037.419	10.454.861.348.369
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	38.732.938.117.647	45.003.427.817.667
Sau năm năm	40.309.021.735.701	43.414.875.971.613
	89.040.457.890.767	**98.873.165.137.649**

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

- Máy bay A321 - 13 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO - 20 chiếc thuê khô;
- Máy bay A320 - 12 chiếc thuê khô;
- Máy bay ATR72 - 01 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 - 04 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 - 14 chiếc thuê khô; và
- Máy bay B787-10 - 04 chiếc thuê khô.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản thuê hoạt động là động cơ với phương thức thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn – 13 chiếc gồm 05 động cơ máy bay A321, 03 động cơ máy bay A350, 02 động cơ máy bay B787 và 03 động cơ máy bay A320; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn – 07 động cơ máy bay A321 NEO.

Ngoại tệ các loại:

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	47.767.963	6.325.790
Bạt Thái Lan	THB	8.377.951	5.694.525
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	5.919.303	10.934.527
Đô la Singapore	SGD	590.197	40.818
Đô la Úc	AUD	1.087.278	424.179
Euro	EUR	4.591.666	435.921
Đô la Hồng Kông	HKD	1.982.493	1.872.097
Won Hàn Quốc	KRW	2.016.887.580	100.922.610
Yên Nhật	JPY	175.097.797	106.657.166
Macao Patacas	MOP	2.520	2.520
Đô la Đài Loan	TWD	3.894.204	3.348.262
Bảng Anh	GBP	874.085	62.923
Đô la Canada	CAD	145.413	23.491
Rúp Nga	RUB	9.470.091	4.901.681
Kíp Lào	LAK	33.533.000	2.845.052
Ringit Malaysia	MYR	596.347	698.823
Rupiah Indonesia	IDR	3.445.021.776	273.293.708

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	94.970.667.121	94.934.238.741

Nợ tiềm tàng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số dư các thư tín dụng của Tổng Công ty đang lưu hành để đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán là 4.025 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.622 tỷ đồng).

Trong năm và đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty đã thỏa thuận chấm dứt thuê hoạt động một số tàu bay và động cơ bao gồm việc thay đổi thời gian nhận hoặc hủy nhận tàu bay thuê. Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng các nghĩa vụ trong các hợp đồng và thỏa thuận và khẳng định Tổng Công ty không phát sinh thêm các nghĩa vụ phải trả/khoản lỗ trọng yếu liên quan đến việc chấm dứt thuê tàu bay, ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các khoản phải trả các đơn vị cho thuê tàu bay, động cơ và cung cấp dịch vụ sửa chữa đã quá hạn thanh toán. Tổng Công ty đã đàm phán và đạt được các thoả thuận về giãn thời gian thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn và đang tiếp tục đàm phán với một số đối tác còn lại. Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng các nghĩa vụ/chi phí tiềm tàng liên quan đến vấn đề này và khẳng định không phát sinh thêm các nghĩa vụ/chi phí nào liên quan tới đối tác hoặc bên thứ ba, phát sinh từ các khoản nợ quá hạn của Tổng Công ty, ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa và bưu kiện, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Tổng Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa và bưu kiện. Hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó, Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Vận tải Hàng không	51.566.486.263.962	18.404.609.980.787
- Doanh thu vận chuyển hành khách, hành lý	*42.560.587.011.748*	*8.606.835.254.622*
- Doanh thu vận chuyển hàng hóa, bưu kiện	*7.738.698.880.456*	*8.158.757.755.477*
- Doanh thu thuê chuyến	*773.493.626.260*	*893.409.089.008*
- Doanh thu vận chuyển hàng không khác	*493.706.745.498*	*745.607.881.680*
Hoạt động phụ trợ vận tải	3.037.240.542.937	3.159.650.954.548
Bán hàng	14.787.459.056.226	5.185.878.295.757
Khác	1.401.638.752.169	1.343.316.385.048
	70.792.824.615.294	**28.093.455.616.140**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(382.603.297.695)	(182.029.629.566)
Hàng bán bị trả lại	-	(86.477.319)
	(382.603.297.695)	**(182.116.106.885)**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**70.410.221.317.599**	**27.911.339.509.255**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.416.486.032.684	7.187.979.582.073
Chi phí nhân công	5.881.332.901.509	4.365.016.657.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.536.492.399.102	2.049.422.941.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.974.983.698.185	22.033.805.150.003
Trong đó:		
- Chi phí thuê máy bay	*11.364.238.022.637*	*13.762.472.153.109*
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	*4.751.074.987.574*	*1.922.193.609.632*
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	*3.537.124.688.011*	*1.621.154.766.054*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	*10.322.545.999.963*	*4.727.984.621.208*
Chi phí khác	873.927.335.288	695.827.350.026
	64.683.222.366.768	**36.332.051.680.405**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	763.050.612.569	726.191.108.124
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	106.237.186.461	83.965.433.993
Cổ tức lợi nhuận được chia	101.674.370.919	95.174.183.698
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	647.736.317.622
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.405.729.258	3.958.471.467
	980.367.899.207	**1.557.025.514.904**

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.265.105.881.302	173.521.891.063
Chi phí lãi vay	1.164.558.952.418	806.953.304.369
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	242.969.964.421	265.382.232.233
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(188.005.414)	90.000.000.000
Chi phí tài chính khác	759.968.655.629	289.834.076.235
	4.432.415.448.356	**1.625.691.503.900**

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	482.734.341.750	399.763.979.568
Chi phí hoa hồng	160.888.407.800	11.997.707.284
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.261.765.194.905	141.623.788.061
Chi phí bán hàng khác	1.289.617.740.444	684.674.973.664
	3.195.005.684.899	**1.238.060.448.577**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	648.984.650.680	549.359.126.879
Chi phí thuế	97.012.926.237	135.037.952.957
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.023.311.187.337	996.048.135.580
	1.769.308.764.254	**1.680.445.215.416**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

35. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	89.230.396.761	91.659.973.096
Thu nhập từ hoạt động bán quyền mua và thuê lại động cơ máy bay	50.563.315.812	-
Tiền phạt thu được	14.090.329.875	7.485.402.692
Hoàn nhập quỹ đại tu còn dư sau khi kết thúc hợp đồng cho thuê tàu bay với bên đi thuê	-	89.120.235.264
Các khoản khác	156.773.035.692	95.316.221.122
	310.657.078.140	**283.581.832.174**

36. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	17.765.486.709	1.919.428.932
Các khoản khác	20.115.322.620	16.278.839.905
	37.880.809.329	**18.198.268.837**

37. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(11.298.155.189.349)**	**(12.907.540.689.336)**
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**(11.298.155.189.349)**	**(12.907.540.689.336)**
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	*2.214.394.174*	*1.632.039.138*
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**(5.102)**	**(7.909)**

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết	**8.100.000.000**	-
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	8.100.000.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	**97.089.059.119**	**95.174.183.698**
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	94.643.987.000	94.237.440.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.156.680.000	706.860.000
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	1.288.392.119	229.883.698
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**184.217.283.491**	**165.642.426.363**
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air (*)	184.217.283.491	165.642.426.363
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	**2.620.650.786.321**	**1.900.525.244.216**
Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	2.148.093.580.010	1.660.273.955.179
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	158.399.130.788	50.169.990.072
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	150.065.147.172	150.499.439.218
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	126.286.853.001	39.543.861.044
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	37.806.075.350	37.998.703
Mua sắm tài sản cố định	-	**24.821.440.000**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	-	24.821.440.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng	**247.187.442.527**	**241.166.371.159**
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (*)	247.187.442.527	241.166.371.159
Phải thu khác	**389.733.230.473**	**394.412.685.821**
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	389.733.230.473	376.670.470.520
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (*)	-	17.742.215.301
Phải trả người bán	**695.015.151.361**	**264.010.422.215**
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	621.098.536.346	215.188.275.337
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	36.383.509.877	38.786.724.615
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	20.711.588.350	4.824.828.954
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	16.821.516.788	5.210.593.309
Chi phí phải trả	**262.415.231.928**	**222.559.297.552**
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	262.415.231.928	222.559.297.552
Phải trả khác	**224.924.234.184**	**213.912.854.350**
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (*)	224.924.234.184	213.912.854.350

(*) Hãng hàng không Cambodia Angkor Air là công ty liên kết – bên liên quan của Tổng Công ty cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Tiền lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	**3.659.672.765**	**2.753.911.376**
Ông Đặng Ngọc Hòa	1.189.435.650	993.020.600
Ông Tạ Mạnh Hùng	951.548.653	796.068.964
Ông Lê Trường Giang	951.548.653	790.948.964
Ông Đinh Việt Tùng	189.046.603	7.670.861
Ông Trương Văn Phước	189.046.603	7.670.861
Ông Tomoji Ishii	93.091.130	158.531.126
Ông Hiroyuki Kometani	95.955.473	-
Ban Giám đốc	**6.258.444.373**	**3.910.557.936**
Ông Lê Hồng Hà	1.183.518.225	987.737.347
Ông Trịnh Ngọc Thành	951.548.653	796.541.691
Ông Trịnh Hồng Quang	951.548.653	796.541.691
Ông Nguyễn Chiến Thắng	951.548.653	535.235.516
Ông Lê Đức Cảnh	634.365.768	-
Ông Nguyễn Thế Bảo	634.365.768	-
Ông Trần Thanh Hiền	951.548.653	794.501.691
Ban Kiểm soát	**1.664.420.605**	**1.358.452.273**
Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	951.548.653	790.948.964
Ông Mai Hữu Thọ	594.717.825	472.919.391
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	118.154.127	4.576.639
Ông Lại Hữu Phước	-	50.597.290
Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	39.409.949
	11.582.537.743	**8.022.921.545**

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết chấp thuận việc Tổng Công ty tiếp tục áp dụng hướng dẫn kế toán riêng về khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa bảo dưỡng năm 2022 tương tự như năm 2021.

Trong năm 2023, Tổng Công ty và một nhà cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách đã ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ hành khách với thời hạn 05 năm và có hiệu lực bắt đầu từ tháng 5 năm 2024. Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị để triển khai hệ thống mới.

Từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty và một số nhà cung cấp dịch vụ cho thuê và sửa chữa máy bay đã ký thỏa thuận cơ cấu lại khoản nợ phải trả bao gồm các điều kiện về giảm tiền phí dịch vụ cho các năm bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, miễn giảm khoản lãi chậm thanh toán, gia hạn hợp đồng dịch vụ và cơ cấu lại lịch thanh toán. Tại ngày báo cáo này, số tiền còn được miễn giảm có điều kiện là khoảng 258 tỷ đồng.

Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty và một nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tàu bay đang tiếp tục thương thảo và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thời hạn thanh toán khoản phải trả tiền thuê tàu bay, số tiền thuê phải trả và việc dừng khai thác một số tàu bay thuê theo thỏa thuận Tổng Công ty và công ty con đã ký với bên cho thuê.

Hồ Xuân Tam	Trần Thanh Hiền	Lê Hồng Hà
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2023

PHỤ LỤC
VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

TRỤ SỞ CHÍNH

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP (VIETNAM AIRLINES)

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

- Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Việt Nam (hoạt động 24/7):
  - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1100
  - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
  - Email: telesales@vietnamairlines.com
- Trung tâm chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng (hoạt động 24/7):
  - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1800
  - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
  - Email: lotusmiles@vietnamairlines.com

CÁC CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES TRONG NƯỚC

CHI NHÁNH VIỆT NAM

Địa chỉ: 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84-28) 3844 6667 | Fax: (+84-28) 3848 5312

TRUNG TÂM BÔNG SEN VÀNG

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (VASCO)

Địa chỉ: Số B114, đường Bạch Đằng, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN BAY (FTC)

Địa chỉ: Số 117 đường Hồng Hà, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3884-9657 | Fax: (+84.24) 3886-5532

Web: vaeco.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC)

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 2316 | Fax: (+84.24) 3827 2317

Email: skypec@skypec.com.vn | Web: www.skypec.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT SÂN BAY VIỆT NAM (VIAGS)

Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

ĐT: (+84.28) 3547 22 88 | Fax: (+84.28) 3547 11 88

Email: vanthu.viags@vietnamairlines.com

Web: www.viags.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (VACS)

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (+84.28) 3844 8367 | Fax: (+84.28) 3844 6719

E-mail: vncxcater@vnn.vn

Web: www.vnaircaterers.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI (NASCO)

Sân bay Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3886 5457/ 3884 0085 Fax: (+84.24) 3886 5555

E-mail: nasco-khkd@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.28) 3877 0265 / 3877 0266 Fax: (+84.28) 3827 1925 / 3772 3439

E-mail: arimex@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG PACIFIC AIRLINES (PA)

Địa chỉ: 112 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (+84.28) 3845 0092 | Fax: (+84.28) 3845 0085

Website: pacificairlines.com

HÃNG HÀNG KHÔNG CAMBODIA ANGKOR AIR (K6)

Địa chỉ: #206 Preah Norodon Blvd - Phnom Penh - Cambodia

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO BAY VIỆT (VFT)

Địa chỉ: 117V Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84.28) 3547 0916 | Fax: (+84.28) 3547 0920.

Hotline: (+84) 90 532 5860

Email: vft@bayviet.com.vn | Web: www.bayviet.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG XUẤT NHẬP KHẨU LAO ĐỘNG HÀNG KHÔNG (ALSIMEXCO)

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 1993 / 3873 2383 Fax: (+84.24) 3873 0624

E-mail: business@alsimexco.vn | Web: alsimexco.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TECS)

Địa chỉ: 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam

ĐT: (+84.28) 3811 0633 / 3811 0678

Fax: (+84.28) 3811 5522 | Email: contactus@tecs.com.vn

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu,
Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (+84.24) 35 77 22 25 | Fax: (+84.24) 35 77 22 70
Email: info@valc.com.vn | Web: www.valc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG (MASCO)

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Q. Hải Châu,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (+84 511) 383 0340 | Fax: (+84 511) 382 6133
Email: masco@masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5577 | Fax: (+84.24) 3884 0199
E-mail: nbcatering@hn.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SABRE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đệ nhất, số 53 Quang Trung,
Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.24) 39431975 | Fax: (+84.24) 39431972
Email: hannmc@sabretn.com.vn
Website: www.sabretn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TCS)

Địa chỉ: Sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3848 6489 | Fax: (+84.28) 3842 7944

CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA (VINAKO)

Địa chỉ: 4 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 6252 / 3848 5353 | Fax: (+84.28) 3848 5353
E-mail: vinako.fwd@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI (NCTS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
ĐT: (+84.28) 3 5840905 | Fax: (+84.28) 3 5840906
E-mail: operation@noibaicargo.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CAO CẤP HÀNG KHÔNG (ALAPCO)

Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Đường Nguyễn Sơn,
Quận Long Biên, Hà Nội

CÁC CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES NƯỚC NGOÀI

ANH

London: 11-13 Lower Grosvenor Place, SW1W 0EX, London, UK

CAMPUCHIA

Phnompenh:
No 41, 214 Samdech Pan Str., Phnompenh, Kingdom of Cambodia

ĐÀI LOAN

Đài Loan: 5F, 59 Sung Chiang Road, Taiwan
Cao Hùng: 3F-6, No.56, Min-sheng 1St, Rd, Kaoshiung City, Taiwan

ĐỨC

Frankfurt: Rossmarkt 5, D-60311 Frankfurt am Main, Germany

HÀN QUỐC

Seoul: Soon Hwa Bldg., 9th Floor, 89 Seosomun-ro, Jung-Gu, Seoul, Korea
Pusan: 3rd Floor, Passenger Terminal Gimhae Int'l Airport 108 Gonghangjinip-ro, Gangseo-gu, Busan, Korea

HONG KONG

Unit 918, 9F, China Merchants Tower, Shun Tak Centre
168-200 Connaught Road Central, Sheung Wan, Hongkong

LÀO

Vientiane: 63 Samsenthai Road, Lao Plaza Hotel 1st Floor – Vientiane
Luang Prabang: Luang Prabang Airport, Lao P.D.R

LIÊN BANG NGA

Moscow: Bld. 1, 3rd Frunzenskaya, Moscow, 119270, Russia

MALAYSIA

Kuala Lampur: Suite 05, Level 5 Menara Hap Seng, Jalan P.Ramlee, 50250
Kuala Lampur, Malaysia

MỸ

U.S Branch
1388 Sutter Street, Suite 500, San Francisco, CA 94109

MYANMAR

Yangon: #1702, Sakura Tower 339, Bogyoke Aung San Road, Kyauktada Township, Yangon, Myanmar

NHẬT BẢN

Tokyo: Daido Seimei Kasumigaseki Bldg., 6F 1-4-2 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0013, Japan

PHÁP

Paris: 33 Avenue du Maine – 75755 Paris Cedex 15, France

SINGAPORE

Singapore: 10 Airport Boulevard, #02-102 Changi Airport terminal 4 Singapore 819665

THÁI LAN

Bangkok: 10th Floor, Wave Place Buiding, 55 Wireless Rd. Lumpinee Patumwan Bangkok 10330, Thailand

ÚC

Sydney: Level 25, St. Martins Tower, Suite 25.03, 31 Market Street, Sydney, NSW 2000, Australia
Melbourne: Suite 10.06, 3 Bowen Cres, Melbourne, VIC 3004, Australia

TRUNG QUỐC

Bắc Kinh: C818, Office Building, Beijing Lufthansa Center
No.50, Liangmaqiao Road, Chaoyang District, Beijing 100125, China
Thượng Hải: Room 1605, Imago Building No. 99 Wu Ning Street, Shanghai City, China
Quảng Châu: B shop,Lobby, Garden Hotel, 368 Huanshi East Road, Guangzhou, China
Thành Đô: No.25, 8 floor, block 1, No.20 Jialing Road, Wuhou district, Chengdu, China

INDONESIA

Jakarta: Wisma Tamara Lt.8 # 868, Jl. Jend. Surdiman Kav. 24, Jakarta 12920 Indonesia

Vietnam Airlines
SẢI CÁNH VƯƠN CAO

Gọi ngay:
19001100

Theo dõi ngay:
fb/vietnamairlines

Đặt vé ngay:
vietnamairlines.com

Đăng ký ngay:
Hội viên LOTUSMILES

Tải ứng dụng
ngay: